

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
THƯƠNG MẠI LEGROUP**

Số: 318 /CV-LEGROUP

V/v đăng ký môi trường cho cơ sở “Nhà máy
sản xuất linh kiện, phụ kiện xe máy, xe đạp”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quang Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội

Chúng tôi là Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại Legroup, chủ cơ sở “Nhà máy sản xuất linh kiện, phụ kiện xe máy, xe đạp”, thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 và Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Nhà máy có nước thải phát sinh đầu nối vào hệ thống XLNTTT của KCN Quang Minh, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất có tổng lưu lượng cần xử lý khoảng 59.800 m³/giờ).

- Địa chỉ trụ sở chính: Liên kề 2618, Khu đô thị TMS, phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ.

- Địa chỉ thực hiện nhà máy: Lô 15-2 và 15-3, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội (thuộc lô 15B+15C theo Quyết định số 2808/QĐ- UBND ngày 31/7/2008 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu Công nghiệp Quang Minh I tại huyện Mê Linh tỉnh Vĩnh Phúc - Tỷ lệ 1/2000).

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500234708, do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24/02/2010, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 19/11/2025.

- Người đại diện theo pháp luật của cơ sở: Ông Lê Tuấn - Chức vụ: Giám đốc.

- Điện thoại: 0903.259.228.

Chúng tôi gửi đến Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội hồ sơ gồm:

- Một (01) bản báo cáo đăng ký bảo vệ môi trường cơ sở Nhà máy sản xuất linh kiện, phụ kiện xe máy, xe đạp.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội tiếp nhận đăng ký môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất linh kiện, phụ kiện xe máy, xe đạp./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
THƯƠNG MẠI LEGROUP**



GIÁM ĐỐC
Lê Tuấn



ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

Của cơ sở

Nhà máy sản xuất linh kiện, phụ kiện xe máy, xe đạp

**Địa điểm thực hiện nhà máy: Lô 15-2 và 15-3, KCN
Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội (thuộc lô
15B+15C theo Quyết định số 2808/QĐ- UBND ngày
31/7/2008 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt quy
hoạch chi tiết Khu Công nghiệp Quang Minh I tại huyện
Mê Linh tỉnh Vĩnh Phúc - Tỷ lệ 1/2000)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
THƯƠNG MẠI LEGROUP**

Số: 318A /CV-LEGROUP

V/v đăng ký môi trường cho cơ sở “Nhà
máy sản xuất linh kiện, phụ kiện xe máy, xe
đạp”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quang Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2026

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội

Chúng tôi là Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại Legroup, chủ cơ sở “Nhà máy sản xuất linh kiện, phụ kiện xe máy, xe đạp”, thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 và Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Nhà máy có nước thải phát sinh đầu nối vào hệ thống XLNTTT của KCN Quang Minh, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất có tổng lưu lượng cần xử lý khoảng 59.800 m³/giờ).

- Địa chỉ trụ sở chính: Liên kê 2618, Khu đô thị TMS, phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ.

- Địa chỉ thực hiện nhà máy: Lô 15-2 và 15-3, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội (thuộc lô 15B+15C theo Quyết định số 2808/QĐ- UBND ngày 31/7/2008 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu Công nghiệp Quang Minh I tại huyện Mê Linh tỉnh Vĩnh Phúc - Tỷ lệ 1/2000).

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500234708, do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24/02/2010, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 19/11/2025.

- Người đại diện theo pháp luật của cơ sở:

Ông Lê Tuấn Chức vụ: Giám đốc.

- Điện thoại: 0903.259.228

Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại Legroup đăng ký môi trường cho cơ sở “Nhà máy sản xuất linh kiện, phụ kiện xe máy, xe đạp” với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Nhà máy sản xuất linh kiện, phụ kiện xe máy, xe đạp”.

1.2. Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại Legroup.

1.3. Địa điểm thực hiện cơ sở: Lô 15-2 và 15-3, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội.

Nhà máy sản xuất linh kiện, phụ kiện xe máy, xe đạp được thực hiện tại Lô 15-2 và 15-3 có diện tích là 14.000 m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AB829619 và

AB829621 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 09/6/2007) trong KCN Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội.



Hình 1: Vị trí nhà máy trong KCN Quang Minh

Tình hình triển khai xây dựng và hoàn thành các hạng mục công trình của Nhà máy được tổng hợp trong bảng dưới đây (bản vẽ hoàn công tổng mặt bằng Nhà máy được đính kèm tại Phụ lục):

Bảng 1: Quy mô các hạng mục công trình của Nhà máy

TT	Hạng mục xây dựng	Đơn vị	Diện tích xây dựng	Số tầng
I.1	Các hạng mục công trình chính			
1	Nhà xưởng 1	m ²	3700	1
2	Nhà xưởng 2	m ²	6350	2
3	Nhà điều hành	m ²	380	3
I.2	Các hạng mục công trình phụ trợ			
1	Khu nhà vệ sinh	m ²	60	1
2	Khu vực khí hàn	m ²	60	1
3	Khu vực máy nén khí	m ²	70	1
4	Nhà để xe	m ²	230	3
5	Nhà bảo vệ	m ²	20	1
6	Trạm bơm	m ²	100	1

TT	Hạng mục xây dựng	Đơn vị	Diện tích xây dựng	Số tầng
7	Trạm điện	m ²	20	1
8	Sân đường giao thông nội bộ	m ²	1510	-
I.3	Công trình bảo vệ môi trường			
1	Cây xanh	m ²	1.400	
2	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa nhà xưởng	Hệ thống	-	
3	Hệ thống thu gom và thoát nước thải nhà xưởng	Hệ thống	-	
4	Bể tự hoại xử lý sơ bộ NTSH	Bể	04	
6	Kho lưu giữ CTNH	m ²	20	
7	Kho lưu giữ CTRTT	m ²	20	
8	Hệ thống xử lý nước thải Ni	m ²	40	
9	Hệ thống xử lý nước thải Cr	m ²	30	
10	Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền mạ	Hệ thống	03	
11	Hệ thống thu gom khí thải xưởng hàn	Hệ thống	01	
	Tổng		14.000	

Cơ sở được hợp nhất từ 02 dự án là Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất linh kiện, phụ tùng xe máy, xe đạp của Công ty TNHH Sản xuất thương mại Legroup và Dự án xây dựng nhà máy sản xuất ống giảm âm xe máy của Công ty TNHH Điện hóa SCL, thông qua Hợp đồng sáp nhập số 03 ngày 13/12/2007.

Cơ sở đã tăng công suất và có nhiều điều chỉnh về công trình bảo vệ môi trường khác so với các bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường công ty đã đăng ký và được xác nhận. UBND xã Quang Minh đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 504/QĐ-XPHC ngày 5/9/2025 và Cơ sở đã chấp hành quyết định xử phạt.

Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có):

- Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 436/TNMT-MT ngày 1/6/2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cho Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất linh kiện, phụ tùng xe máy, xe đạp của Công ty TNHH Sản xuất thương mại Legroup tại KCN Quang Minh, huyện Mê Linh.

- Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 400/TNMT-MT ngày 23/5/2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cho Dự án xây dựng nhà máy sản xuất ống giảm âm xe máy của Công ty TNHH Điện hóa SCL tại KCN Quang Minh, huyện Mê Linh.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 01.001296.T do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp lần 1 ngày 20/6/2013.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 01221000341, do Ban quản lý các khu công

nghe cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội chứng nhận lần đầu ngày 7/10/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 28/11/2025.

1.4. Tổng vốn đầu tư của cơ sở: 98.000.000.000 VNĐ (Chín mươi tám tỷ Việt Nam Đồng).

Theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công (theo quy mô, mức độ quan trọng), Nhà máy thuộc nhóm C (Theo khoản 4, Điều 10, Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024).

Nhà máy sản xuất linh kiện, phụ kiện xe máy, xe đạp, có nước thải đầu nối vào hệ thống XLNTTT của KCN Quang Minh, phát sinh khí thải cần xử lý có lưu lượng nhỏ hơn 100.000 m³/giờ, căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 và Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cơ sở thuộc đối tượng phải đăng ký bảo vệ môi trường đến UBND cấp tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND thành phố Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội thì đăng ký bảo vệ môi trường của Cơ sở sẽ được tiếp nhận bởi Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội.

1.5. Quy mô công suất:

Công suất của nhà máy được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2: Công suất của nhà máy

STT	Sản phẩm	Quy mô công suất (tấn/năm) (*)		
		GCNĐT lần đầu	2025	GCNĐT thay đổi lần 1 - ĐKMT
1	Linh phụ kiện xe máy	950	3.612	4000
	Tổng	950	3.612	4000

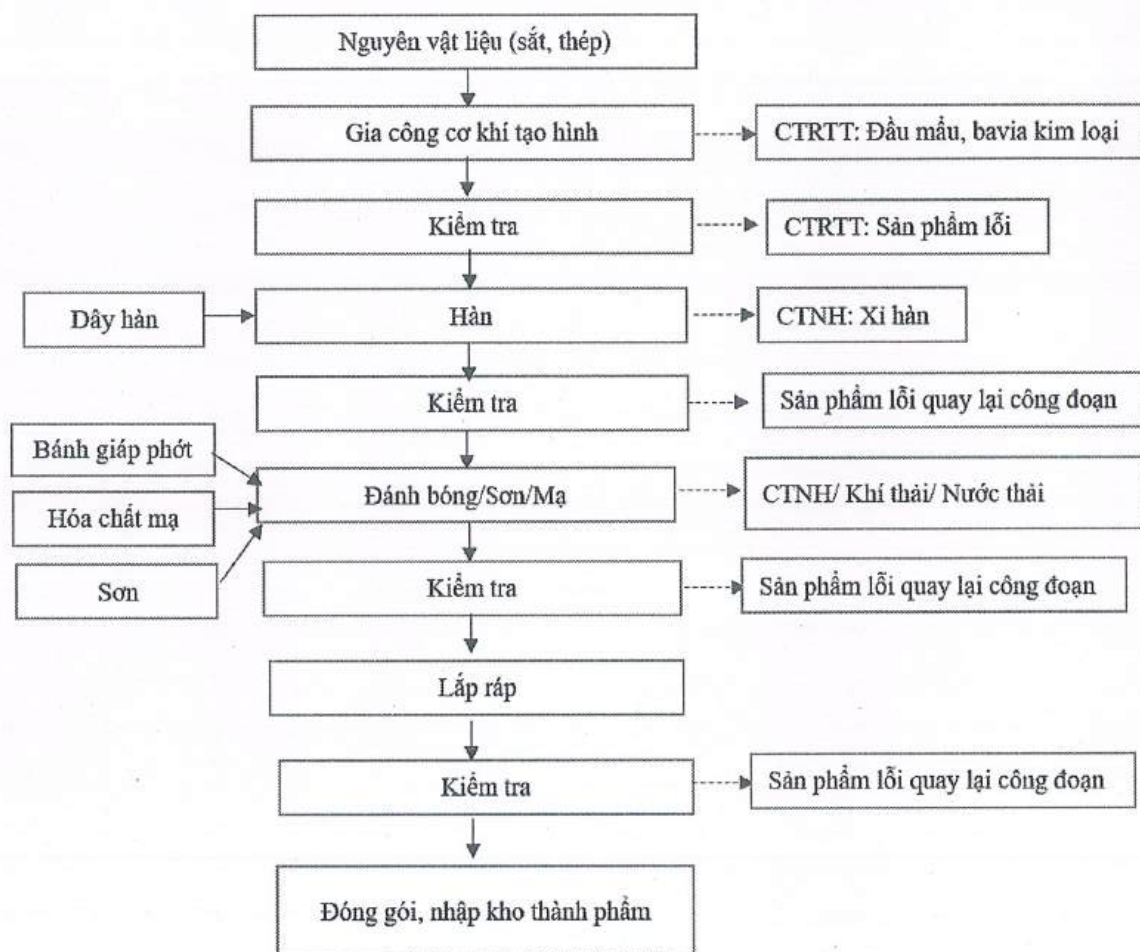
(Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại Legroup, 2026)

Ghi chú:

(*) Theo thực tế hiện sản xuất các năm gần đây, Công ty đã sản xuất vượt công suất đăng ký theo giấy chứng nhận đầu tư lần đầu và giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 1, tuy nhiên do tình hình thị trường xe máy đang chuyển đổi từ xe máy nhiên liệu đốt trong sang xe điện, vì vậy nhằm cân đối công suất của cơ sở trong những năm tiếp theo, Công ty đã đăng ký trong giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 1 với quy mô công suất là 4.000 tấn sản phẩm/năm, đây cũng là công suất xin cấp phép trong đăng ký môi trường lần này.

1.6. Công nghệ và loại hình sản xuất của cơ sở:

Công nghệ sản xuất linh phụ kiện xe máy gồm các bước sau:



Hình 2: Quy trình sản xuất tổng thể linh phụ kiện xe máy

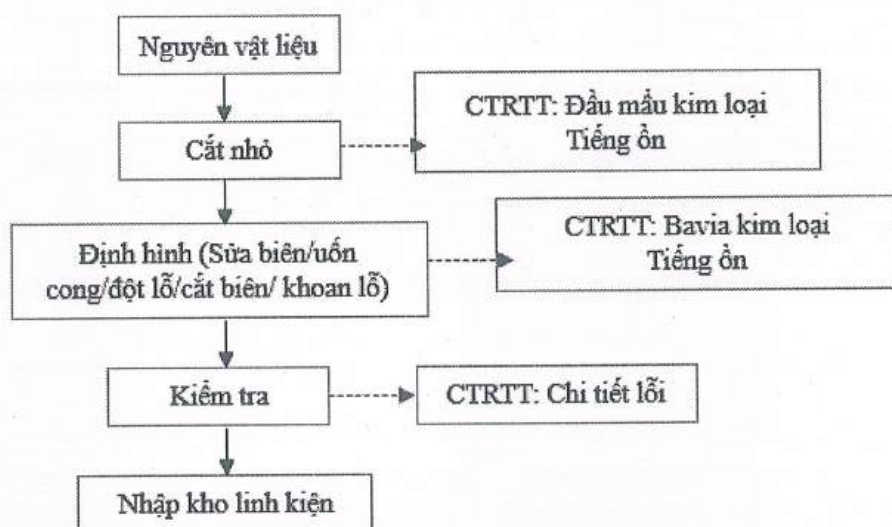
Tương ứng với quy trình sản xuất tổng thể sẽ có các công đoạn sản xuất riêng như sau:

❖ **Công đoạn gia công cơ khí tạo hình**

Gia công cơ khí tạo hình là bước đầu tiên trong sản xuất mọi sản phẩm linh, phụ kiện xe máy.

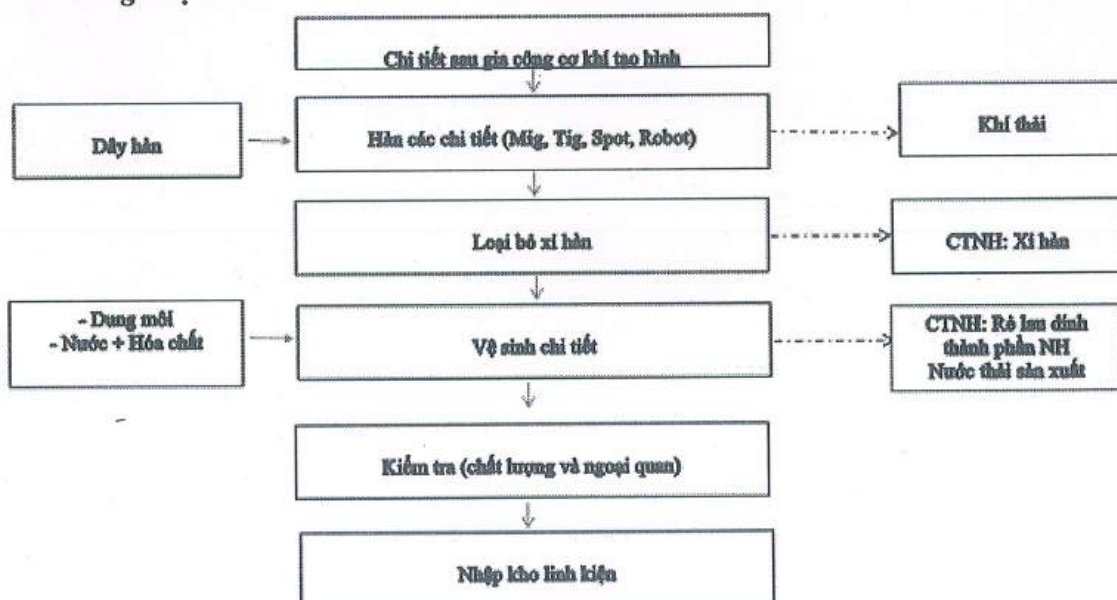
Theo yêu cầu của đơn hàng và kế hoạch sản xuất, nguyên vật liệu là sắt, thép được gia công cơ khí gồm cắt ống, sửa biên, uốn ống, khoan lỗ tạo thành hình. Công nhân kiểm tra chất lượng trước khi nhập kho linh kiện. Nếu chi tiết kiểm tra bị lỗi sẽ được loại bỏ và phân định là CTRTT. Chi tiết đạt yêu cầu sẽ được nhập kho linh kiện chờ hoàn thiện tiếp tại công đoạn hàn.

Đối với công đoạn đột dập chi tiết tại nhà máy, nhà máy sử dụng dầu dập làm chất bôi trơn hỗ trợ trong quá trình đột dập.



Hình 3: Công đoạn gia công cơ khí tạo hình

❖ Công đoạn hàn



Hình 4: Sơ đồ quy trình hàn

Thuyết minh công nghệ:

Các bán thành phẩm sau khi được gia công tạo hình sẽ được chuyển sang xưởng hàn theo quy trình: hàn các chi tiết bằng hàn tig, hàn mix, hàn robot, các chi tiết lớn cần ghép với nhau tạo sản phẩm hoàn chỉnh sẽ được hàn lẫn thêm (ví dụ sản xuất sản phẩm bình xăng). Sau đó, công nhân dùng dao để và búa gõ các phần xỉ hàn thừa và kiểm tra chất lượng, sửa chữa lại hàng lỗi trước khi nhập kho linh kiện. Quá trình sửa lỗi chi tiết thường sẽ sử dụng hàn tay, ren để sửa chữa chi tiết. Chi tiết sau khi được hoàn thành sẽ được nhập kho linh kiện và chờ chuyển sang hoàn thiện tại công đoạn tiếp theo tại xưởng đánh bóng.

Tùy theo yêu cầu của khách hàng mà chi tiết sau hàn sẽ được vệ sinh trước khi chuyển giao cho khách hàng, tại nhà máy chi tiết hàn sẽ được vệ sinh theo 2 cách sau:

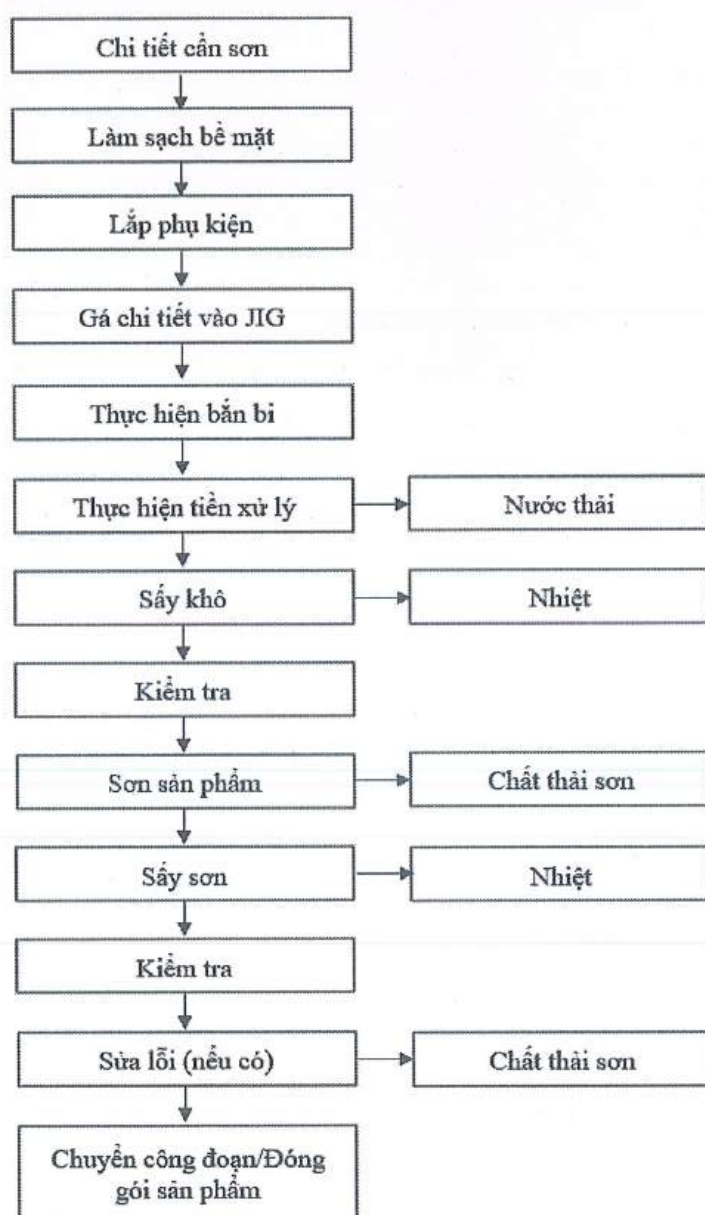
- Cách 1: Sử dụng dung môi để lau chi tiết, để lau chi tiết sau xử lý sẽ được thu gom, phân loại và quản lý như chất thải nguy hại.

- Cách 2: Rửa nước chi tiết hàn, các chi tiết sẽ được rửa trong nước sạch sau đó sẽ được để khô tự nhiên trước khi đóng gói chuyển giao cho khách hàng. Nước thải phát sinh từ quá trình rửa sẽ được thu gom và đưa về hệ thống XLNT số 01 của nhà máy.

❖ **Công đoạn đánh bóng:**

Các chi tiết sau khi được gia công cơ khí định hình hoặc hàn sẽ được chuyển sang công đoạn đánh bóng, sử dụng bánh phốt rập, bánh ni hoặc sơ dừa để sửa lỗi bề mặt hoặc đánh bóng bề mặt chi tiết. Chi tiết sau khi đánh bóng tùy thuộc vào yêu cầu chất lượng của khách hàng sẽ được chuyển giao sang công đoạn đóng gói sản phẩm hoặc kho linh kiện chờ hoàn thiện tại công đoạn tiếp theo là sơn hoặc mạ.

❖ **Công đoạn sơn:**



Hình 5: Quy trình sơn sản phẩm tại cơ sở

Thuyết minh:

Các chi tiết, linh kiện nhập từ bên ngoài và gia công tại nhà máy sẽ được kiểm tra chất lượng và vận chuyển về kho linh kiện cùng với các loại chi tiết được sản xuất tại nhà máy để chuẩn bị sơn.

- Bước 1 - Lắp phụ kiện: Trên thực tế có 1 số loại sản phẩm đã được lắp kèm thêm những chi tiết khác do đặc thù sản phẩm, những chi tiết này không có khả năng kháng lại các loại hóa chất dùng trong các công đoạn tiền xử lý (ví dụ sản phẩm ống xả xe máy) do vậy khi sơn những loại sản phẩm kiểu này phải thêm công đoạn lắp phụ kiện để

+ Ngăn bi trong công đoạn bắn bi có thể lọt vào trong lòng chi tiết → Phải hủy bỏ chi tiết.

+ Ngăn hóa chất có thể tiếp xúc với các linh kiện được lắp kèm, không làm hỏng hoặc làm mất tác dụng của chi tiết lắp kèm.

*Đối với những chi tiết, linh kiện phải áp dụng công đoạn này thì đồng thời phải áp dụng cả công đoạn làm sạch bề mặt.

- Bước 2 – Bắn bi: Đầu tiên chi tiết được đưa vào máy bắn bi nhằm tạo độ nhám cho bề mặt kim loại trước khi sơn.

- Bước 3 - Các công đoạn tiền xử lý:

+ Tẩy dầu.

+ Phốt phát hóa bề mặt.

+ Cromat hóa bề mặt.

Trong đó công đoạn tẩy dầu là công đoạn bắt buộc đối với mọi loại chi tiết. Còn các công đoạn phốt phát hóa bề mặt và cromat hóa bề mặt thì tùy thuộc vào chủng loại vật tư để sản xuất chi tiết và yêu cầu bề mặt của khách hàng để xem xét áp dụng.

Giữa các bước tẩy rửa đều có áp dụng các bể rửa tràn hoặc rửa phun bằng nước sạch để rửa sạch hóa chất của bước rửa trước không cho hóa chất của bước rửa trước bị mang sang và hòa lẫn với hóa chất của bước rửa sau nhằm ngăn chặn phản ứng hóa học nguy hiểm, duy trì hiệu quả tối đa cho các hóa chất và tránh tình trạng nhiễm chéo.

Nước thải phát sinh tại đây được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công nghiệp. Cũng tại công đoạn này, ở bước rửa cuối cùng chi tiết được phun rửa bằng nước RO để tăng độ sạch.

Chất thải trong công đoạn này chủ yếu là nước rửa có chứa dầu, axit và hơi nước.

- Bước 4 - Sấy khô chi tiết: Các chi tiết sau khi được xử lý bề mặt sẽ được đưa vào buồng sấy khô để làm khô bề mặt chuẩn bị cho bước tiếp theo là sơn.

- Bước 5 - Sơn chi tiết:

+ Chi tiết sau làm sạch bề mặt sẽ được kiểm tra lại bề mặt để loại bỏ những chi tiết bị khuyết tật và được đưa vào buồng sơn.

+ Sơn chi tiết: Tùy theo chủng loại sơn, yêu cầu từ nhà cung cấp và yêu cầu chất lượng của khách hàng để thực hiện sơn 1 hoặc 2 lớp. Nếu là sơn 2 lớp thì lớp thứ nhất

là sơn lót và lớp thứ 2 là sơn hoàn thiện.

- Bước 6 - Sấy sau sơn: Sau công đoạn sơn, các chi tiết sẽ được đưa vào thiết bị sấy, tại đây chi tiết sẽ được làm khô bề mặt làm ổn định độ bám của sơn (xử dụng năng lượng điện và LPG với nhiệt độ sấy chi tiết được duy trì khoảng giới hạn 180°C ~ 260°C tùy theo từng chủng loại sơn)

- Bước 7 - Kiểm tra:

+ Kiểm tra chất lượng kỹ thuật: Lấy mẫu đầu ca để test các chỉ số như độ bám dính, độ cứng....

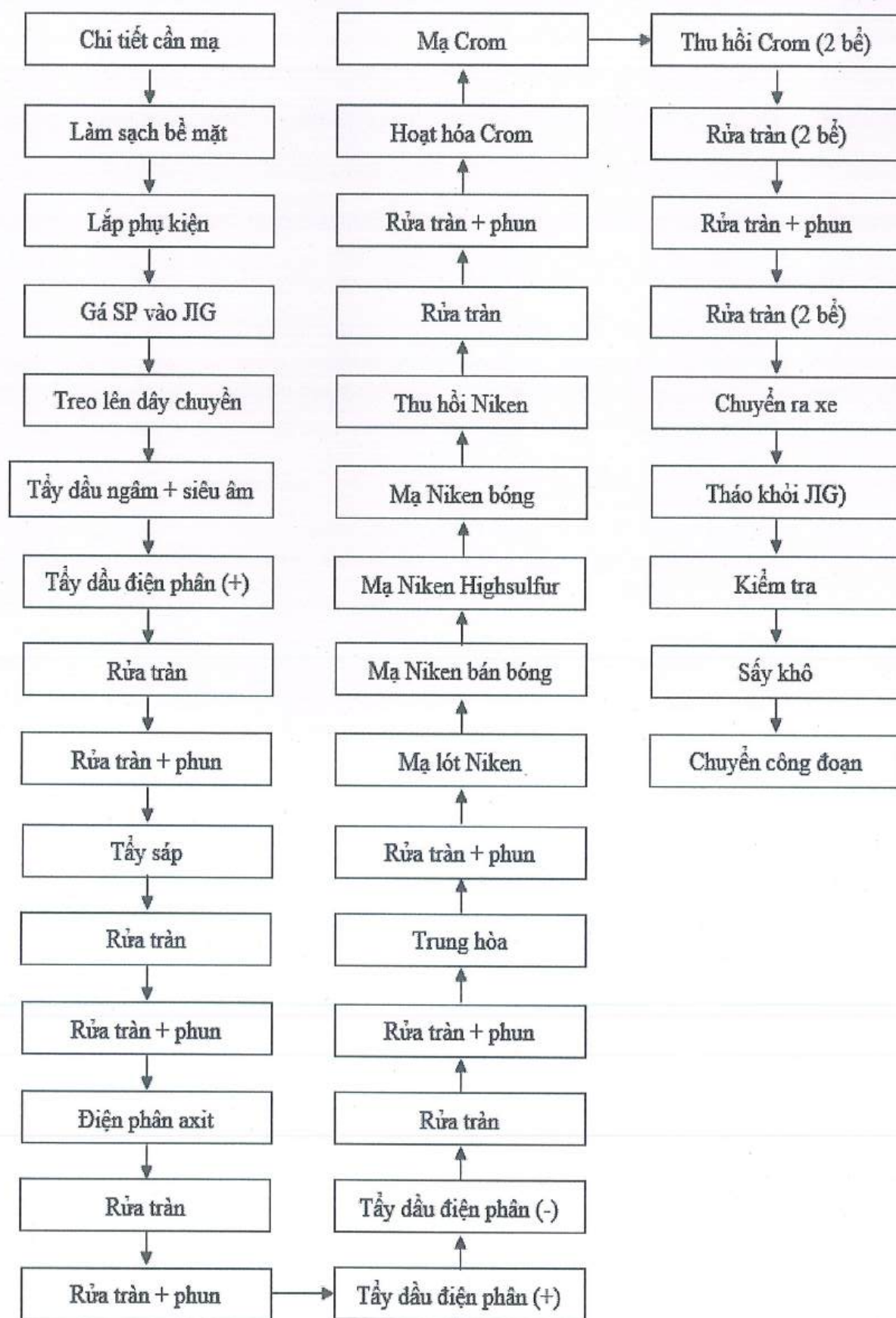
+ Kiểm tra chất lượng ngoại quan sản phẩm: Kiểm tra 100% theo tiêu chuẩn của khách hàng.

+ Phân loại: Chi tiết sau khi kiểm tra đạt chất lượng tùy thuộc vào đơn hàng sẽ được chuyển tiếp đến công đoạn lắp ráp hoặc đã là sản phẩm hoàn chỉnh thì được chuyển đóng gói lưu kho thành phẩm.

Đối với những chi tiết không đạt chất lượng thì sẽ chuyển ngay về buồng sơn để sơn lại.

❖ Công đoạn mạ:

Tại cơ sở hiện nay có 02 dây chuyền mạ gồm 01 dây chuyền mạ niken, crom và 01 dây chuyền mạ đồng, niken và crom. Chi tiết quy trình mạ của các dây chuyền được thể hiện trong các hình sau:



Hình 6: Quy trình mạ line 1



Hình 7: Quy trình mạ line 2

Thuyết minh:

Các chi tiết, linh kiện sau khi đánh bóng và được kiểm tra chất lượng ngoại quan đạt yêu cầu được chuyển về phân xưởng Mạ để chuẩn bị mạ.

- Bước 1 – Làm sạch bề mặt: Đầu tiên chi tiết được làm sạch bề mặt bằng dung môi nhằm loại bỏ bớt dầu mỡ hoặc sáp đánh bóng trên bề mặt kim loại trước khi đưa lên dây chuyền mạ.

- Bước 2 - Lắp phụ kiện: Trên thực tế có 1 số loại sản phẩm đã được lắp kèm thêm những chi tiết khác do đặc thù sản phẩm, những chi tiết này không có khả năng kháng lại các loại hóa chất dùng trong các công đoạn mạ (ví dụ sản phẩm ống xả xe máy) do vậy khi mạ những loại sản phẩm kiểu này phải thêm công đoạn lắp phụ kiện để ngăn hóa chất có thể tiếp xúc với các linh kiện được lắp kèm, không làm hỏng hoặc làm mất tác dụng của chi tiết lắp kèm.

- Bước 3 – Gá chi tiết vào JIG và treo lên dây chuyền mạ: Tại bước công đoạn này người thực hiện phải lưu ý tránh mọi va chạm có thể gây ảnh hưởng đến chất lượng ngoại quan của chi tiết.

- Bước 4 - Các công đoạn tiền xử lý:

+ Tẩy dầu.

+ Tẩy sáp.

+ Tẩy rỉ.

Giữa các bước tẩy rửa đều có áp dụng các bể rửa tràn và rửa tràn kết hợp rửa phun để rửa sạch hóa chất của bước rửa trước không cho hóa chất của bước rửa trước bị mang sang và hòa lẫn với hóa chất của bước rửa sau nhằm ngăn chặn phản ứng hóa học nguy hiểm, duy trì hiệu quả tối đa cho các hóa chất và tránh tình trạng nhiễm chéo.

Nước thải phát sinh tại đây được tách ra 2 nguồn gồm nguồn gốc kiềm và nguồn gốc axit để thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công nghiệp. Cũng tại công đoạn này, chi tiết được phun rửa bằng nước RO để tăng độ sạch. Chất thải trong công đoạn này chủ yếu là nước rửa có chứa dầu, axit và hơi nước.

- Bước 5 – Trung hòa: Có tác dụng trung hòa sạch hóa chất gốc kiềm.

Nước thải tại bước công đoạn này được thu gom về bể gom có nguồn gốc axit để xử lý cùng với nước thải của các công đoạn tiền xử lý.

- Bước 6 – Mạ niken: Có 4 lớp mạ phủ được áp dụng tại nhà máy.

+ Mạ lót niken: Lớp mạ này chỉ áp dụng cho các loại chi tiết có vật liệu nền là inox.

+ Mạ niken bán bóng: Là lớp mạ lót trung gian trong quy trình mạ nhiều lớp giúp làm san phẳng bề mặt vật liệu, làm tăng độ bám dính và tăng khả năng chống ăn mòn cho chi tiết.

+ Mạ niken lưu huỳnh cao: Là quy trình phủ một lớp niken có hàm lượng lưu huỳnh lớn hơn giúp làm tăng khả năng chống ăn mòn điện hóa cho chi tiết. Lớp mạ này chỉ áp dụng khi có yêu cầu của khách hàng.

+ Mạ niken bóng: Lớp mạ này tạo ra bề mặt sáng bóng như gương, có độ phản

chiều cao giúp tăng tính thẩm mỹ, chống mài mòn và kéo dài tuổi thọ cho chi tiết.

+ Mạ niken vì lỗ: Lớp mạ này tạo lớp nền chứa hàng triệu lỗ siêu nhỏ trước khi mạ crom. Lớp vi lỗ này phân tán điện thế, làm giảm đáng kể dòng ăn mòn điện hóa, từ đó tăng khả năng chống gỉ sét lên gấp nhiều lần cho chi tiết. Lớp mạ này chỉ áp dụng khi có yêu cầu của khách hàng.

+ Thu hồi niken: Thu hồi lại lượng dung dịch mạ niken bị mang sang trong quá trình mạ giúp giảm chi phí mạ và giảm chi phí xử lý nước thải.

Nước thải tại các bước công đoạn mạ được thu gom về bể gom có nguồn gốc kiềm để xử lý cùng với nước thải của các công đoạn tiền xử lý.

- Bước 7 – Mạ lót đồng: Là quá trình phủ một lớp đồng mỏng lên bề mặt kim loại nền trước khi thực hiện các lớp mạ chính (Niken). Lớp mạ này đóng vai trò như một lớp trung gian giúp tăng cường độ bám dính, làm phẳng mịn bề mặt, và cải thiện khả năng chống ăn mòn cho chi tiết. Lớp mạ này chỉ áp dụng khi có yêu cầu của khách hàng.

Sau khi mạ lót đồng phải rửa sạch bề mặt chi tiết. Nước thải tại các bước công đoạn mạ được thu gom và xử lý riêng sau đó tiếp tục thu gom về bể gom có nguồn gốc kiềm để xử lý cùng với nước thải của các công đoạn tiền xử lý.

- Bước 8 – Mạ crom:

+ Mạ crom: Là lớp mạ giúp tăng độ cứng, chống ăn mòn, giảm ma sát và tạo vẻ sáng bóng thẩm mỹ cho chi tiết.

+ Thu hồi crom: Thu hồi lại lượng dung dịch mạ crom bị mang sang trong quá trình mạ giúp giảm chi phí mạ và giảm chi phí xử lý nước thải.

Nước thải tại các bước công đoạn mạ được thu gom về bể gom có nguồn gốc axit để xử lý cùng với nước thải của các công đoạn tiền xử lý.

- Bước 9 – Gỡ chi tiết từ JIG mạ: Tại bước công đoạn này người thực hiện phải lưu ý tránh mọi va chạm có thể gây ảnh hưởng đến chất lượng ngoại quan của chi tiết.

- Bước 10: Kiểm tra.

+ Kiểm tra chất lượng kỹ thuật: Lấy mẫu đầu ca để test các chỉ số như độ bám dính, khả năng chống ăn mòn....

+ Kiểm tra chất lượng ngoại quan sản phẩm: Kiểm tra 100% theo tiêu chuẩn của khách hàng.

+ Phân loại: Chi tiết sau khi kiểm tra đạt chất lượng tùy thuộc vào đơn hàng sẽ được chuyển tiếp đến công đoạn lắp ráp hoặc đã là sản phẩm hoàn chỉnh thì được chuyển đóng gói lưu kho thành phẩm.

Đối với những chi tiết không đạt chất lượng thì sẽ xử lý theo lưu trình: Bóc niken → Đánh bóng → Mạ lại.

- Bước 11: Sấy sau mạ

Sau công đoạn mạ, các chi tiết sẽ được đưa vào thiết bị sấy, tại đây chi tiết sẽ được làm khô bề mặt giúp loại bỏ hoàn toàn hóa chất và nước tồn dư làm cho bề mặt lớp mạ đều màu, bóng nhẵn và chống ố mốc. (xử dụng dầu DO với nhiệt độ sấy chi tiết được duy trì khoảng giới hạn 110°C ~ 130°C tùy theo hình dạng của từng chủng loại chi tiết).

Bảng 3: Danh mục máy móc thiết bị tại Nhà máy

STT	Dây chuyền thiết bị	Số lượng	Hiện trạng hoạt động
I	Công đoạn gia công cơ khí		
1	Máy ép kim loại	03	Hoạt động ổn định
2	Máy phay kim loại	05	
3	Máy tiện CNC	06	
4	Máy cắt dây CNC	03	
5	Máy mài	02	
6	Máy cắt kim loại	02	
7	Máy đột dập	19	
8	Máy ép thủy lực	04	
9	Máy cắt laser	05	
10	Máy uốn ống kim loại	03	
II	Công đoạn hàn		
11	Máy hàn các loại	20	Hoạt động ổn định
12	Robot hàn	09	
III	Công đoạn sơn		
13	Dây chuyền phun sơn	01	Hoạt động ổn định
IV	Công đoạn mạ		
14	Dây chuyền mạ niken, crom	01	Hoạt động ổn định
15	Dây chuyền mạ đồng, niken, crom	01	
V	Phụ trợ		
16	Hệ thống lọc nước RO công suất 10m ³ /giờ	02	Hoạt động ổn định
17	Hệ thống lọc nước mềm công suất 8m ³ /giờ	03	
18	Hệ thống lò hơi công suất 1,5 tấn/giờ (nhiên liệu đốt dầu DO)	02	
19	Máy nén khí	03	
20	Máy móc thiết bị hỗ trợ kiểm tra chất lượng sản phẩm	-	
21	Robot công nghiệp hỗ trợ	15	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại Legroup, 2026)



Công đoạn dập



Công đoạn đánh bóng

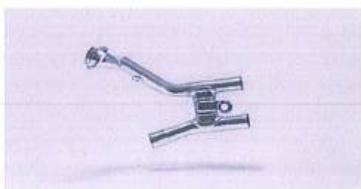
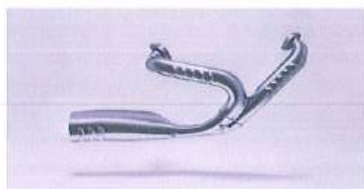
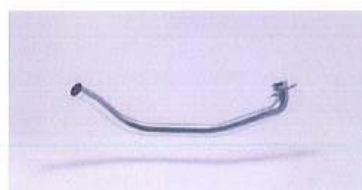


Công đoạn hàn



Công đoạn sơn

Hình 8: Quá trình sản xuất tại cơ sở



Hình 9: Sản phẩm tại Nhà máy

2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của cơ sở

- Hiện nay và sau khi nhà máy hoạt động ổn định công suất, số lượng lao động làm việc tại nhà máy là khoảng 550 người. Tại nhà máy hiện nay có hoạt động nấu ăn.

❖ Nhu cầu nguyên, nhiên liệu của nhà máy

Căn cứ vào nhu cầu nguyên, nhiên liệu, vật liệu đầu vào hiện hữu tại nhà máy tương ứng với khoảng 90% so với công suất đề nghị cấp phép và dự kiến 10% công suất còn lại là các sản phẩm không có công đoạn mạ, sơn, thì nhu cầu nguyên vật liệu, hóa chất tại nhà máy khi vận hành ổn định chỉ tăng các loại nguyên liệu, hóa chất phục vụ công đoạn hàn, dập như sau:

Bảng 4: Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu tại Nhà máy

STT	Danh mục nguyên liệu, hóa chất	Đơn vị	Hiện hữu	100% CS	Mục đích sử dụng
I	Nguyên liệu phục vụ sản xuất				
1.	Sắt thép các loại	Tấn/năm	4.363	4.700	
2	Dầu dập	Lít/năm	3.000	3.300	Dập
3	Dầu bảo quản sản phẩm	Lít/năm	300	330	Đóng gói sản phẩm
4	Dây hàn	Kg/năm	56.455	56.500	Hàn
5	Metclean SC10	Kg/năm	1.600	1.600	Hàn
6	Hóa chất tiền xử lý dây chuyền mạ Ni, Cr	Kg/năm	1.975	2.000	Tiền xử lý mạ
7	Bột trợ lọc	Kg/năm	40	40	Tiền xử lý mạ
8	Acid H ₂ SO ₄	Kg/năm	3.660	3.700	Tiền xử lý mạ và xử lý nước thải
9	NiSO ₄	Kg/năm	2.100	2.100	Mạ Niken
10	NiCl	Kg/năm	625	650	Mạ Niken
11	Acid Boric	Kg/năm	650	650	Mạ Niken
12	Niken plating chips	Kg/năm	1.850	1.850	Mạ Niken
13	Phụ gia mạ Niken (Elpelyt, Brightener...)	Lít/năm	4.585	4.600	Phụ gia mạ niken
14	Hóa chất tiền xử lý dây chuyền mạ Cu, Ni, Cr	Kg/năm	405	450	Tiền xử lý mạ
15	Acid Cromic (CrO ₃)	Kg/năm	350	350	Mạ Crom
16	Nonmist LPB	Lít/năm	200	200	Phụ gia mạ Crom
17	H ₂ O ₂	Lít/năm	280	300	Bảo dưỡng bề mạ
18	Na ₂ CO ₃	Kg/năm	40	50	
19	Sơn các loại	Kg/năm	15.442	15.500	Sơn sản phẩm
20	Dung môi	Lít/năm	3.088	3.100	Vệ sinh chi tiết

II	Xử lý nước thải				
1	NaOH hạt	Kg/năm	26.275	26.300	Xử lý nước thải
2	PAC	Kg/năm	12.750	12.750	
3	Polymer Anion	Kg/năm	175	175	
4	Na ₂ SO ₃	Kg/năm	2.200	2200	
5	Ca(OH) ₂	Kg/năm	1.352	1400	
III	Nhiên liệu				
1.	Gas	Kg/năm	15.000	15.000	Nấu ăn
2.	Dầu Diesel	Lít/năm	85.880	86.000	Lò hơi và xe nâng

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại Legroup, 2026)

❖ **Nhu cầu sử dụng nước cấp**

Theo hóa đơn sử dụng nước tại nhà máy năm 2025, nhu cầu sử dụng nước tại nhà máy như sau:

Bảng 5: Nhu cầu sử dụng nước tại Nhà máy năm 2025

Tháng	Khối lượng sử dụng nước (m ³ /tháng)	Khối lượng nước sử dụng trung bình (m ³ /ngày)
1	6433	247.42
2	3661	166.41
3	6205	238.65
4	6887	264.88
5	6100	234.62
6	5866	225.62
7	6319	243.04
8	6976	268.31
9	5892	226.62
10	7114	273.62
11	8545	328.65
12	8862	340.85
Trung bình	6571.6	262.9

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng nước tại nhà máy năm 2025 cho thấy, trung bình lượng nước sử dụng trong 1 ngày tại nhà máy là 262,9 m³/ngày (Nhà máy hoạt động 25 ngày/tháng), theo hoạt động hiện hữu tại nhà máy, nước cấp được sử dụng cho các mục đích sau:

- Nước cấp phục vụ sinh hoạt: 41,25 m³/ngày (tương ứng với định mức sử dụng nước là 75 lít/người/ngày, nhà máy có hoạt động nấu ăn và số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại nhà máy hiện nay là 550 người).

- Nước cấp tưới cây rửa đường: 2,65 m³/ngày (căn cứ vào hoạt động thực tế của nhà máy).

- Nước cấp làm mát mái: 10 m³/ngày (Căn cứ vào thực tế hoạt động của nhà máy).

- Nước cấp phục vụ sản xuất:

Nước cấp phục vụ sản xuất chủ yếu được dùng cho dây chuyền mạ và dây chuyền

son. Theo thực tế hoạt động sản xuất của nhà máy đối với dây chuyền mạ và dây chuyền sơn hiện nay là khoảng 12 giờ làm việc/ngày, tương ứng với nhu cầu sử dụng nước vào dây chuyền mạ là khoảng 10 m³/giờ và dây chuyền sơn là 2,5 m³/giờ, tuy nhiên tùy theo công đoạn nước cấp đầu vào sẽ dùng nước nhà máy hoặc được xử lý làm mềm hoặc lọc RO.

Đối với dây chuyền mạ tỉ lệ sử dụng nước nguồn là khoảng 10%, nước làm mềm khoảng 50% và nước sau lọc RO là 40%. Tổng hợp khối lượng nước nguồn sử dụng trong các công đoạn như sau:

+ Nước nguồn: 11~13 m³/ngày (tương đương khoảng 7,5~8,5%) được dùng trong công việc giặt vật liệu lọc và các công việc phụ khác.

+ Nước mềm: 59~61 m³/ngày (tương đương khoảng 39,5~40,5%) được dùng trong các công đoạn tẩy rửa trước khi mạ.

+ Nước cấp vào hệ thống lọc RO: 78~82 m³/ngày (tương đương khoảng 52,5~53,5% . Tỉ lệ lọc nước RO là 60% nước thành phẩm và 40% nước thải) được dùng trong các công đoạn rửa trước các bề mạ.

Đối với dây chuyền sơn tỉ lệ sử dụng nước nguồn là khoảng 50% và nước sau lọc RO là 50%. Tổng hợp khối lượng nước cấp sử dụng trong các công đoạn như sau:

+ Nước nguồn: 14~16 m³/ngày (tương đương khoảng 37~38 %) được dùng trong các công đoạn tẩy rửa.

+ Nước cấp vào hệ thống lọc RO: 24~26 m³/ngày (tương đương khoảng 62~63 % . Tỉ lệ lọc nước RO là 60% nước thành phẩm và 40% nước thải) được dùng trong công đoạn rửa cuối cùng trước khi sơn.

*Nước mềm là nước đã được xử lý làm giảm độ cứng và được xử lý bằng hệ thống ion nhựa.

+ Nước rửa chi tiết hàn: 10 m³/ngày.

+ Nước cấp bể rửa chi tiết khu vực xưởng cơ khí: 4 m³/ngày.

+ Nước cấp vào hệ thống XLKT: 3 m³/ngày.

Cơ sở hiện nay đã hoạt động khoảng 90% công suất so với công suất xin đề xuất cấp phép, khi cơ sở hoạt động 100% công suất dự kiến nhu cầu sử dụng nước của cơ sở không đổi do khối lượng sản phẩm còn lại dự kiến chủ yếu là sản phẩm không có công đoạn sơn, mạ, tổng hợp nhu cầu sử dụng nước giai đoạn hiện hữu cũng như vận hành ổn định như sau:

Bảng 6: Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tại Nhà máy khi vận hành ổn định

STT	Mục đích sử dụng	Khối lượng (m ³ /ngày)		Ghi chú
		Nước cấp	Nước thải	

1	Sinh hoạt	41,25	41,25	Định mức 75l/người. Nước thải bằng 100% lượng nước cấp
2	Tưới cây rửa đường	2,65	0	Thấm đất/bay hơi
3	Làm mát mái	10	0	
4	Dây chuyền mạ			
+	Giặt lõi lọc	12	12	Nước thải bằng 100% lượng nước cấp
+	Bể tẩy rửa dây chuyền mạ	60	60	Nước thải bằng 100% lượng nước cấp
+	Nước RO	80	80	Tỉ lệ lọc 60/40 Nước thải bằng 100% lượng nước cấp
5	Dây chuyền sơn			
+	Bể tẩy rửa dây chuyền sơn	15	15	Nước thải bằng 100% lượng nước cấp
+	Nước RO	25	25	Tỉ lệ lọc 60/40 Nước thải bằng 100% lượng nước cấp
6	Nước cấp bể rửa chi tiết khu vực xưởng cơ khí	4	4	Nước thải bằng 100% lượng nước cấp
7	Nước cấp bể rửa chi tiết khu vực xưởng hàn	10	10	Nước thải bằng 100% lượng nước cấp
8	Nước cấp vào hệ thống xử lý khí thải	3	2.4	Nước thải bằng 80% lượng nước cấp
	Tổng	262,9	249,65	

Nguồn cung cấp nước: Nguồn nước sử dụng cho Nhà máy được lấy từ hệ thống cấp nước sạch của KCN Quang Minh.

❖ **Nhu cầu sử dụng điện**

- Nhu cầu sử dụng điện trung bình tháng hiện tại (năm 2025) của Công ty là 5.413.771 kWh/tháng.

- Nhu cầu sử dụng điện khi Nhà máy đi vào hoạt động ổn định dự kiến khoảng

5.500.000 KWh/tháng.

- Nguồn cung cấp điện: KCN Quang Minh. Điện của KCN cấp đến trạm biến áp của nhà máy.

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của cơ sở.

3.1. Đối với nước thải

Nguồn phát sinh nước thải chính của Nhà máy là nước thải sinh hoạt, nhà máy có phát sinh nước thải sản xuất (từ quá trình mạ, tẩy rửa bề mặt công đoạn hàn, sơn). Các nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt tại Nhà máy như sau:

❖ Các nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các Khu nhà vệ sinh tại Nhà máy;

Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, dầu mỡ, các chất lơ lửng (SS), các chất hữu cơ và vi sinh gây bệnh,...

Bảng 7: Đánh giá lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong năm 2025 và giai đoạn đạt 100% công suất

TT	Nội dung	Khối lượng (m ³ /ngày)		Ghi chú
		2025	100% CS	
1	Nước cấp cho sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại Nhà máy (550 công nhân viên)	41,25	41,25	Định mức sử dụng nước là 75 lít/người/ngày.
2	Nước thải sinh hoạt	41,25	41,25	Lượng nước thải phát sinh được tính bằng 100% lượng nước cấp

Như vậy, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khi nhà máy đi vào hoạt động ổn định (100% công suất) là khoảng 41,25 m³.

❖ Nước thải sản xuất:

Nước thải sản xuất tại nhà máy được phát sinh như sau:

- Nước thải từ quá trình lọc RO;
- Nước thải từ quá trình tẩy rửa bề mặt chi tiết tại xưởng sơn;
- Nước thải có nguồn gốc từ Niken + Kiềm tại dây chuyền mạ 1 và 2;
- Nước thải có nguồn gốc Crom + A xít tại dây chuyền mạ 1 và 2;
- Nước thải từ quá trình rửa chi tiết xưởng hàn;
- Nước thải từ quá trình rửa chi tiết xưởng cơ khí;
- Nước thải từ các hệ thống xử lý khí thải.

Đặc trưng ô nhiễm nước thải sản xuất phát sinh tại Nhà máy như sau:

Bảng 8: Đặc trưng ô nhiễm trong nước thải sản xuất tại Nhà máy

STT	Nước thải phát sinh	Đặc trưng ô nhiễm
1	Nước thải từ quá trình lọc RO	SS và độ dẫn điện cao.

2	Nước thải từ quá trình tẩy rửa bề mặt chi tiết tại xưởng sơn	pH cao
3	Nước thải có nguồn gốc từ Niken + Kiềm tại dây chuyền mạ 1 và 2	pH không ổn định, TSS, Cu, Ni
4	Nước thải có nguồn gốc Crom + A xít tại dây chuyền mạ 1 và 2	pH không ổn định, Cr(IV), Cr (III)
5	Nước thải từ quá trình rửa chi tiết xưởng hàn	pH cao
6	Nước thải từ quá trình rửa chi tiết xưởng cơ khí	Dầu mỡ khoáng
7	Nước thải từ các hệ thống xử lý khí thải	pH cao

Khối lượng nước thải phát sinh giai đoạn hiện hữu tại nhà máy như sau:

Bảng 9: Khối lượng nước thải sản xuất phát sinh tại nhà máy

STT	Nguồn phát sinh	Lượng phát sinh (m ³ /ngày)		Ghi chú
		Nước cấp	Nước thải	
1	Nước thải từ quá trình lọc RO	105	105	100% lượng nước cấp cho hệ thống lọc RO
2	Nước thải từ quá trình tẩy rửa bề mặt chi tiết tại xưởng sơn	15	15	100% lượng nước cấp
3	Nước thải từ công việc giặt lõi lọc	12	12	
4	Nước thải từ mạ	60	60	
5	Nước thải từ quá trình vệ sinh chi tiết tại xưởng cơ khí	4	4	
6	Nước thải từ quá trình vệ sinh chi tiết tại xưởng hàn	10	10	
7	Nước thải từ các hệ thống xử lý khí thải	3	2,4	80% lượng nước cấp
	Tổng	209	208,4	

Như vậy, tổng lượng nước thải phát sinh hiện nay và sau khi nhà máy nâng công suất như sau:

Bảng 10: Dự báo tổng lượng nước thải phát sinh khi nhà máy vận hành ổn định

STT	Nguồn phát sinh	Lượng phát sinh (m ³ /ngày)
1	Nước thải sinh hoạt	41,25
2	Nước thải sản xuất	208,4
	Tổng	249,65

Như vậy tổng lượng nước thải phát sinh tại Nhà máy vận hành ổn định là 249,65 m³/ngày. Hiện nay chất lượng nước thải sau xử lý tại hố ga thoát nước trước đi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN Quang Minh đều đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT. Lượng nước thải phát sinh tại Nhà máy nếu không được thu gom, xử lý sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng nước đầu vào của hệ thống xử lý nước thải chung của KCN Quang Minh, dẫn đến ảnh hưởng đến hiệu suất xử lý nước thải chung của trạm xử lý của KCN.

3.2. Đối với khí thải

Nhà máy có 02 dây chuyền mạ với đặc trưng khí thải phát sinh với thông số phát thải như sau: hơi axit HCl, hơi H₂SO₄, Niken (Ni) và các hợp chất Ni (tính theo Ni), Crom (Crom) và các hợp chất Crom (tính theo Crom).

Các thông số phát thải trên sẽ gây ra các tác hại đối với sức khỏe và môi trường như sau:

- Bệnh đường hô hấp: Hít phải hơi axit và bụi kim loại (như Cr, Ni) gây kích ứng niêm mạc, viêm xoang, hen suyễn, viêm phổi và các bệnh mãn tính về đường hô hấp.

- Ngộ độc hệ thần kinh và ung thư: Các kim loại nặng như Crom (VI) là các độc chất có khả năng tích tụ sinh học, gây suy giảm hệ miễn dịch, ảnh hưởng não bộ và tăng nguy cơ ung thư.

- Ăn mòn thiết bị: Hơi axit phát tán trong không khí làm rỉ sét, ăn mòn nhanh chóng các kết cấu kim loại và máy móc xung quanh.

Cần có biện pháp thu gom, xử lý các thông số phát thải trên để hoạt động sản xuất tại nhà máy không gây ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động và môi trường xung quanh.

3.3. Đối với CTRTT

CTRTT phát sinh tại nhà máy gồm có:

- CTRSH: phát sinh từ hoạt động của công nhân.
- CTR từ quá trình sản xuất: bột từ quá trình đánh bóng, miếng đai thải từ quá trình đánh bóng, nilong bao gói, palet gỗ.
- Phế liệu: Giấy thải, sắt thải.
- Bùn thải từ hệ thống bể phốt.

Thống kê khối lượng CTRTT tại nhà máy năm 2025 và dự báo khối lượng CTRTT phát sinh tại nhà máy khi vận hành ổn định được thống kê tại bảng sau:

Bảng 11: Thống kê khối lượng CTRTT tại nhà máy năm 2025 và dự báo khối lượng CTRTT phát sinh khi nhà máy đi vào vận hành ổn định 100% công suất

TT	Nhóm CTCRNTT	Khối lượng (tấn)		Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCRNTT
		2025	VHÔĐ	
1	CTRSH	25,6	26	Công ty cổ phần môi trường công nghiệp Hà Nội 10
2	CTRCNTT xử lý	67,28	68	
3	Bùn thải từ bể tự hoại	0	95	
4	Phế liệu	200	200	Công ty TNHH Thương mại Lộc Phát Phát
	Tổng	293,18	389	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại Legroup, 2026)

3.3. Đối với CTNH

Theo chứng từ chuyển giao CTNH năm 2025, thống kê khối lượng, chủng loại CTNH phát sinh tại nhà máy và dự báo khối lượng CTNH phát sinh tại nhà máy khi nhà máy vận hành ổn định 100% công suất như sau:

Bảng 12: Khối lượng CTNH phát sinh tại nhà máy năm 2025 và dự báo khối lượng CTNH phát sinh khi nhà máy đi vào vận hành 100% công suất

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg)		Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
			2025	100% CS	
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	12 06 06	8330	8800	Công ty TNHH Môi trường công nghiệp xanh
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	20	20	
3	Bao bì thải bằng nhựa	18 01 03	38	50	
4	Bao bì cứng bằng kim loại thải	18 01 02	397	500	
5	Giẻ lau, găng tay dính dầu, sơn	18 02 01	15319	16.000	
6	Hộp mực in thải	08 02 04	2	2	
7	Bột sơn thải	08 01 01	0	200	
8	Nhựa trao đổi ion đã bão hòa	12 06 01	0	100	
9	Dầu thải	17 02 03	0	1500	
	Tổng số lượng		24106	27.172	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại Legroup, 2025)

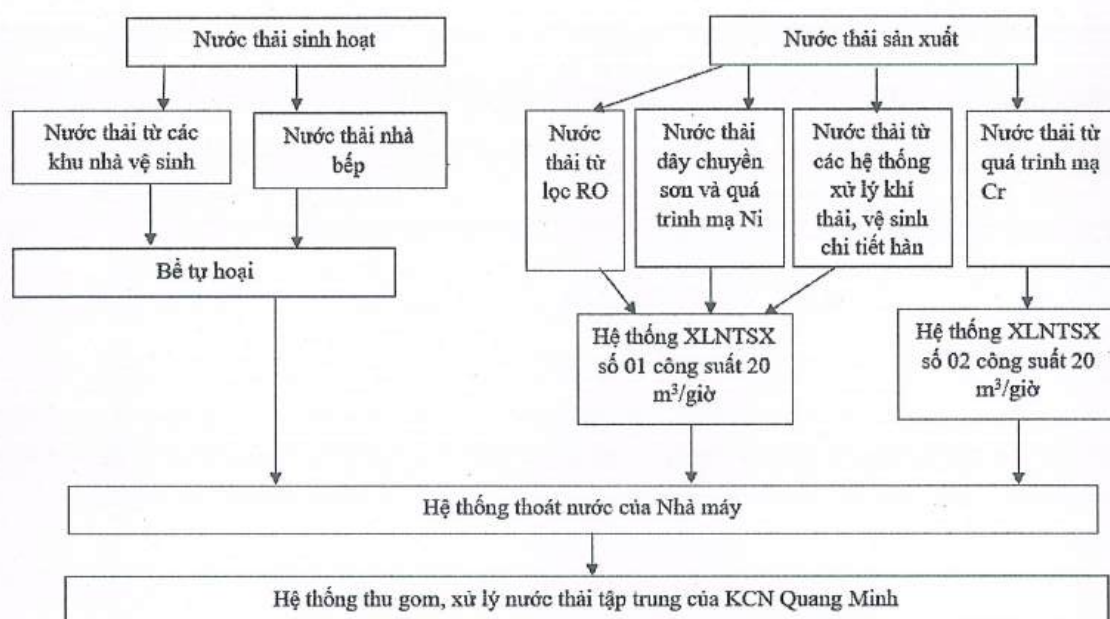
Chất thải nguy hại là những những loại chất thải gây ô nhiễm môi trường đặc biệt gây ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người bởi những thành phần có chứa nhiều chất nguy hiểm.

4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của cơ sở.

4.1. Phương án thu gom, xử lý nước thải

a1. Hệ thống thu gom và thoát nước thải

Sơ đồ hệ thống thu gom và phân luồng nước thải hiện hữu tại nhà máy như sau:



Hình 10: Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải hiện hữu tại Nhà máy

- Nước thải từ các khu nhà vệ sinh, bếp ăn tại tòa nhà văn phòng được thu gom về 02 bể tự hoại 3 ngăn có thể tích lần lượt là 50 m³ và 30 m³ bằng đường ống PVC D90, sau khi được xử lý sơ bộ sẽ được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải tập trung của nhà máy.

- Nước thải từ khu nhà vệ sinh tại nhà bảo vệ được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 5 m³ bằng đường ống PVC D90, sau khi được xử lý sơ bộ sẽ được đầu nối vào điểm đầu nối nước thải của KCN bằng đường ống PVC D110.

- Nước thải từ khu nhà vệ sinh tại cuối xưởng dập được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 5 m³ bằng đường ống PVC D90, sau khi được xử lý sơ bộ sẽ được đầu nối vào điểm đầu nối nước thải của KCN bằng đường ống PVC D110.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh chi tiết phân xưởng hàn sẽ được thu gom bằng đường ống PVC D110 về hệ thống XLNTSX số 01, nước thải sau xử lý sẽ được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải tập trung của nhà máy.

- Nước thải sau tiên xử lý chi tiết trước khi sơn, quá trình mạ Ni sẽ được thu gom bằng đường ống PVC D90 về hệ thống XLNTSX số 01, nước thải sau xử lý sẽ được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải tập trung của nhà máy.

- Nước thải từ quá trình mạ Cr sẽ được thu gom bằng đường ống PVC D90 về hệ thống XLNTSX số 02, nước thải sau xử lý sẽ được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải tập trung của nhà máy.

- Nước thải từ quá trình lọc RO sẽ được thu gom và thoát vào hệ thống thoát nước của nhà máy với KCN bằng đường ống PVC D90.

- Hệ thống thoát nước thải tập trung của nhà máy là hệ thống rãnh thu gom có kích thước 50x60 cm.

Tổng hợp thông số về hệ thống thu gom, thoát nước thải của Nhà máy như sau:

Bảng 13: Tổng hợp thông số về hệ thống thu gom, thoát nước thải của Nhà máy

TT	Loại đường ống	Chiều dài	Đơn vị
I	Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt		
1	PVC D90	350	m
2	PVC D110	164	m
3	Rãnh thu gom, thoát nước thải 50x60 cm	188	m

❖ *Điểm xả nước thải*

Nước thải sau xử lý đạt yêu cầu tiếp nhận nước thải của KCN được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Minh thông qua 01 điểm đầu nối.

- Tọa độ vị trí cửa xả nước thải của Nhà máy vào hệ thống thoát nước thải của KCN (theo tọa độ VN – 2000, múi chiều 3⁰, kinh tuyến trực 105⁰) như sau:

STT	Số hiệu điểm đầu nối	Hệ tọa độ VN - 2000	
		X (m)	Y (m)
1	Y _{nt}	2345605	577595

(Bản vẽ hoàn công hệ thống thu gom, thoát nước thải được đính kèm tại Phụ lục).

a2. Xử lý nước thải:

Để xử lý sơ bộ lượng nước thải từ các khu nhà vệ sinh trong nhà máy, tại nhà máy đã tiến hành đầu tư xây dựng 05 bể tự hoại 3 ngăn tại các khu vực sau:

Bảng 14: Tổng hợp bể tự hoại tại nhà máy

STT	Vị trí	Số lượng	Thể tích
1	Khu vực nhà văn phòng, bếp ăn	02	50 và 30 m ³
2	Nhà bảo vệ	01	5 m ³
3	Nhà vệ sinh cuối xưởng dập	01	5 m ³

Sơ đồ xử lý tại các bể tự hoại 3 ngăn tại nhà máy như sau:



Hình 11: Sơ đồ xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn

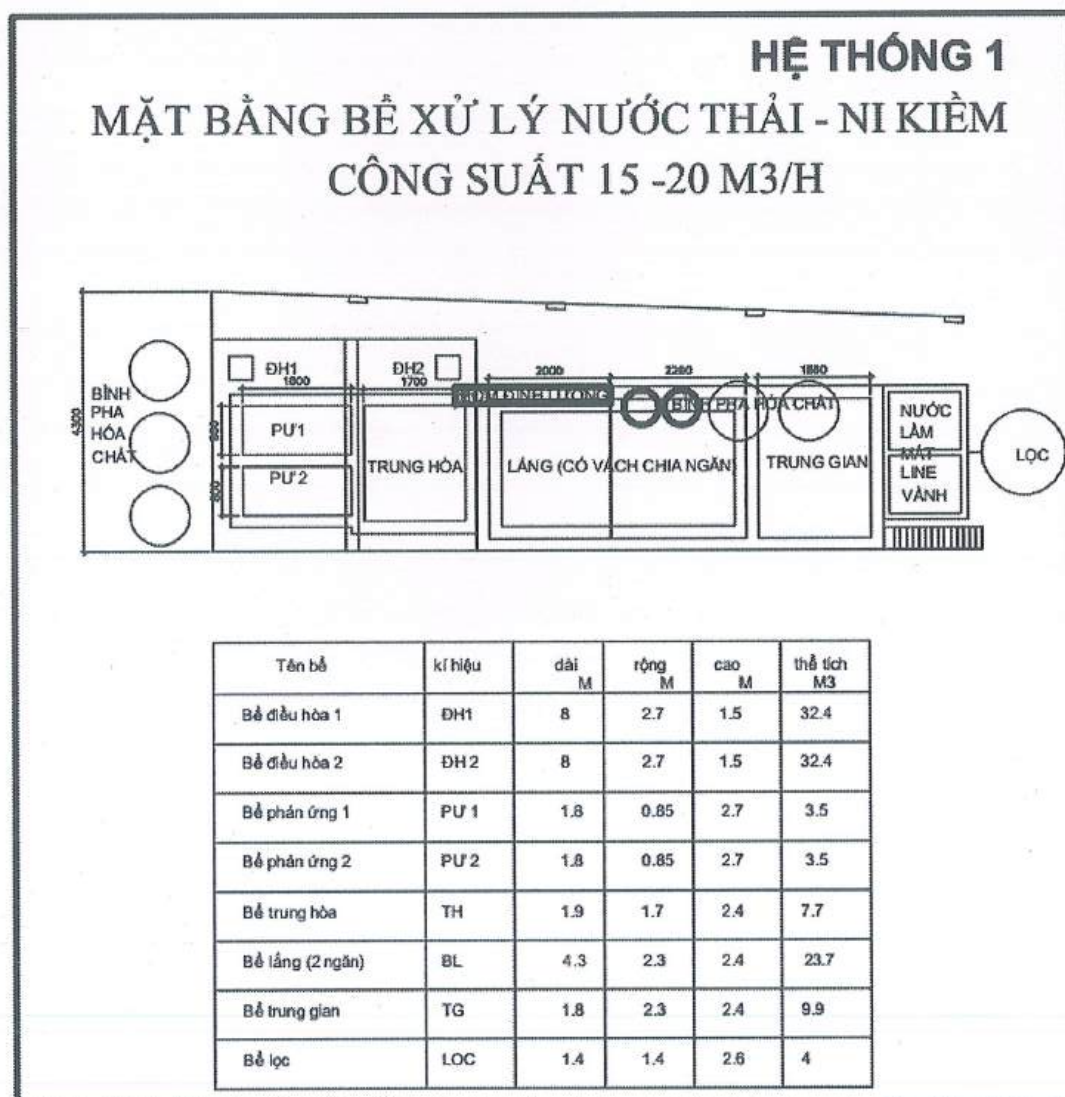
Nguyên lý làm việc của bể tự hoại đồng thời làm 2 chức năng lắng và phân hủy yếm khí cặn lắng. Nước thải sau khi qua ngăn 1 để tách cặn sẽ tiếp tục qua ngăn 2 xử lý sinh học rồi qua ngăn lắng 3. Cặn lắng được lưu giữ trong bể từ 3 – 6 tháng, dưới tác động của vi sinh vật yếm khí các chất hữu cơ được phân hủy thành khí CO₂, CH₄ và các chất vô cơ. Bể tự hoại được thiết kế và xây dựng đúng sẽ đạt hiệu suất lắng cặn trung bình 50 - 70% cặn lơ lửng (TSS) và 25 - 45% chất hữu cơ (BOD và COD). Các mầm bệnh có trong phân cũng được loại bỏ một phần trong bể tự hoại, chủ yếu nhờ cơ chế hấp phụ lên cặn và lắng xuống hoặc chết đi do thời gian lưu bùn và nước trong bể lớn hoặc do môi trường sống không thích hợp. Cũng chính vì vậy, trong phân bùn của bể tự

hoại chứa một lượng rất lớn các mầm bệnh có nguồn gốc từ phân và cần được thu gom lưu giữ, vận chuyển, xử lý đúng quy cách.

a3. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất

Cơ sở có 02 hệ thống XLNT sản xuất như sau:

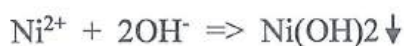
- Hệ thống XLNTSX số 01: Xử lý nước thải có tính chất Ni – kiểm công suất xử lý 20 m³/giờ



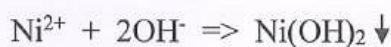
Hình 12: Quy trình xử lý nước thải hệ thống xử lý nước thải số 1

Thuyết minh quy trình xử lý nước thải:

Tất cả nguồn nước thải có nguồn gốc là kiềm yếu và chứa Niken được gom chung về bể điều hòa, nước thải được bơm về bể phản ứng. Tại đây cấp thêm NaOH công nghiệp để tăng pH lên khoảng 10-12 và thêm một lượng chất tạo mầm kết tủa PAC với sự khuấy trộn mạnh của sục khí, Niken sẽ tạo kết tủa Ni(OH)₂, sau đó nước thải chảy sang bể Trung hòa.



Tại bể Trung hòa, nước thải tiếp tục được cấp thêm NaOH công nghiệp để duy trì pH trong khoảng 10-12 và thêm một lượng tương đối chất tạo mầm kết tủa PAC với sự khuấy trộn mạnh của sục khí, Niken sẽ tạo kết tủa hoàn toàn thành $\text{Ni}(\text{OH})_2$ sau đó nước thải chảy sang bể Lắng 1.



Tại bể Lắng 1 cấp thêm chất trợ lắng Anronfloc A1110 để giúp kết tủa được lắng tốt hơn. Bùn lắng xuống dưới đáy và định kỳ xả ra sân phơi bùn. Nước trong chảy tràn sang bể Lắng 2.

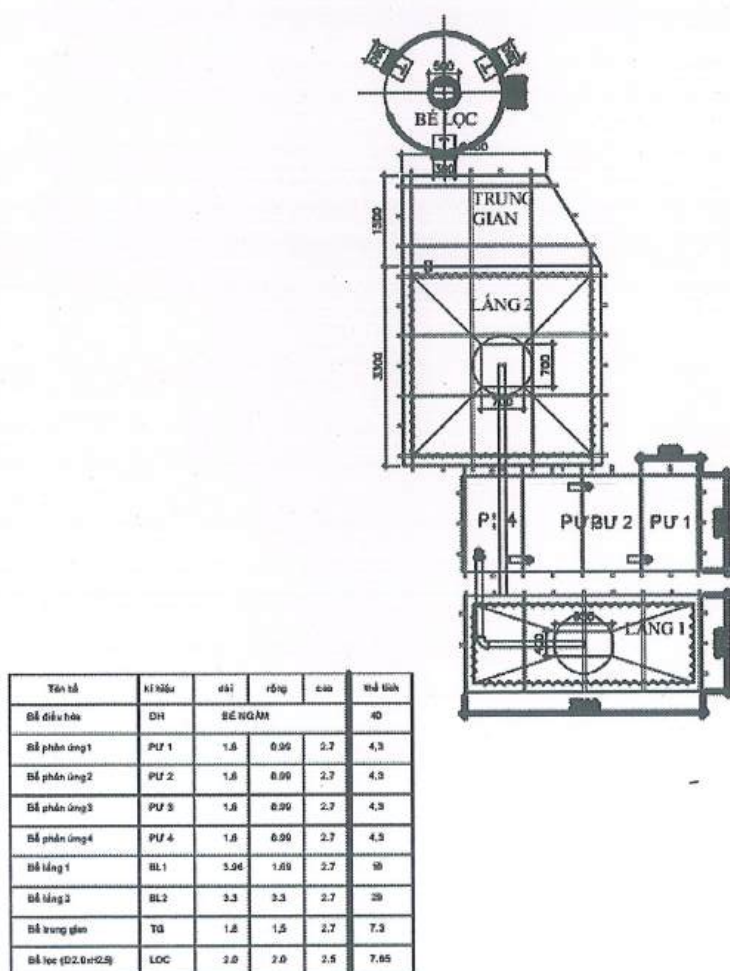
Tại bể Lắng 2, nước thải được bơm sang tháp lọc để lọc phần cặn còn lại và nước trong thải ra hố gas để nhập vào đường gom về khu công nghiệp.

Hoàn nguyên tháp lọc với tuần suất 1 lần/ tuần. Lượng nước rửa ngược lại bể lắng khoảng 2m^3 / lần (áp suất đồng hồ tháp lọc $2\text{kg}/\text{cm}^2$).

- Hệ thống XLNTSX số 02: Xử lý nước thải có tính chất Crom – A xít công suất xử lý 20m^3 /giờ

HỆ THỐNG 2

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI - CROM AXIT CÔNG SUẤT 15 -20 M3/H



Hình 13: Quy trình xử lý nước thải hệ thống xử lý nước thải số 2

Thuyết minh quy trình xử lý:

Bể điều hòa:

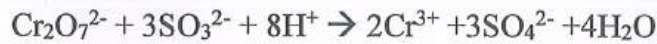
• Bể điều hòa được xây dựng bằng bê tông cốt thép có chức năng thu nhận nước thải từ các bể mạ crom, với chức năng điều hòa lưu lượng và độ ô nhiễm của nước thải.

Cum các bể phản ứng

Cum 04 bể phản ứng của cơ sở có chức năng lần lượt gồm:

- Bể phản ứng 1: Hạ pH - tạo môi trường axit để phục vụ phản ứng khử Crom bằng axit H_2SO_4 .

- Bể phản ứng 2: Oxy hóa khử - Châm hóa chất Na_2SO_3 để oxy hóa khử Crom VI về Crom III theo phản ứng:



- Bể phản ứng 3: Trung hòa - Sau khi khử Crom VI về Crom III, dòng thải sẽ được trung hòa bằng dung dịch NaOH.

- Bể phản ứng 4: Keo tụ, tạo bông - Nước thải được hòa trộn với chất keo tụ (Polymer) nhằm làm mất ổn định các hạt cặn có tính “keo” và kích thích chúng kết lại với các cặn lơ lửng khác để tạo thành các hạt có kích thước lớn hơn để dễ dàng được loại bỏ bằng phương pháp lắng trọng lực.

02 Bể lắng hóa lý

Bể lắng có nhiệm vụ lắng các hạt cặn lơ lửng có sẵn trong nước thải (bể lắng sơ cấp) hoặc cặn được tạo ra từ quá trình keo tụ tạo bông.

Tại bể lắng hóa lý, các chất rắn lắng được có trong nước thải sẽ được lắng xuống bằng phương pháp trọng lực. Bể lắng này có thể giúp loại bỏ các chất rắn lơ lửng và một phần BOD có trong các hạt cặn hữu cơ. Bùn lắng dưới đáy bể lắng sơ cấp được gạt đến hố thu bùn bằng hệ thống giàn gạt bùn và sẽ được bơm về bể chứa bùn. Phần nước sau lắng tự chảy vào hệ thống xử lý sinh học tiếp theo.

Bể trung gian: Chức năng chính của bể trung gian là điều hòa lưu lượng nước thải sau xử lý hóa lý trước khi vào bể lọc áp lực.

Bể lọc áp lực: Với chức năng lọc các chất rắn lơ lửng còn sót lại trong nước thải, bể lọc áp lực với vật liệu lọc gồm sỏi, cát thạch anh.

Bảng 15: Thông số kỹ thuật của hệ thống XLNTSX số 01

STT	Hạng mục	Số lượng	Kích thước			Thể tích (m ³)
			Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)	
1	Phản ứng	1	8	2,7	1,5	32,4
2	Trung hòa	1	1,8	0,8	2,5	3,6
4	Bể lắng	1	1,9	1,7	2,4	7,8
5	Bể lọc	1	4,3	2,3	2,5	24,7
6	Sân phơi bùn	1	2,3	1,8	1,9	7,9

Bảng 16: Thông số kỹ thuật của hệ thống XLNTSX số 02

STT	Hạng mục	Số lượng	Kích thước			Thể tích (m ³)
			Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)	
1	Bể điều hòa	1	Bể ngầm			40
2	Bể phản ứng 1	1	1.6	0.99	2.7	4.3
3	Bể phản ứng 2	1	1.6	0.99	2.7	4.3
4	Bể phản ứng 3	1	1.6	0.99	2.7	4.3

5	Bể phản ứng 4	1	1.6	0.99	2.7	4.3
6	Bể lắng 1	1	3.96	1.69	2.7	18
7	Bể lắng 2	1	3.3	3.2	2.7	29
8	Bể trung gian	1	1.8	1.5	2.7	7.3
9	Bể lọc	1	D = 2,0 x H = 2,5			7.85

Bảng 17: Danh mục thiết bị lắp đặt tại hệ thống XLNTSX số 01

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Thông số	Tình trạng
1	Bơm bể điều hòa	2	- Xuất xứ: Zenit - Italia - Model: DRN 300/2/600 - Loại: Bơm chìm - Lưu lượng: 25m ³ /h - Điện áp: 380V/50Hz - Công suất: 3 Hp - Vật liệu: Inox 304	Hoạt động bình thường
2	Bơm định lượng hóa chất	4	- Xuất xứ: Doseuro - EU - Model: D 100N-70/C-13DV - Lưu lượng: 50l/h - Điện áp: 220V/50Hz - Công suất: 0,18 kW	Hoạt động bình thường
3	Bơm trộn đảo hóa chất	4	- Xuất xứ: AUSTRALIA - Model: ESA632-4 - Điện áp: 220V/50Hz - Công suất: 0,18 kW	Hoạt động bình thường
4	Hệ thống khuấy trộn phản ứng	2	- Xuất xứ: Sumitomo - Japan - Model: CNVM05-6080-11 - Điện áp: 380V/50Hz - Công suất: 1/3Hp	Hoạt động bình thường
5	Bơm bùn bể lắng	2	- Xuất xứ: Zenit - Italia - Model: DGO 50/2/G50H - Loại: Bơm chìm - Lưu lượng: 4m ³ /h - Điện áp: 380V/50Hz - Công suất: 0,5 Hp - Vật liệu: Inox 304	Hoạt động bình thường
6	Máy khuấy trộn	2	- Xuất xứ: Faggiolati - Italia - Loại: Khuấy chìm - Công suất: 0,7 kW - Điện áp: 380V/50Hz/3pha - Số vòng quay: 1352 rpm - Tiêu chuẩn motor: IE3 - Đường kính cánh khuấy: 176 mm	Hoạt động bình thường

7	Máy thổi khí	2	- Xuất xứ: Tohin - Japan - Model: BK100 - Loại: Root, 3 cam (lobes) - Công suất: 15Hp - Điện áp: 380V/50Hz - Đường kính cánh khuấy: 176 mm	Hoạt động bình thường
---	--------------	---	---	-----------------------

Bảng 18: Danh mục thiết bị lắp đặt tại hệ thống XLNTSX số 02

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Thông số	Tình trạng
1	Bơm bể điều hòa	2	- Xuất xứ: Zenit - Italia - Model: DRN 300/2/600 - Loại: Bơm chìm - Lưu lượng: 25m³/h - Điện áp: 380V/50Hz - Công suất: 3 Hp - Vật liệu: Inox 304	Hoạt động bình thường
2	Bơm định lượng hóa chất	4	- Xuất xứ: Doseuro - EU - Model: D 100N-70/C-13DV - Lưu lượng: 50l/h - Điện áp: 220V/50Hz - Công suất: 0,18 kW	Hoạt động bình thường
3	Bơm trộn đảo hóa chất	4	- Xuất xứ: AUSTRALIA - Model: ESA632-4 - Điện áp: 220V/50Hz - Công suất: 0,18 kW	Hoạt động bình thường
4	Hệ thống khuấy trộn phản ứng	2	- Xuất xứ: Sumitomo - Japan - Model: CNVM05-6080-11 - Điện áp: 380V/50Hz - Công suất: 1/3Hp	Hoạt động bình thường
5	Bơm bùn bể lắng	2	- Xuất xứ: Zenit - Italia - Model: DGO 50/2/G50H - Loại: Bơm chìm - Lưu lượng: 4m³/h - Điện áp: 380V/50Hz - Công suất: 0,5 Hp - Vật liệu: Inox 304	Hoạt động bình thường
6	Máy khuấy trộn	2	- Xuất xứ: Faggiolati - Italia - Loại: Khuấy chìm - Công suất: 0,7 kW - Điện áp: 380V/50Hz/3pha - Số vòng quay: 1352 rpm - Tiêu chuẩn motor: IE3 - Đường kính cánh khuấy: 176 mm	Hoạt động bình thường
7	Máy thổi khí	2	- Xuất xứ: Tohin - Japan - Model: BK100 - Loại: Root, 3 cam (lobes) - Công suất: 15Hp - Điện áp: 380V/50Hz	Hoạt động bình thường

			- Đường kính cánh khuấy: 176 mm	
--	--	--	---------------------------------	--

❖ **Quy trình vận hành:**

Trạm xử lí nước thải được thiết kế có hai chế độ vận hành riêng biệt đó là vận hành bằng tay (Man) trên và tự động (Auto) trên tủ điều khiển.

Chế độ tự động Auto: Các thiết bị chạy tự động được bảo vệ theo phao báo mức, chế độ luân phiên theo timer được cài đặt trên tủ điều khiển.

Chế độ tay (Man): Vận hành on/off khi cần thiết.

Yêu cầu đối với người vận hành

Người vận hành hệ thống điện phải được đào tạo chuyên môn về môi trường, cơ điện, có ý thức và kiến thức về an toàn lao động, an toàn điện, an toàn khi làm việc với hóa chất đối với việc vận hành xử lý nước thải. Được trang bị kiến thức sửa chữa thiết bị đơn giản như : Máy bơm, máy thổi khí, moto khuấy, vận hành tủ điện... Có các kĩ năng sử dụng bảo hộ lao động khi làm việc: găng tay cao su, giày bảo hộ, khẩu trang khi sử dụng hóa chất ...

Bảng 19: Định lượng hóa chất sử dụng cho HTXLNTSX số 01

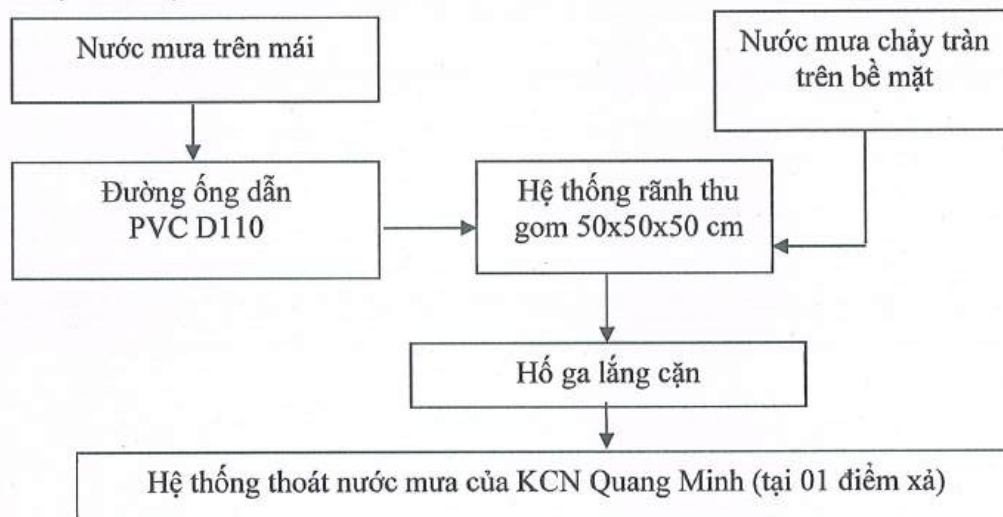
STT	Hóa chất sử dụng	Tiêu hao
		(kg/ngày)
1	Xút vảy NaOH	0,7
2	PAC (31%)	0,18
3	A. Polymer	0,004
4	Ca(OH) ₂	0,02

Bảng 20: Định lượng hóa chất sử dụng cho HTXLNTSX số 02

STT	Hóa chất sử dụng	Tiêu hao
		(kg/ngày)
1	Xút vảy NaOH	5,00
2	PAC (31%)	25,00
3	A. Polymer	1,50
4	H ₂ SO ₄	0,18
5	Na ₂ SO ₃	0,23

a4. Nước mưa chảy tràn

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa đã được xây dựng hoàn chỉnh và tách biệt với hệ thống thoát nước thải. Hệ thống đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, không ảnh hưởng đến tổng thể kiến trúc và an toàn vệ sinh môi trường. Khi nhà máy nâng công suất hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại nhà máy không thay đổi, công tác thu gom, tiêu thoát nước mưa được thể hiện như sau:



Hình 14: Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Nhà máy

Để giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn đến môi trường nước khu vực nhà máy và môi trường xung quanh, chủ cơ sở đã tiến hành xây dựng hệ thống đường giao thông nội bộ đảm bảo chất lượng, đồng thời tại nhà máy đã xây dựng hệ thống đường ống, hồ lắng cặn, lắp đặt các song chắn rác để thu gom toàn bộ lượng nước mưa chảy tràn phát sinh trước khi đổ vào hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn của KCN Quang Minh. Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn của Nhà máy sử dụng là rãnh thu gom có kích thước 50x50x50 cm, các hồ ga lắng cặn được bố trí cách nhau từ 15 - 30m.

Nước mưa trên mái và nước mưa ở các sân được thu gom vào máng thoát nước rồi dẫn vào các ống đứng (các ống được làm bằng nhựa PVC có kích thước D110). Sau đó, nước mưa được thoát ra hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà. Trên đường thoát nước mưa có bố trí các hồ ga lắng cặn và có nắp đan để ngăn rác (các hồ ga có kích thước 1000x1000).

- Số điểm đầu: 01 điểm thoát nước mưa .

Hình 15: Tọa độ các điểm đầu nối nước mưa tại Nhà máy

STT	Số hiệu điểm đầu nối	Hệ tọa độ VN - 2000	
		X (m)	Y (m)
1	NM1	2345591	577491

(Theo tọa độ VN – 2000, múi chiều 3⁰, kinh tuyến trực 105⁰)

(Bản vẽ hoàn công hệ thống thoát nước mưa được đính kèm tại Phụ lục).

Tổng hợp thông số về hệ thống thu gom, thoát nước mưa chung của Nhà máy như sau:

Hình 16: Tổng hợp thông số về hệ thống thu gom, thoát nước mưa chung của Nhà máy

TT	Loại đường ống	Số lượng	Đơn vị
----	----------------	----------	--------

1	Rãnh thu gom 50x50x50 cm	270	m
2	Hố ga 1000x1000	13	cái

Ngoài ra, Công ty còn kết hợp thực hiện các biện pháp sau:

+ Định kỳ kiểm tra, nạo vét, khơi thông hệ thống các hố ga, cống, rãnh dẫn nước mưa để đảm bảo tiêu thoát nước và phát hiện các hỏng hóc, từ đó có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời, tần suất kiểm tra khoảng 06 lần/tháng.

+ Đảm bảo vệ sinh sân, đường nội bộ luôn sạch sẽ; duy trì công tác thu gom, xử lý CTR sinh hoạt và vệ sinh môi trường theo đúng quy định không để chất thải rắn, chất lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.

+ Bố trí các thùng lưu giữ CTR sinh hoạt trong khuôn viên Nhà máy, thu gom và lưu giữ các chất thải một cách hợp lý và vệ sinh để tránh các chất này bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận.

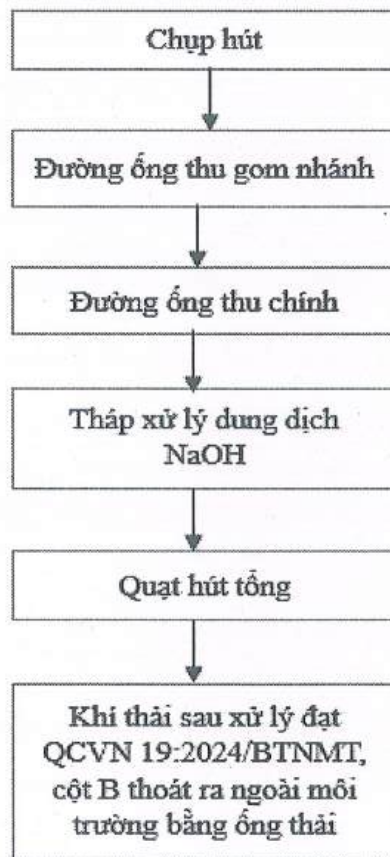
4.2. Phương án thu gom, xử lý khí thải

Nhà máy có 02 dây chuyền mạ sản phẩm, tương ứng với 02 dây chuyền mạ là 03 hệ thống thu gom và xử lý khí thải như sau:

- Dây chuyền mạ số 01 - mạ Ni-Cr: Hệ thống XLKT số 01 xử lý khí thải acid và Crom

- Dây chuyền mạ số 02 – mạ Cu-Ni -Crom: Hệ thống XLKT số 02 (xử lý các bể Tẩy rửa, mạ Cu và mạ Ni) và 03 (xử lý các bể mạ Crom).

Các hệ thống xử lý khí thải có cùng công nghệ xử lý như sau:

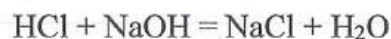
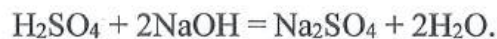


Hình 17: Quy trình xử lý khí thải từ hoạt động mạ tại nhà máy

Thuyết minh:

Khí thải ô nhiễm từ quá trình sản xuất được thu gom bằng hệ thống chụp hút và được xử lý nhờ quạt hút chuyên dụng dẫn tới tháp hấp thụ xử lý khí được thiết kế theo hệ thống giàn phun. Dòng khí thải được chuyển thẳng vào tháp xử lý và đi từ dưới lên trên, dung dịch NaOH được bơm vào tháp xử lý khí (thông qua hệ thống kiểm soát pH và lưu lượng (Ls)) dưới dạng sương mù và đi từ trên xuống dưới. Dòng khí thải gặp dung dịch xút sẽ trung hòa hết lượng hơi axit và hấp thụ phần hơi kim loại có trong khí thải.

Các chất khí gặp dung dịch hấp thụ sẽ bị giữ lại, phản ứng tạo thành các muối tan và nước.



Vận tốc dòng khí trong thiết bị vào khoảng 0,6 - 1,2 m/s. Bụi bẩn, khí độc trong dòng khí sẽ tiếp xúc với dung dịch hấp thụ được giữ lại và rơi xuống đáy tháp và được thu hồi hàng ngày. Dưới áp lực của một số chất rắn khí thải độc hại có trong hỗn hợp khí được lưu giữ lại trên bề mặt. Dung dịch NaOH được thu vào bể chứa và được sử dụng tuần hoàn, định kỳ bổ sung hóa chất để đảm bảo nồng độ hấp thụ và thể tích nước.

Nước thải phát sinh được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất số 2.

Bùn cặn lắng từ tháp hấp thụ được định kỳ hút bỏ để tránh tắc nghẽn và giảm hiệu suất xử lý.

Bảng 21: Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải số 1

STT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Chụp hút/miệng hút	03	Kích thước 2900x320x380mm Kích thước 2900x325x310mm
2	Đường ống thu gom nhánh	03	Ống PVC ϕ 250mm + Ống 1: L = 25,38m + Ống 2: L = 0,92 m + Ống 3: L = 0,96 m
3	Đường ống thu gom chính	01	Ống PP ϕ 400mm L = 3,8 m
4	Tháp xử lý	01	Đường kính ϕ 1500mm H = 3,5 m
5	Thùng đựng hóa chất NaOH	01	Kích thước 250x220x480 mm Số lượng bơm hóa chất 01
5	Quạt hút	01	DxRxH = 800x210x860 mm Công suất: 7,5kW , lưu lượng: 8.200 m ³ /giờ
6	Ống thải	01	Vật liệu nhựa PP KT 380x300 mm Chiều cao 4600 mm so với mặt sàn.

Bảng 22: Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải số 2

STT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Chụp hút đỉnh	21	Kích thước 1180x885 mm
	Hộp hút ở mặt bể	25	Kích thước 2510 x 225 x 220mm
2	Đường ống thu gom nhánh hút đỉnh	21	Vật liệu nhựa PP Kích thước ϕ 250 mm L = 76 m
	Đường ống thu gom nhánh hút ở mặt bể	25	Vật liệu nhựa PP Kích thước ϕ 200 mm L = 127 m
3	Đường ống thu gom chính	01	+ Kích thước ϕ 900x22000mm + Kích thước ϕ 700x9000mm

4	Tháp xử lý	01	Vật liệu nhựa PP Kích thước $\phi 2500\text{mm}$ Cao 4900mm
	Thùng đựng hóa chất NaOH	01	Kích thước 400x400x400mm Số lượng bơm hóa chất 1
5	Quạt hút	01	DxRxC = 2200x600x2000mm Công suất: 22kW , lưu lượng: 39.000 m ³ /giờ
6	Ống thải	01	Vật liệu nhựa PP đường kính 700mm, Chiều cao 7540 mm so với mặt sàn.

Bảng 23: Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải số 3

STT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Chụp hút đỉnh	02	Kích thước 1180x885mm
	Hộp hút ở mặt bể	03	Kích thước 2510 x 225 x 220mm
2	Đường ống thu gom nhánh hút đỉnh	02	Vật liệu nhựa PVC Kích thước $\phi 250\text{mm}$ L = 4,4m
	Đường ống thu gom nhánh hút ở mặt bể	03	Vật liệu nhựa PVC Kích thước $\phi 200\text{ mm}$ L = 8,9 m
3	Đường ống thu gom chính	01	Kích thước $\phi 470\text{ mm}$ L = 25m
4	Tháp xử lý	01	Vật liệu nhựa PVC Kích thước $\phi 1000\text{ mm}$ H = 3,3 m
-	Thùng đựng hóa chất NaOH	01	Kích thước 400x400x400 Số lượng bơm hóa chất 1
5	Quạt hút	01	DxRxC = 900x350x1000 Công suất: 7,5kW , lưu lượng: 12.600 m ³ /giờ
6	Ống thải	01	Vật liệu PVC đường kính 470mm, Chiều cao 7000 mm so với mặt sàn.

b. Các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ các công đoạn sản xuất khác

❖ *Đối với khí thải từ máy phát điện dự phòng:*

Để chủ động trong quá trình hoạt động cũng như công tác PCCC, Công ty đã trang bị máy phát điện sử dụng nhiên liệu là dầu DO, phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy.

Máy phát điện dự phòng chỉ hoạt động khi mất điện và sử dụng nhiên liệu là dầu DO nên vấn đề ô nhiễm không khí từ nguồn phát sinh này không đáng lo ngại. Tuy nhiên, để giảm thiểu tác động do hoạt động của máy phát điện, Công ty áp dụng các biện pháp sau:

- Máy phát điện được đặt ở khu riêng, cao, rộng, kín và được đặt ở địa điểm có khoảng cách hợp lý với khu vực văn phòng và khu vực sản xuất.

- Đảm bảo luôn sử dụng nhiên liệu sạch trong mọi trường hợp.

Ngoài ra, Nhà máy chỉ sử dụng máy phát điện trong các trường hợp cần thiết và nhiên liệu sử dụng phải đạt tiêu chuẩn theo quy định. Đồng thời, định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện để kịp thời sửa chữa khi có hỏng hóc.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, đối với nguồn thải từ máy phát điện dự phòng sẽ không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

❖ ***Đối với bụi và khí thải từ phương tiện giao thông:***

- Tiến hành đăng kiểm và bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện định kỳ theo đúng quy định;

- Xe chuyên trở nguyên, vật liệu đúng tải trọng và chạy đúng tốc độ cho phép để tránh phát tán bụi ra ngoài môi trường;

- Trồng và duy trì hệ thống cây xanh tại khuôn viên Nhà máy và khu vực hàng rào xung quanh để hạn chế sự lan truyền bụi, tiếng ồn, khí thải. Diện tích cây xanh, tiểu cảnh, thảm cỏ là 3.674 m² (chiếm khoảng 20% diện tích thực hiện Nhà máy);

- Thường xuyên dọn vệ sinh và phun nước tưới ẩm khu vực công cộng, tuyến đường nội bộ của Nhà máy để giảm lượng bụi phát tán vào không khí, đặc biệt vào những ngày thời tiết khô hanh.

4.3. Phương án thu gom, xử lý CTR

b. Công tác thu gom, lưu giữ:

Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp lưu giữ đối với CTRTT cụ thể như sau:

- Đối với CTRSH sẽ được thu gom tại nguồn gồm khu vực văn phòng bằng các thùng rác 20l và đối khu vực nhà bếp và phòng ăn là thùng rác PVC dung tích 1000l có nắp đậy.

- Đối với CTRCNTT phát sinh từ quá trình sản xuất sẽ được phân loại từng loại gồm phế liệu và chất thải cần xử lý tại nguồn. Cuối mỗi ngày, công nhân sẽ thu gom toàn bộ CTRTT phát sinh về kho lưu giữ diện tích 40 m². Trong kho lưu giữ bố trí các khoang lưu giữ theo từng loại chất thải.

- Đối với bùn thải từ bể phốt, tạm thời lưu giữ trong bể và định kỳ đơn vị có chức năng sẽ đến hút đi.

Kho lưu giữ CTRTT được bố trí cùng với khu vực lưu giữ CTNH tại nhà máy có thông số thiết kế như sau:

+ Kho chứa CTRTT có thiết kế kích thước: $D \times R = 6,5m \times 13m = 84,5$, tương ứng diện tích của khu vực lưu giữ CTRCNTT là $60 m^2$;

+ Khu lưu giữ chất thải có cốt nền so với cốt vỉa hè là $+0,15 m$. Chiều cao toàn bộ công trình $4m$ tính từ sân. Sàn bê tông. Kết cấu tường bê tông xung quanh. Mái lợp tôn, nền chống thấm, cửa thép. Khu vực kho chứa được trang bị bình bọt chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT - Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

- Tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý: 3-7 ngày/lần (tùy vào lượng chất thải phát sinh).

c. Công tác chuyển giao:

Hiện nay, Công ty đang ký hợp đồng thu gom và xử lý chất thải như sau:

+ Công ty cổ phần môi trường công nghiệp Hà Nội 10 là đơn vị thu gom xử lý CTRSH và CTRCNTT cần xử lý.

+ Công ty TNHH Thương mại Lộc Phát Phát thu mua phế liệu từ hoạt động sản xuất.

(Hợp đồng chuyển giao chất thải được đính kèm Phụ lục báo cáo).

4.3. Phương án thu gom, xử lý CTNH

b. Công tác lưu giữ:

Nhà máy sẽ bố trí 01 khu lưu giữ CTNH diện tích $24,5 m^2$. Các CTNH phát sinh được phân loại và thu gom vào các thùng chứa có nắp riêng biệt đặt tại từng khu vực phát sinh. Sau đó, CTNH được chuyển về lưu giữ tại kho.

Tại kho lưu giữ, CTNH được lưu giữ trong các thùng chứa riêng biệt, có nắp đậy và được dán dấu hiệu cảnh báo theo quy định tại TCVN 6707:2009. Thiết bị lưu chứa CTNH tại dự án gồm có thùng nhựa PVC dung tích 120l.

Kho chứa có nền nhà được thiết kế cao ráo, xây thành cao bao quanh, có rãnh thoát nước. Khu vực kho CTNH cũng được trang bị bình bọt chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định và trang bị cát khô, xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH.

- Quy trình vận hành: CTNH phát sinh từ hoạt động văn phòng và hoạt động sản xuất của Nhà máy sẽ được thu gom và lưu giữ riêng theo từng loại chất thải nguy hại trong các kho chứa CTNH.

c. Công tác chuyển giao:

Hiện nay, Công ty đang ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường công nghiệp xanh là đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH phát sinh tại Nhà máy (Các hợp đồng vận chuyển, chuyển giao xử lý chất thải được đính kèm Phụ lục báo cáo).

Các trang thiết bị và công trình kho lưu giữ chất thải đã được xây dựng hiện nay tiếp tục được sử dụng. Để đảm bảo thu gom triệt để các loại chất thải phát sinh, không gây tổn động làm mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường trong khu vực Nhà máy, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí thêm các thùng rác đựng CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp và CTNH tại các khu vực phát sinh.

- Tiếp tục ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định;

- Tùy tình hình phát sinh chất thải, Công ty yêu cầu các đơn vị có chức năng đã được Công ty ký hợp đồng tăng cường tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý để giảm thiểu lượng CTR thải tồn đọng tại kho lâu ngày.

4.4. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó các sự cố

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải

❖ Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:

- + Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín an toàn nhất.

❖ Sự cố hệ thống xử lý nước thải:

Khi hệ thống gặp phải sự cố trong quá trình vận hành điều đầu tiên người vận hành phải xác định hiện tượng, khu vực bị sự cố và thiết bị đang bị sự cố trong hệ thống. Sau khi đã xác định được sự cố kể trên thì người vận hành tiếp tục nghiên cứu tìm hiểu về mức độ nặng nhẹ của sự cố.

- Đối với sự cố mức độ nhẹ:

Nhảy role nhiệt, mất điện đột ngột dẫn đến hệ thống bị ngưng, máy không hoạt động... cách giải quyết như sau:

- + Kiểm tra chính xác máy bị sự cố: đo dòng làm việc, đo độ dẫn điện, điện trở, lưu lượng, cột áp

- + Kiểm tra role nhiệt trong tủ điện điều khiển, nếu bị nhảy thì cần đo lại dòng làm việc của máy so sánh với dòng định mức sau đó hiệu chỉnh lại

- Đối với sự cố mức độ nặng:

Khi hệ thống gặp sự cố ở mức độ nặng nằm ngoài khả năng xử lý của người vận hành thì cần thực hiện theo chỉ dẫn sau:

- + Xác định nguyên nhân gây ra sự cố.

- + Xác định khu vực bị sự cố (cục bộ hay trên diện rộng, một thiết bị hay nhiều thiết bị), nếu sự cố đó ảnh hưởng lớn thì phải ngưng ngay hệ thống tránh trường hợp hỏng theo dây truyền. Nếu chỉ một thiết bị gặp sự cố mà không gây ảnh hưởng lớn đến quá trình kiểm tra thì cứ để hệ thống tiếp tục hoạt động. Nhưng ngay sau đó phải sửa chữa thiết bị hư hỏng.

+ Báo cáo cho người phụ trách trực tiếp để người đó cử kỹ thuật viên tới sửa chữa khắc phục sự cố.

+ Viết báo cáo tường trình (hoặc biên bản sự cố), báo cáo trong sổ vận hành ghi rõ nguyên nhân xác định được để tránh trường hợp tương tự xảy ra.

+ Trường hợp có sự cố bất thường ảnh hưởng tới chất lượng nguồn nước tiếp nhận, cơ sở phải dừng ngay hoạt động xả thải; báo cáo kịp thời với KCN Quang Minh để có biện pháp hỗ trợ trong trường hợp cần đầu nối xử lý.

+ Trong trường hợp gặp sự cố mà vẫn để hệ thống hoạt động như đã nói ở trên, thì phải chuyển chế độ hoạt động sang chế độ điều chỉnh bằng tay (MANU) và chỉ sử dụng các thiết bị còn hoạt động được để cho thiết bị hư hỏng không phải chịu sự điều khiển của hệ thống điều khiển tự động.

Dưới đây là cách khắc phục các sự cố thường gặp của hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 24: Kiểm soát sự cố trong vận hành HTXL nước thải

STT	SỰ CỐ	CÁCH KHẮC PHỤC
1	Mất điện	- Trong trường hợp nhà máy mất điện toàn bộ hoạt động sản xuất của nhà máy sẽ dừng hoạt động do đó nhà máy không phát sinh nước thải.
2	Thiết bị của trạm hư hỏng	- Máy bơm và máy thổi khí của trạm được cài đặt chế độ chạy luân phiên. Trong trường hợp 1 bơm hỏng thì hệ thống điều khiển sẽ báo lỗi và tự động chuyển chế độ cài đặt cho bơm còn lại chạy. Người vận hành sẽ thay thế bơm bị hỏng và cài đặt lại chế độ chạy luân phiên như ban đầu.
3	Nước thải đầu vào vượt ngưỡng cho phép để trạm XLNT hoạt động ổn định.	- Hệ thống đã tính toán thiết kế cho công suất và nồng độ chất thải tối đa trong quá trình hoạt động. - Trong trường hợp bất khả kháng nào đó xảy ra người vận hành cần khóa van xả ở đầu ra của hệ thống và thuê đơn vị có chức năng tiến hành bơm hút nước thải đi xử lý theo đúng quy định
4	Không có nước thải đầu vào	- Do đặc trưng tại cơ sở, nước thải xử lý theo công nghệ hóa lý vì vậy trong trường hợp không có nước thải đầu vào cũng không gây ảnh hưởng đến quá trình xử lý của hệ thống.

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố PCCC

Công ty đã thực hiện trang bị hệ thống PCCC theo Giấy chứng nhận Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và đã được Phòng CSPCCC và CNCH, Công an Hà Nội nghiệm thu tại các văn bản sau:

- Văn bản số 307/NT-PCCC ngày 13/4/2022.
- Văn bản số 457/NT-PCCC ngày 07/06/2023.
- Văn bản số 1360/NT-PCCC ngày 23/12/2024.

❖ *Phương án phòng cháy, chữa cháy*

Để đảm bảo sản xuất an toàn và hiệu quả, Chủ cơ sở đã trang bị hệ thống phòng chống cháy nổ hiện đại. Hàng năm tổ chức các buổi tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho toàn bộ công nhân viên để đảm bảo ứng cứu kịp thời khi xảy ra sự cố. Ngoài ra, Chủ cơ sở đã phối hợp với cơ quan phòng cháy chữa cháy địa phương lên các phương án phòng cháy, chữa cháy như sau:

- Biện pháp chung:

+ Nghiêm cấm công nhân không được hút thuốc hay mang chất gây cháy vào khu vực sản xuất, kho nguyên liệu.

+ Nguyên liệu và sản phẩm được sắp xếp gọn gàng, xa khu vực có nguồn điện

+ Nhiệt độ trong các xưởng sản xuất và kho duy trì đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quyết định 3733/2002/QĐ-BYT.

+ Đường giao thông nội bộ rộng 5 -7m chạy xung quanh các xưởng để đảm bảo đủ diện tích cho các phương tiện cứu hỏa ra vào khi có hỏa hoạn.

+ Xây dựng hệ thống thoát nạn khi có sự cố cháy xảy ra như: Bố trí các lối thoát hiểm là các cửa ra vào to rộng, có đèn chiếu sáng, đèn báo.

+ Thiết kế hệ thống chống sét nổi đất là các kim thép mạ đồng chống rỉ cho nhà xưởng và nhà ăn.

+ Hàng năm Công ty lập kế hoạch thực hiện phương án PCCC và cử các cán bộ, công nhân viên tham gia huấn luyện nghiệp vụ PCCC theo quy định và thực hiện diễn tập PCCC và thoát hiểm thoát nạn 1 lần/năm.

- Biện pháp chữa cháy:

+ Khi phát hiện có sự cố cháy nổ báo ngay cho toàn cơ sở biết bằng hệ thống đèn báo.

+ Cắt điện toàn bộ nhà máy.

+ Triển khai các biện pháp chữa cháy bằng các dụng cụ, thiết bị có tại nhà máy.

- Lực lượng chữa cháy tại cơ sở:

+ Ban chỉ huy chữa cháy bao gồm: Lãnh đạo, Trưởng phòng hành chính nhân sự, Đội trưởng đội phòng cháy, chữa cháy cơ sở, trưởng các bộ phận, cán bộ phụ trách an toàn phòng cháy, chữa cháy.

+ Đội phòng cháy chữa cháy cơ sở gồm: 50 thành viên hàng năm đều được tập huấn nghiệp vụ PCCC.

Tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

- Công nhân, nhân viên được tập huấn về cách vận hành máy móc và an toàn lao động.

- Công nhân, nhân viên được trang bị quần áo bảo hộ lao động và các thiết bị cần thiết đảm bảo an toàn lao động trong quá trình làm việc.

- Có biển báo hiệu cần thiết phục vụ an toàn lao động và giao thông.

- Có chế độ đãi ngộ, bảo hiểm, thăm hỏi cho công nhân, nhân viên nếu gặp các tai nạn đáng tiếc xảy ra.

Hệ thống máy móc bị hỏng, chập cháy hoặc không đảm bảo với điều kiện an toàn lao động.

- Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống thường xuyên.
- Trong trường hợp các trang thiết bị trong hệ thống vận hành bị hỏng hóc trên 01 ngày và chưa sửa chữa kịp thời thì công ty sẽ tạm ngừng hoạt động khu vực xảy ra sự cố đến khi khắc phục được tình trạng mới tiếp tục.

Sự cố ô nhiễm môi trường, chập cháy nổ, thời tiết cực đoan do nguyên nhân khách quan

- Tạm dừng mọi hoạt động của khu nhà văn phòng và nhà xưởng.
- Khi điều kiện đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường lao động sẽ tiếp tục hoạt động.
- Có biện pháp hướng dẫn, sơ tán kịp thời cho công nhân, nhân viên nếu có các hiện tượng tiêu cực nguy hiểm từ thời tiết hay có sự ô nhiễm môi trường đáng tiếc xảy ra.

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại Legroup cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường như sau:

a. Thực hiện đúng theo quy định về Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

b. Thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam (QCVN) theo quy định hiện hành. Cụ thể là:

- Tiếng ồn trong quá trình vận hành dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 26:2025/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường)

- Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành được thu gom và xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Quang Minh, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn đầu nối của KCN Quang Minh.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động xử lý bề mặt được thu gom và xử lý đạt cột B, QCVN 19:2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

c. Chịu trách nhiệm thực hiện và áp dụng các biện pháp giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường trong suốt quá trình đi vào hoạt động của nhà máy, đặc biệt lưu ý các vấn đề sau đây:

- CTRSH, CTRTT, CTNH phải được thu gom, phân loại và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn.

- Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Ban quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội tiếp nhận đăng ký môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất linh kiện, phụ kiện xe máy, xe đạp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LEGROUP



GIẤM ĐỐC
Lê Xuân

PHỤ LỤC

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên;
- Giấy chứng nhận đầu tư;
- Giấy phép môi trường;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Hợp đồng thuê đất cùng cấp dịch vụ xử lý nước thải;
- Giấy phép môi trường của KCN Quang Minh;
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải của cơ sở;
- Giấy phép xây dựng của cơ sở;
- Biên bản nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy;
- Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải và chứng từ chuyển giao chất thải năm 2025;
- Bản vẽ tổng mặt bằng nhà máy;
- Bản vẽ thu gom, thoát nước mưa, nước thải.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2500234708

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 02 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 19 tháng 11 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG
MẠI LEGROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LEGROUP MANUFACTURING &
TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LEGROUP JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Liên kè 2618, khu đô thị TMS, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại: 0903 259 228

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ: 98.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Chín mươi tám tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 1.000.000 đồng

Tổng số cổ phần: 98.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: LÊ TUÂN

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 02/02/1962

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 001062047791

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Số 15 Linh Lang, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Cô Thị Hoàng Yến

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 01221000341

Chứng nhận lần đầu: ngày 07 tháng 10 năm 2010

Chứng nhận thay đổi lần thứ 1: Ngày 28 tháng 11 năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020,

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 01221000341 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp chứng nhận lần đầu ngày 07/10/2010 cho Công ty Cổ phần sản xuất Thương mại Legroup;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty Cổ phần sản xuất Thương mại Legroup nộp ngày 24/11/2025,

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chứng nhận: Dự án “Nhà máy sản xuất linh kiện, phụ kiện xe máy, xe đạp”; Giấy chứng nhận đầu tư mã số 01221000341 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (nay là Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội) chứng nhận lần đầu ngày 07/10/2010; được đăng ký điều chỉnh: thông tin nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô của dự án, tổng vốn đầu tư và cập nhật thông tin về địa điểm, tiến hành hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:



Nhà đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LEGROUP; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 2500234708 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ) cấp đăng ký lần đầu ngày 24/02/2010, cấp thay đổi lần 9 ngày 19/11/2025.

- Địa chỉ trụ sở chính: Liên kê 2618, Khu đô thị TMS, phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

- Mã số thuế: 2500234708

- Điện thoại: 0903.259.228

Email: letuan@legroup.com.vn

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tuan

+ Sinh ngày 02/02/1962

Quốc tịch: Việt Nam

+ Căn cước công dân số: 001062047791 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/7/2021.

+ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Số 15 Linh Lang, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội.

+ Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0903.259.228

+ Email: letuan@legroup.com.vn

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất linh kiện, phụ kiện xe máy, xe đạp

2. Mục tiêu của dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Mã CPC
1	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất linh phụ kiện xe máy.	2599	

3. Quy mô sản xuất linh phụ kiện xe máy: 4.000 tấn sản phẩm/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô 15-2 và 15-3, Khu Công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội (thuộc lô 15B+15C theo Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 31/7/2008 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu Công nghiệp Quang Minh I tại huyện Mê Linh tỉnh Vĩnh Phúc - Tỷ lệ 1/2000).

5. Diện tích đất dự kiến sử dụng khoảng: 14.000 m².

6. Tổng vốn đầu tư: 98.000.000.000 đồng (Chín mươi tám tỷ đồng chẵn). Trong đó:

- Vốn góp thực hiện dự án là: 9.800.000.000 đồng (Chín tỷ, tám trăm triệu đồng), chiếm tỷ lệ 10% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên Nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ %	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn (theo báo cáo)
		Đồng	USD			
1	Công ty cổ phần sản xuất thương mại Legroup	9.800.000.000		100	Tiền mặt	Đã góp đủ

- Vốn huy động: Không.

- Lợi nhuận để lại của Nhà đầu tư để tái đầu tư: 88.200.000.000 đồng (*Tám mươi tám tỷ, hai trăm triệu đồng*).

7. Thời hạn thực hiện dự án: Đến ngày 04/9/2053.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

a) Tiến độ góp vốn và dự kiến huy động các nguồn vốn:

+ Vốn góp: 9.800.000.000 đồng (*Bằng chữ: Chín tỷ, tám trăm triệu đồng*), chiếm tỷ lệ 10% tổng vốn đầu tư; theo báo cáo, Nhà đầu tư đã góp đầy đủ.

+ Vốn huy động: Không.

+ Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư: 88.200.000.000 đồng (*Tám mươi tám tỷ, hai trăm triệu đồng*) được thực hiện trong vòng 03 (ba) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần thứ nhất.

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án (theo báo cáo): Dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2005.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án: Nhà đầu tư phải tự chịu trách nhiệm và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến nguồn vốn, tiến độ, hình thức góp vốn đầu tư; tuân thủ quy định về quy hoạch Khu Công nghiệp Quang Minh I; tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định và điều kiện (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Một số quy định khác:

- Về chế độ báo cáo: Nhà đầu tư phải chấp hành đầy đủ chế độ Báo cáo theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư; thực hiện chế độ báo cáo giám sát đầu tư theo quy định tại các Mục 8, 11, Điều 100 và Điều 101 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

- Về bảo vệ môi trường: Dự án chỉ được hoạt động khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt giấy phép môi trường theo quy định. Đề nghị Công ty lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường theo quy định.

Khi thực hiện dự án đầu tư, Nhà đầu tư phải thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Trong trường hợp việc tăng quy mô công suất theo nội dung đề nghị có liên quan đến việc mở rộng, sửa chữa, cải tạo làm thay đổi quy mô, công năng hạng mục công trình của Dự án, đề nghị Nhà đầu tư thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quy hoạch, xây dựng để đủ điều kiện khởi công xây dựng.

- Về phòng cháy và chữa cháy: Dự án chỉ được phép hoạt động sau khi công trình xây dựng được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy. Trong quá trình hoạt động, Nhà đầu tư phải tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, tính xác thực đối với các thông tin, số liệu kê khai trong hồ sơ đăng ký đầu tư đầu tư/điều chỉnh đầu tư; đồng thời chấp hành đúng các quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư, quy hoạch xây dựng, quản lý sử dụng lao động và các lĩnh vực có liên quan.

Điều 4. Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy Chứng nhận đầu tư có mã số dự án 01221000341 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp chứng nhận lần đầu ngày 07/10/2010.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được cấp dưới dạng văn bản điện tử theo quy định của pháp luật; được cấp cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án và lưu trữ tại Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội, đồng thời được đăng tải trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các ngành: Sở Công Thương; Sở Tài chính;
Thuế TP Hà Nội; Công an TP Hà Nội; Chi cục Hải quan khu vực I;
- UBND xã Quang Minh;
- Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức;
- Trưởng Ban (để b/c);
- Các phòng: HTĐT, XDMT, QLDN, KHTC;
- Lưu VT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Lê Thanh Sơn

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
THƯƠNG MẠI LEGROUP
SỐ: 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Vĩnh Phúc, ngày 13 tháng 12 năm 2007

HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP

Căn cứ vào nhu cầu cạnh tranh và phát triển của Công ty, được sự thoả thuận của ban lãnh đạo Công ty TNHH sản xuất thương mại Legroup và Công ty TNHH điện hoá SCL, hôm nay, vào hồi 8 giờ 30 phút, tại văn phòng Công ty TNHH sản xuất thương mại Legroup, chúng tôi những thành viên: Lê Ngọc Tuấn, Lê Tuấn và Lê Thị Ngọc Lan cùng nhau ký kết hợp đồng sáp nhập với các nội dung sau:

1. Công ty nhận sáp nhập:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LEGROUP

Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Quang Minh – Xã Quang Minh – Huyện Mê Linh – Tỉnh Vĩnh Phúc.

Điện thoại: 0211.882510

Người đại diện theo pháp luật: Lê Tuấn

2. Công ty bị sáp nhập:

CÔNG TY TNHH ĐIỆN HOÁ SCL

Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Quang Minh – Xã Quang Minh – Huyện Mê Linh – Tỉnh Vĩnh Phúc.

Điện thoại: 0211.882522

Người đại diện theo pháp luật: Lê Ngọc Tuấn

3. Điều kiện sáp nhập:

- Chuyển toàn bộ tài sản, vốn góp, công nợ từ Công ty TNHH điện hoá SCL thành tài sản, vốn góp, công nợ của Công ty TNHH sản xuất thương mại Legroup.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Lê Tuấn

- Giám đốc Công ty: Ông Lê Tuấn.



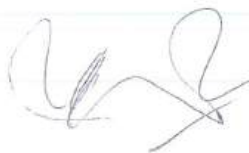
4. Phương án sử dụng lao động:

- Lao động của Công ty điện hoá SCL có 122 người chuyển toàn bộ sang Công ty TNHH sản xuất thương mại Legroup.
- Sử dụng nhân sự phù hợp, mọi quyền lợi của người lao động được đảm bảo.
- Khối sản xuất giữ nguyên vị trí sản xuất.
- Khối văn phòng có sự điều động phân bổ trong nhiệm kỳ tới.

5. Thời hạn chuyển đổi:

- Thời hạn thực hiện nhận sáp nhập: ngày 1 tháng 1 năm 2008

6. Hợp đồng đã được nhất trí thông qua vào hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày và cùng ký tên.



LÊ THỊ NGỌC LAN



LÊ NGỌC TUẤN



LÊ TUÂN

UBND TỈNH VINH PHÚC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 400/TNMT - MT

Vĩnh Yên, ngày 23 tháng 5 năm 2006

PHIẾU XÁC NHẬN
BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất ống giảm âm xe máy
của Công ty TNHH Điện Hoá SCL tại Khu CN Quang Minh

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VINH PHÚC
XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty TNHH Điện Hoá SCL đã trình nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất ống giảm âm xe máy tại Khu Công nghiệp Quang Minh - huyện Mê Linh - tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 8 tháng 5 năm 2006.

Điều 2. Công ty TNHH Điện Hoá SCL có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

Điều 3. Nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của đơn vị.

Điều 4. Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường Công ty TNHH Điện Hoá SCL phải có báo cáo bằng văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Phúc để kiểm tra.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Lưu VP, MT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Chu Quốc Hải

Số: 436 /TNMT - MT

Vĩnh Yên, ngày 01 tháng 6 năm 2006

PHIẾU XÁC NHẬN

BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất linh kiện, phụ tùng xe máy,
xe đạp của Công ty TNHH Sản xuất thương mại LEGROUP
tại Khu công nghiệp Quang Minh - huyện Mê Linh

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VINH PHÚC XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty TNHH Sản xuất thương mại LEGROUP đã trình nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất linh kiện, phụ tùng xe máy, xe đạp tại Khu công nghiệp Quang Minh - huyện Mê Linh - tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 5 năm 2006.

Điều 2. Công ty TNHH Sản xuất thương mại LEGROUP có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

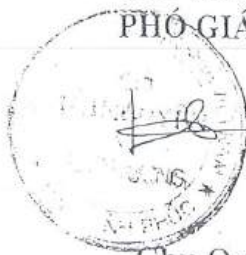
Điều 3. Nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của đơn vị.

Điều 4. Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường Công ty TNHH Sản xuất thương mại LEGROUP phải có báo cáo bằng văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Phúc để kiểm tra.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Lưu VP, MT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Chu Quốc Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Số: *152* /2018/HĐ-XLNT

Được ký giữa:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC
KCN Quang Minh – Huyện Mê Linh, TP Hà Nội
(Bên cung cấp dịch vụ)

Và:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LEGROUP
(Bên sử dụng dịch vụ)

- Hà Nội, Tháng 12/2018 -

CH * MSD

✓

HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
tại KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Số: ~~152~~ 2018/HĐ-XLNT

*** Căn cứ vào:**

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/06/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.
- Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 22/4/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành Điều lệ Khu công nghiệp Quang Minh;
- Căn cứ Quyết định số 3742/2004/QĐ-UB ngày 22 tháng 10 năm 2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc thành lập, phê duyệt dự án và giao Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Yêu cầu đầu nối, cung cấp dịch vụ XLNT của Bên sử dụng dịch vụ và khả năng của Bên cung cấp dịch vụ:

Hôm nay, ngày 15/12/2018, tại Văn phòng Công ty TNHH đầu tư và PTHT Nam Đức, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I/. CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC:

Địa chỉ: KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 35860478

Mã số thuế: 2500222438

Số tài khoản VNĐ: 031 0101 0834036

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa.

Đại diện: Ông Nguyễn Khắc Sơn - Chức vụ: Giám đốc

(Sau đây được gọi tắt là Bên A)

II/. CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LEGROUP

Địa chỉ: Số 266, đường Nguyễn Tất Thành, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Số điện thoại : 043.818 2522

Fax: 043.8182511

Mã số thuế: 2500234708

Số tài khoản : 112000058031

Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh

Đại diện PL: Ông Lê Tuấn - Chức vụ: Giám đốc

(Sau đây được gọi tắt là Bên B)

✓ A

*** Do vì:**

- Bên A là Chủ đầu tư KCN được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam với đầy đủ năng lực trong lĩnh vực xử lý nước thải, sẵn sàng cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải và các dịch vụ liên quan theo yêu cầu của Bên B.
 - Bên B là doanh nghiệp hoạt động trong KCN Quang Minh có mong muốn được cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải.
 - Các Bên đều hiểu rõ các quy định của pháp luật và UBND thành phố Hà Nội về công tác Bảo vệ môi trường tại KCN Quang Minh và cam kết chấp hành, thực hiện.
- Sau khi thoả thuận, Bên A và Bên B thống nhất ký, thực hiện Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải (XLNT) tại KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với các điều khoản và điều kiện cụ thể dưới đây:

ĐIỀU 1. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG:

- 1.1 Đối tượng của Hợp đồng: Bên A nhận cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải do Bên B xả vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Quang Minh, đảm bảo xả thải vào nguồn nước tiếp nhận với chất lượng nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép.
- 1.2 Phạm vi thực hiện: Hoạt động cung cấp dịch vụ XLNT và xả nước thải của các bên được giới hạn trong KCN Quang Minh thuộc huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

ĐIỀU 2. ĐIỂM ĐẦU NÓI NƯỚC THẢI:

- 2.1 Điểm đầu nối nước thải từ hệ thống thu gom XLNT của Bên B vào hệ thống thu gom, XLNT của KCN là vị trí hố ga (do Bên A chỉ định) mà tại đó đường ống thoát nước thải của Bên B được nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.
- 2.2 Điểm đầu nối do Bên A chỉ định theo thiết kế kỹ thuật của hệ thống để đảm bảo sự an toàn và vận hành của hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

ĐIỀU 3. KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI CỦA BÊN B XẢ VÀO HỆ THỐNG THU GOM, XLNT CỦA BÊN A:

- 3.1 Khối lượng nước thải: Khối lượng nước thải thu phí được tính bằng 80% khối lượng nước cấp mà Bên B sử dụng cho mục đích sinh hoạt và sản xuất sau khi trừ đi lượng nước bay hơi.
 - Trường hợp Bên B chỉ có nước thải sinh hoạt và dùng nước sạch tập trung thì lượng nước thải tính phí bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ. Trường hợp không dùng nước sạch tập trung thì Bên B phải lắp đặt đồng hồ đo nước thải.
- 3.2 Chất lượng nước thải: Nước thải của Bên B chỉ được xả vào nguồn tiếp nhận của KCN Quang Minh khi Bên B đã tự xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn cho phép tối thiểu đạt mức nước giá trị C Cột B theo QCVN 40: 2011/BTNMT (chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Hợp đồng này).

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B:

- 4.1 Được sử dụng dịch vụ thu gom, XLNT của Bên A theo quy định tại Hợp đồng này.
- 4.2. Thanh toán kịp thời, đầy đủ các chi phí sử dụng dịch vụ theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này;
- 4.3. Chịu trách nhiệm lấy mẫu nước thải và chi phí kiểm định khi cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành; tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng nước thải và cung cấp dịch vụ XLNT tại hố ga mà

✓ An

Bên B đầu nối vào hệ thống XLNT tập trung của KCN.

4.4. Thông báo cho Bên A bằng văn bản trong các trường hợp: thay đổi chất lượng nước thải, thay đổi công nghệ sản xuất, tăng công suất nhà máy,...

4.5. Cung cấp cho Bên A sơ đồ hệ thống thoát nước (gồm cả nước mưa và nước thải) trong nội bộ nhà máy của Bên B để Bên A kiểm tra giám sát; xây dựng tách biệt giữa hệ thống thoát nước mưa với nước thải và không được để Bên thứ 3 đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Bên B.

4.6. Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, của KCN Quang Minh về công tác bảo vệ môi trường, việc đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải chung, sử dụng hạ tầng KCN và các quy định khác có liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ XLNT.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A:

5.1 Kinh doanh dịch vụ thu gom và XLNT theo quy định của pháp luật.

5.2 Bảo đảm khả năng đáp ứng nhu cầu XLNT của Bên B, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng dịch vụ XLNT cho Bên B;

5.3 Đảm bảo chất lượng dịch vụ XLNT theo các quy định hiện hành của Nhà nước và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án KCN Quang Minh I

5.4 Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, của KCN về công tác Bảo vệ môi trường, về việc quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thu gom nước thải.

5.5 Yêu cầu Bên B thanh toán Phí xử lý nước thải và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về xử lý nước thải tại KCN Quang Minh I.

5.6 Khi nghi ngờ Bên B xả nước thải vượt quá quy chuẩn cho phép, Bên A có quyền lấy mẫu nước thải của Bên B tại bất kỳ thời điểm nào để xác định tính chính xác chất lượng nước thải của Bên B. Việc lấy mẫu nước thải được lập thành biên bản có xác nhận của hai bên (trường hợp một trong hai bên không xác nhận, bên còn lại mời đơn vị quản lý Nhà nước chứng kiến xác nhận) và kết quả được lấy làm cơ sở tính phí XLNT trong kỳ theo nội dung quy định trong Hợp đồng này. Mẫu nước thải được phân tích bởi đơn vị có đủ chức năng, năng lực trong hoạt động quan trắc môi trường.

5.7 Bên A có quyền kiểm tra giám sát hoạt động xả nước thải của Bên B vào hệ thống thu gom của KCN và yêu cầu Bên B xả nước thải đảm bảo chất lượng theo Hợp đồng XLNT đã ký.

ĐIỀU 6. PHÍ DỊCH VỤ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

6.1 Phí dịch vụ:

- Khối lượng nước thải để tính phí xác định theo khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng này.

- Trường hợp Bên B không sử dụng nước sạch do Nhà máy nước sạch Quang Minh cung cấp thì Bên B phải lắp đặt đồng hồ đo nước thải của Bên B. Khối lượng nước thải thu phí tính theo đồng hồ đo nước thải.

- Bên B sẽ thanh toán cho Bên A phí dịch vụ hàng tháng được tính như sau:

Phí dịch vụ = Đơn giá x Khối lượng nước thải do Bên A xử lý hàng tháng.

* Đơn giá dịch vụ XLNT: **12.000VNĐ/m³**

+ Giá trên áp dụng đối với nước thải có giá trị thông số và nồng độ các chất ô

✓ An

nhỏ hơn hoặc bằng giá trị quy định tại Cột B QCVN 40: 2011/BTNMT.

+ Giá trên chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng (thuế VAT).

- Đơn giá XLNT có thể được điều chỉnh căn cứ sự biến động giá cả thị trường (điện nước, hoá chất, tiền lương, chính sách tiền tệ của Nhà nước...) với mỗi lần điều chỉnh không quá 15% theo giá kỳ trước liền kề. Khi điều chỉnh đơn giá bên A sẽ thông báo trước cho bên B trong thời hạn 15 ngày, được sự bàn bạc và thống nhất của hai bên. Thời gian điều chỉnh đơn giá tối thiểu là 1 năm và tối đa 2 năm.

- Cơ sở để xác định chất lượng nước thải áp dụng cho việc tính giá là Phiếu kết quả phân tích nước thải mới nhất của Bên B, bao gồm đủ các chỉ tiêu theo Phụ lục I của Hợp đồng (Bản sao Phiếu kết quả phân tích nước thải là Phụ lục II đính kèm hợp đồng này).

6.2 Phương thức thanh toán

(i) Bên B có trách nhiệm thanh toán phí dịch vụ cho Bên A trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn hàng tháng của Bên A (hoá đơn này được coi là thông báo thanh toán lần thứ nhất) vào tài khoản được chỉ định bởi Bên A hoặc tiền mặt tại Văn phòng của Bên A.

Nếu quá thời hạn năm (05) ngày nêu trên mà Bên B vẫn chưa thanh toán phí dịch vụ cho Bên A, Bên B có trách nhiệm thanh toán trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo lần 2 của Bên A;

(ii) Quá thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được giấy thông báo lần 2 của Bên A mà Bên B vẫn chưa thanh toán thì Bên A sẽ tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT và có quyền yêu cầu đơn vị cấp nước tạm ngừng cung cấp nước sạch cho đến khi Bên B thanh toán đầy đủ phí sử dụng dịch vụ XLNT theo giấy báo;

(iii) Kể từ ngày Bên B thanh toán đầy đủ phí dịch vụ cho Bên A, Bên A sẽ mở van xả thải cho Bên B để Bên B được xả nước thải vào hệ thống XLNT của Bên A. Khi đó, Bên B sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên A toàn bộ chi phí phát sinh từ về việc đóng/mở van cấp nước/thoát nước và các vật tư phát sinh sử dụng trong quá trình trên (nếu có) theo bảng chiết tính của Bên A cũng như tiền lãi tính trên số phí dịch vụ mà Bên B thanh toán chậm kể từ ngày quá thời hạn 03 ngày nêu tại mục (ii) ở trên với mức lãi suất quá hạn bằng 20%/năm cho toàn bộ thời gian chậm thanh toán.

ĐIỀU 7. CÁC TRƯỜNG HỢP NGỪNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THU GOM, XLNT:

7.1 Khi Bên B vi phạm các quy định về xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN nhưng chưa gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và hệ thống thu gom xử lý nước thải của KCN, Bên A sẽ có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu Bên B khắc phục. Sau 05 ngày kể từ ngày phát hành thông báo lần thứ nhất mà Bên B không chấp hành thì Bên A sẽ ra thông báo nhắc nhở lần hai. Hết thời hạn 05 ngày của thông báo lần 2 mà Bên B vẫn không chấp hành thì Bên A được quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT theo thoả thuận đã được quy định trong Hợp đồng này.

7.2 Trường hợp nước thải của Bên B xả vào hệ thống thu gom của KCN vượt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT, Bên A sẽ lập biên bản yêu cầu Bên B khắc phục để đảm bảo nước thải đạt mức nước Cột B và Bên B phải thanh toán chi phí phân tích mẫu nước thải và phí XLNT theo đơn giá 24.000đ/m³ đối với khối lượng nước thải xả vào hệ thống thu gom của KCN từ thời điểm chốt số kỳ trước đến thời điểm nước thải của Bên B đạt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Bên A lập biên bản đối với hành vi vi phạm; đồng thời Bên B phải chịu phạt với mức phạt bằng 50% tổng số tiền Bên B thanh toán phí XLNT trong kỳ. Quá thời hạn trên, Bên A sẽ yêu cầu đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung

✓ A

cấp nước sạch và tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A có quyền kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải của Bên B và Bên B có trách nhiệm cung cấp kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ theo kết quả quan trắc môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) của Bên B với cơ quan chức năng cho Bên A.

7.3 Khi Bên B vi phạm các quy định về xả nước thải có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và hệ thống thu gom và xử lý nước thải chung, Bên A tiến hành lập biên bản và yêu cầu Bên B phải khắc phục ngay các sai phạm. Trường hợp Bên B không chấp hành yêu cầu của Bên A, Bên A sẽ ngừng ngay việc cung cấp dịch vụ XLNT và đề nghị đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch.

7.4 Trường hợp Bên B vi phạm các quy định về xả thải gây hậu quả nghiêm trọng thì tùy theo mức độ có thể bị truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7.5 Dịch vụ XLNT sẽ được khôi phục sau khi Bên B đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi phạm gây ra, và hoàn thành các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

7.6 Khi tiến hành xúc tiến các công tác sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom và Nhà máy XLNT, Bên A sẽ có văn bản thông báo cho Bên B biết lý do, thời gian tiến hành các công tác trên; đồng thời Bên A sẽ có biện pháp thích hợp tạm thời nhằm hạn chế các tác động gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Bên B và ô nhiễm môi trường.

ĐIỀU 8. THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 15/12/2018 đến ngày 15/12/2022 và có thể được gia hạn theo thỏa thuận của các Bên.

ĐIỀU 9. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

9.1 Hợp đồng này có thể được các Bên sửa đổi/bổ sung bằng văn bản. Việc sửa đổi/bổ sung sẽ được tiến hành theo hình thức Hợp đồng sửa đổi/bổ sung hoặc phụ lục của Hợp đồng và là một phần không tách rời của Hợp đồng này;

9.2 Hợp đồng này sẽ hết hiệu lực trong những trường hợp sau:

- (i) Hết thời hạn của Hợp đồng mà không được gia hạn; hoặc
- (ii) Các Bên đồng ý bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng này.

ĐIỀU 10. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác giữa các Bên. Trong trường hợp các Bên không thể giải quyết thông qua hoà giải, một trong hai Bên có thể đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết tranh chấp. Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành đối với cả hai bên và án phí do bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 11. CHỐNG GIAN LẬN VÀ HỐI LỘ:

11.1. Bên B cam kết và đảm bảo rằng bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho Bên B hoặc được Bên B chỉ định (gọi chung là “Người Của Bên B”) liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A sẽ không (i) hối lộ và/hoặc hứa hẹn đưa các khoản hối lộ, giảm giá, trích thưởng, khoản tiền gây ảnh hưởng hoặc khoản báo đáp bất hợp pháp hoặc bất kỳ các tài sản bằng tiền hoặc hiện vật hoặc lợi ích nào (gọi chung là “Hối

Lộ”), cho bất kỳ đại diện nào của Bên A (gọi chung là “Người Của Bên A”) hoặc thông qua bất kỳ Bên Thứ Ba nào để Hối Lộ Người Của Bên A nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký Hợp Đồng với Bên A một cách không minh bạch, được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng, và /hoặc các lợi ích không minh bạch, không công bằng khác.

11.2. Bên A cam kết và đảm bảo rằng Người Của Bên A sẽ không đòi hỏi Hối Lộ hoặc có những hành vi chủ quan (cá nhân, cảm tính, vô trách nhiệm, ...) nhằm cản trở, gây khó khăn cho Người Của Bên B trong việc thực hiện Hợp Đồng (gọi chung là “Gian Lận”).

11.3. Các hành vi Hối Lộ và Gian Lận theo quy định tại Điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng này. Trường hợp bất kỳ Người Của Bên B nào nhận thấy bất cứ Người Của Bên A nào có biểu hiện, hành vi đòi Hối Lộ và/hoặc Gian Lận thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A theo địa chỉ email: thanhtra@tng-holdings.vn.

11.4. Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Hối Lộ của Bên B vi phạm pháp luật Việt Nam và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Hối Lộ của Bên B.

ĐIỀU 12. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH:

12.1. Các Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều quy định trong Hợp đồng này. Bên nào vi phạm sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật;

12.2. Hợp đồng gồm sáu (06) trang, mười hai (12) điều, được lập thành ba (03) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản làm cơ sở thực hiện.

12.3. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày các bên ký, đóng dấu xác lập.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI
NAM ĐỨC
H. H. N. - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Khắc Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI
LEGROU
TP. VINH YÊN - T. VINH PHÚC

L. Tuấn

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2018

PHỤ LỤC I

**GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ VÀ NỒNG ĐỘ CÁC CHẤT Ô NHIỄM
TRONG NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP THEO GIÁ TRỊ C CỘT B QCVN 40: 2011/BTNMT)
“Kèm theo Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ XLNT Số 152 /2018/HĐ-XLNT”**

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	
			Cột A	Cột B
1	Nhiệt độ	oC	40	40
2	Màu	Pt/Co	50	150
3	pH	-	6 đến 9	5,5 đến 9
4	BOD5 (20oC)	mg/l	30	50
5	COD	mg/l	75	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	100
7	Asen	mg/l	0,05	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,005	0,01
9	Chì	mg/l	0,1	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,05	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,05	0,1
12	Crom (III)	mg/l	0,2	1
13	Đồng	mg/l	2	2
14	Kẽm	mg/l	3	3
15	Niken	mg/l	0,2	0,5
16	Mangan	mg/l	0,5	1
17	Sắt	mg/l	1	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,07	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,1	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	10
21	Sunfua	mg/l	0,2	0,5
22	Florua	mg/l	5	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	10
24	Tổng nitơ	mg/l	20	40
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	4	6

Am

26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	500	1000
27	Clo dư	mg/l	1	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,3	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,003	0,01
31	Coliform	vi khuẩn/100ml	3000	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	1,0



✓ An

BẢN SAO

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3042 /GP-BTNMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2017

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT- BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức ngày 20 tháng 10 năm 2017 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức (có địa chỉ tại Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội) được xả nước thải từ nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Quang Minh vào nguồn nước với các nội dung sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh tiêu thoát nước chung của khu vực sau đó chảy vào đầm Và tại xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

2. Vị trí xả nước thải: xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Tọa độ vị trí xả nước thải ra đầm Và (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^{00'}, múi chiều 3⁰):

X = 2340543

Y = 579277

3. Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý được chảy vào kênh thoát nước chung của khu vực sau đó chảy ra đầm Và theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

4. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

5. Lưu lượng nước thải lớn nhất: 6.000 m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải:

Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội QCTĐHN 02:2014/BTNMT cột A hệ số $K_q = 0,6$; $K_r = 0,9$. Riêng đối với thông số BOD₅ (20°C) không vượt quá 21,6mg/l, COD không vượt quá 54mg/l, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) không vượt quá 36mg/l, Amoni (tính theo N) không vượt quá 3,6mg/l, Tổng Nitơ không vượt quá 14,4mg/l và Tổng Photpho không vượt quá 2,88mg/l. Cụ thể như sau (Bảng 1):

Bảng 1: Thông số và giới hạn tối đa chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt-Co	50
3	pH	-	6 đến 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	21,6
5	COD	mg/l	54
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	36
7	Asen	mg/l	0,027
8	Thủy ngân	mg/l	0,003
9	Chì	mg/l	0,054
10	Cadimi	mg/l	0,027
11	Crom (VI)	mg/l	0,027
12	Crom (III)	mg/l	0,108
13	Đồng	mg/l	1,08
14	Kẽm	mg/l	1,62
15	Niken	mg/l	0,108
16	Mangan	mg/l	0,27
17	Sắt	mg/l	0,54
18	Tổng Xianua	mg/l	0,038
19	Tổng Phenol	mg/l	0,054
20	Dầu mỡ khoáng	mg/l	2,7
21	Sunfua	mg/l	0,108
22	Florua	mg/l	2,7
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	3,6
24	Tổng nitơ	mg/l	14,4
25	Tổng photpho	mg/l	2,88
26	Clorua	mg/l	270
27	Clo dư	mg/l	0,54
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,027
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ	mg/l	0,162

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa
30	Tổng PCB	mg/l	0,002
31	Coliform	MPN/100ml	3.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

7. Thời hạn của giấy phép: mười (10) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; trong quá trình hoạt động, nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13.

3. Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành bể phòng ngừa ứng phó sự cố với dung tích tối thiểu 18.000m³ trước ngày 31 tháng 12 năm 2018.

4. Thực hiện quan trắc nước thải như sau:

4.1. Quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý tại vị trí trước khi chảy ra kênh thoát nước chung của khu vực với các thông số quan trắc: nhiệt độ, COD, TSS, DO, pH, và lưu lượng nước thải.

4.2. Quan trắc định kỳ nước thải theo tần suất một (01) tháng/lần tại vị trí đầu vào của hệ thống xử lý nước thải (tại bể thu gom nước thải) và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tại vị trí trước khi chảy ra kênh thoát nước chung của khu vực với các thông số quy định tại Bảng 1 Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và lưu lượng nước thải.

5. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường ở Trung ương và địa phương; quản lý, kết nối kết quả quan trắc tự động về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố, bất thường đối với hệ thống xử lý nước thải.

7. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước) và Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội về tình hình thu gom, xử lý, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xả nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Giấy phép này.

Điều 3. Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung như Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức (02);
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND thành phố Hà Nội;
- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;
- Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng Cục Môi trường;
- Lưu: VT, VPMC, HSCP (TNN-NT-034.17) (02), TNN (02).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 13-01-2018

Số CT.....5.3.1.....Quyển số.....0.....SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Thị Vân Anh

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 54 /GXN-STNMT-CCBVM

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2020

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án “Đầu tư và phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh giai đoạn 2”

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI XÁC NHẬN

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

Tên chủ dự án: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức

Địa chỉ văn phòng: Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024.35860478

Fax: 024.38134514

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 2500222438

Ngày cấp: 19/08/2003 (lần đầu), 23/12/2019 (thay đổi lần thứ 13)

Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1384/QĐ-CT ngày 29/04/2008 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

II. NỘI DUNG XÁC NHẬN

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án “Đầu tư và phát triển hạ tầng khu công nghiệp Quang Minh giai đoạn 2” (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ DỰ ÁN, CƠ SỞ

Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2, 3 và 4 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chương trình quan trắc môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Chủ dự án đã hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Giấy xác nhận này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động; được điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: Sở CT.....Quyển số.....BCT/BS

- Công ty TNHH ĐT và PT hạ tầng Nam Đức (để thực hiện);
- Giám đốc Sở (để b/cáo);
- Lưu: VT, CCBVMT (02).



PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Hùng



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Tuấn Định

Phụ lục

(Kèm theo Giấy xác nhận số: 51 /GXN-STNMT-CCBVMT ngày 06 tháng 12 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Công trình thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Công trình thu gom, thoát nước mưa:

Chủ Dự án đã xây dựng 12.624,5m dài, 42 hố ga giai đoạn 2. Hệ thống được thiết kế bằng mương xây B=700mm, B=800mm, B=1.000mm và cống D=1.000mm, D=1.500mm đoạn qua đường. Các hố ga thu được xây dựng có kích thước 1x1x1,2 m (dài x rộng x cao). Hệ thống thu gom thoát nước mưa giai đoạn 2 của dự án vận hành theo phương thức tự chảy và được đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa giai đoạn 1 sau đó thoát ra 2 lưu vực thoát nước mưa của toàn Dự án.

1.2. Công trình thu gom nước thải:

Chủ Dự án đã xây dựng 12.331 m dài, 190 hố ga. Hệ thống thu gom nước thải được xây bằng cống ngầm với đường kính D300 – D600 kết hợp các ga thăm có kích thước là 1,2m x 0,8m x 1,2 m (dài x rộng x cao) và được đầu nối với hệ thống thu gom nước thải giai đoạn 1. Phương thức thu gom và thoát nước thải của dự án là theo hình thức tự chảy.

1.3. Công trình thoát nước thải:

Hệ thống thoát nước thải được xây bằng mương gạch có nắp đan kích thước B500 mm và chiều dài là 200m, trong đó giai đoạn 2 xây dựng được 50m dài và đầu nối với đường cống thoát nước thải giai đoạn 1 của dự án sau đó thải ra nguồn tiếp nhận.

1.4. Công trình xử lý nước thải (XLNT):

a) Chủ Dự án đã xây dựng Hệ thống XLNT tập trung với 2 module, có tổng công suất thiết kế 6.000m³/ngày đêm (module 1 có công suất 2.000 m³/ngày đêm, đã cải tạo từ module 1 của nhà máy XLNT tập trung công suất 3000 m³/ngày đêm ở giai đoạn 1; module 2 có công suất 4.000 m³/ngày đêm), công nghệ xử lý hóa lý kết hợp vi sinh với diện tích là 10.000 m², trong đó: module 1 của nhà máy có diện tích khoảng 4.000 m²; module 2 có diện tích khoảng 3.400m², phần còn lại bố trí dự phòng cho module 3.

Lưu lượng nước thải (cập nhật đến thời điểm báo cáo) được thu gom, xử lý tại Hệ thống XLNT tập trung: 4.289 m³/ngày.đêm (khoảng 71% công suất thiết kế).

b) Quy trình công nghệ của Hệ thống XLNT tập trung:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhà điều hành của Khu công nghiệp (KCN) Quang Minh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn (dung tích 2 m³/1 bể) trước khi dẫn về hệ thống XLNT tập trung của KCN.

- Module 1: Nước thải từ hệ thống thu gom nước thải của KCN → Bể gom nước thải → Tách rác, tách mỡ → Bể điều hòa nước thải → Bể phản ứng hóa lý và lắng sơ cấp → Bể ANOXIC 1 → Bể AEROTEN 1 → Bể ANOXIC 2 → Bể AEROTEN 2 → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý.

+ Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải đưa đến bể phân hủy và làm đặc bùn → máy ép bùn → đóng bao lưu kho CTNH và đem đi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH (gọi tắt là Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015).

- Module 2: Nước thải từ hệ thống thu gom nước thải của KCN → Bể gom nước thải → Tách rác, tách mỡ → Bể điều hòa nước thải → Bể phản ứng hóa lý và lắng sơ cấp → Bể SELECTOR → Bể AEROTEN → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý.

+ Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải đưa đến bể phân hủy bùn → bể làm đặc bùn → máy ép bùn → đóng bao lưu kho CTNH và đem đi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015.

c) Chế độ vận hành của các công trình xử lý nước thải: Liên tục

d) Hóa chất sử dụng cho Hệ thống XLNT tập trung: Poly aluminium chloride 305, Polyacrylamide cationic C1492, Polyacrylamide ationic A1110, Sodiumhypochlorite NaOCl.

e) Vị trí nơi xả thải: Xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, Hà Nội.

f) Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh tiêu thoát nước chung của khu vực sau đó chảy vào đầm Vả tại xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, Hà Nội.

g) Quy chuẩn đánh giá nước thải sau xử lý: Nước thải của KCN sau khi đã xử lý tại hệ thống XLNT tập trung được đối chiếu với QCTĐHN 02:2014/BTNMT (Cột A, $K_q = 0,6$; $K_f = 0,9$) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội và Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 3042/GP-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

h) Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục: COD, TSS, PH, DO, nhiệt độ lưu lượng được truyền tải về Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đạt quy chuẩn cho phép khi đối chiếu QCTĐHN 02:2014/BTNMT (Cột A, $K_q = 0,6$; $K_f = 0,9$) và Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 3042/GP-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Các doanh nghiệp hoạt động trong KCN Quang Minh giai đoạn 2 phải tuân thủ các quy định pháp luật về xử lý khí thải trước khi xả thải môi trường; tự chịu trách nhiệm xử lý khí thải phát sinh đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường tương ứng đối với từng ngành nghề sản xuất trước khi xả khí thải ra môi trường; đảm bảo các yêu cầu về thiết kế nhà khí hoạt động trong KCN.

- Bụi khí thải phát sinh từ dự án chủ yếu là do các phương tiện giao thông, vận chuyển hàng hóa ra vào KCN. Để giảm thiểu tác động của bụi, khí thải do phương tiện vận chuyển, Chủ dự án đã tiến hành trồng cây xanh dọc 2 bên các tuyến đường và những khu vực tạo mỹ quan với tổng diện tích cây xanh của dự án là 36,47 ha.

- Đối với Hệ thống XLNT tập trung:

+ Thu gom và xử lý bùn thải đúng định kỳ, vận hành thiết bị ép bùn phù hợp, không để bùn tồn đọng lâu ngày dẫn đến quá trình kỵ khí, phát sinh mùi hôi.

+ Tạo không gian thoáng mát, trồng nhiều cây xanh quanh khu vực Hệ thống XLNT.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn (CTR) công nghiệp thông thường:

- CTR công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của các doanh nghiệp trong KCN Quang Minh giai đoạn 2: Các doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm thực hiện việc ký kết hợp đồng thu gom chất thải với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển theo quy định.

- CTR công nghiệp thông thường phát sinh từ khu vực Nhà điều hành KCN, quá trình vận hành Nhà máy XLNT tập trung được lưu trữ trong các xe gồng chở rác chuyên dụng. CTR phát sinh hằng ngày trên đường được thu gom vào các thùng rác cố định được đặt trên vỉa hè KCN. Chủ dự án đã ký hợp đồng vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ cao Minh Quân theo Hợp đồng dịch vụ vệ sinh môi trường số 09/HĐDV-MQ.NĐ ngày 02/01/2019, tần suất vận chuyển 01 tuần/lần (Thời hạn gia hạn: 31/12/2020).

4. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

- Các Doanh nghiệp hoạt động trong KCN Quang Minh giai đoạn 2 tự chịu trách nhiệm thu gom, phân loại, bố trí khu vực lưu giữ tạm thời CTNH trong khuôn viên từng doanh nghiệp và ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015.

- CTNH phát sinh từ khu vực Nhà điều hành KCN, quá trình vận hành Nhà máy XLNT tập trung: Chủ dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH mã số QLCTNH 01.000519.T ngày 30/08/2010 với các loại CTNH đã được đăng ký gồm: Bùn thải có chứa CTNH từ quá trình XLNT; Bóng đèn huỳnh quang thải (chứa thủy ngân); Giẻ lau dính dầu, mỡ, dung môi; Bao bì thải các loại có chứa các thành phần nguy hại; Thực tế phát sinh thêm các loại CTNH gồm: Bao bì mềm thải có chứa thành phần nguy hại; Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.

- Thời điểm kiểm tra, Chủ dự án đã xây dựng:

+ 01 kho chứa hóa chất diện tích khoảng 15m². Kho chứa CTNH được xây dựng bằng tường xây bằng gạch, có gắn biển cảnh báo theo quy định. Xung quanh xây dựng rãnh để thu gom nước thải (nếu có) sau đó dẫn vào hệ thống XLNT tập trung của KCN.

+ 01 kho chứa bùn thải của hệ thống XLNT tập trung với diện tích khoảng 24m². Kho

chứa bùn thải của hệ thống XLNT tập trung được xây dựng bằng nhà lắp ráp khung sắt quay tôn, có gắn biển cảnh báo theo quy định. Xung quanh được xây dựng rãnh để thu gom nước thải (nếu có) sau đó dẫn vào hệ thống XLNT tập trung của KCN.

+ 01 Kho hóa chất diện tích khoảng 15m², tường xây bằng gạch, mái trần bê tông. Bên ngoài có gắn bảng tên, cảnh báo nguy hiểm và bố trí bình cứu hỏa, phương tiện phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất (thùng cát, xẻng xúc cát, trang bị bảo hộ lao động...).

- Chủ dự án đã ký Hợp đồng số 01/2016/HĐDV-NDC&HB ngày 21/12/2016 kèm các Phụ lục Hợp đồng 01 ngày 01/12/2017, Phụ lục Hợp đồng 02 ngày 26/01/2018 và Phụ lục Hợp đồng 03 ngày 26/10/2018 với Công ty Cổ phần xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình về việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại (Thời hạn: 31/12/2020).

5. Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Đã bố trí giao thông phục vụ phòng cháy chữa cháy (PCCC), khoảng cách PCCC, bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn của công trình; đã lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, trang bị bình chữa cháy và được Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Thành phố Hà Nội – Bộ Công an cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 580/TD-PCCC ngày 24/08/2016.

- Đã xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp và được Sở Công thương Hà Nội xác nhận tại văn bản số 3410/XN-SCT ngày 05/08/2014.

- Theo quy định tại Khoản 19 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường (gọi tắt là *Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019*); quy định Khu công nghiệp và cơ sở đang hoạt động thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, hệ thống xử lý nước thải (không bao gồm các cơ sở đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung) nếu không có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại khoản 6 Điều này thì phải có kế hoạch xây lắp, gửi cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; sau khi hoàn thành, phải lập hồ sơ xác nhận hoàn thành công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo thủ tục kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2020. Do vậy, Chủ dự án cam kết hoàn thành công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trước ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngoài ra, Chủ dự án còn có các biện pháp khác để nâng cao chất lượng môi trường, phòng ngừa và ứng phó với các rủi ro sự cố về môi trường như:

- Biện pháp đảm bảo an toàn lao động
- Biện pháp ứng phó sự cố môi trường do thiên tai
- Biện pháp ứng phó sự cố do quy trình công nghệ sản xuất

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố với đường ống thu gom nước thải
- Biện pháp ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung.

6. Chương trình quan trắc môi trường:

6.1. Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát theo quy định tại Khoản 27 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 (đã bổ sung Điều 54a Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu (gọi tắt là Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015)).

6.2. Quan trắc môi trường định kỳ

a) Giám sát chất lượng không khí xung quanh:

- Vị trí giám sát: 07 vị trí

KX001: Mẫu KKKQ cổng khu vực dự án

KX002: Mẫu KKKQ khu vực gần Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội và Công ty TNHH Katolec Việt Nam

KX003: Mẫu KKKQ khu vực gần đường tàu và gần Nhà máy xử lý nước thải

KX004: Mẫu KKKQ khu vực cổng Công ty TNHH Terumo Việt Nam

KX005: Mẫu KKKQ khu vực cuối khu công nghiệp

KX006: Mẫu KKKQ khu dân cư – cách khu công nghiệp 300m về phía Đông Bắc

KX007: Mẫu KKKQ khu vực gần Quốc lộ cách cổng chính 300m về phía Bắc

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, CO₂, SO₂, CO, NO₂, TSP, THC.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 06:2009/BTNMT.

b) Giám sát chất lượng nước mặt:

- Vị trí giám sát: 03 vị trí

NM001: Nước mặt trước điểm lấy mẫu sau hệ thống XLNT 100m

NM002: Nước mặt tại điểm lấy mẫu sau hệ thống XLNT

NM003: Nước mặt sau điểm lấy mẫu sau hệ thống XLNT 100m

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, pH, DO, độ đục, độ dẫn điện, TSS, TDS, BOD₅, COD, Amoni, CL⁻, Nitrat, Phosphate, tổng N, tổng P, Sunfat, CN⁻, As, Cd, Pb, Crom tổng số, Cu, Zn, Hg, Fe, Coliform, tổng phenol.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột A2)

c) Giám sát chất lượng nước cấp:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí

NH001: Tại điểm lấy mẫu của Nhà máy cấp nước sạch cho KCN Quang Minh (Tọa độ quan trắc: X= 2343551; Y = 0580629)

- *Thông số giám sát:* pH, độ đục, Amoni, SO_4^{2-} , Cl^- , NO_3^- , NO_2^- , Hg, As tổng số, Pb, Cd, sắt tổng số, Nitrit, Coliform, Ecoli.

- *Tần suất giám sát:* 3 tháng/lần

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 02:2009/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt (Cột I)

d) Giám sát chất lượng nước dưới đất:

- *Vị trí giám sát:* 03 vị trí

ND001: Nước giếng khoan nhà Cô Chung – Tổ 1

ND002: Nước giếng khoan nhà Cô Thuận – Tổ 1

ND003: Nước giếng khoan nhà Anh Lụa – Tổ 1

- *Thông số giám sát:* Nhiệt độ, pH, độ đục, độ dẫn điện, TDS, DO, BOD₅, TSS, COD, NH_4^+ , NO_3^- , SO_4^{2-} , NO_2^- , Cl^- , Phosphat, tổng N, tổng P, As, Pb, Cd, Cu, Zn, Fe, Coliform.

- *Tần suất giám sát:* 3 tháng/lần

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 09-MT:2015/BTMNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

e) Giám sát chất lượng đất:

- *Vị trí giám sát:* 02 vị trí

DA001: Trước điểm lấy mẫu sau hệ thống XLNT 100m

DA002: Sau điểm lấy mẫu sau hệ thống XLNT 100m

- *Thông số giám sát:* N tổng số, P tổng số, K tổng số, Cacbon hữu cơ, As, Cd, Pb, Cu, Zn, Fe, Dầu mỡ.

- *Tần suất giám sát:* 3 tháng/lần

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất; TCVN 7373:2004, TCVN 7374:2004, TCVN 7375:2004 và TCVN 7376:2004 về chất lượng đất.

f) Giám sát chất lượng nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 02 vị trí

NT001: Tại điểm lấy mẫu trước hệ thống XLNT

NT002: Tại điểm lấy mẫu sau hệ thống XLNT

- **Thông số giám sát:** Theo quy định tại QCTĐHN 02:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục bao gồm: COD, TSS, DO, PH, nhiệt độ, lưu lượng theo quy định tại Khoản 20 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 (*Khoản 20 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 ngày 13/5/2019 đã sửa đổi, bổ sung cho Điều 39 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015*)).

- **Tần suất giám sát:** 1 tháng/lần

- **Quy chuẩn so sánh:** QCTĐHN 02:2014/BTNMT (Cột A, $K_q = 0,6$; $K_f = 0,9$) và Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 3042/GP-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6.3. Quan trắc nước thải tự động, liên tục

- **Thông số giám sát:** COD, TSS, DO, PH, nhiệt độ, lưu lượng được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đạt quy chuẩn cho phép khi đối chiếu QCTĐHN 02:2014/BTNMT (Cột A, $K_q = 0,6$; $K_f = 0,9$) và Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 3042/GP-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- **Tần suất giám sát:** hàng ngày.

7. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình, bảo đảm công trình xử lý nước thải hoạt động đúng công suất, hiệu suất xử lý, nước thải sau xử lý đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý xả Kênh tiêu thoát nước chung của khu vực sau đó chảy vào đầm Và tại xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, Hà Nội đạt quy chuẩn cho phép theo QCTĐHN 02:2014/BTNMT (Cột A, $K_q = 0,6$; $K_f = 0,9$) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội và Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 3042/GP-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo đúng các quy định của pháp luật.

- Sau khi hoàn thành công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định, Chủ dự án phải lập hồ sơ xác nhận hoàn thành công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo thủ tục kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, hoàn thành *trước ngày 31 tháng 12 năm 2020*.

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
- Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số AB 329619

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
- Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số AB 829621

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

Tỉnh Vĩnh Phúc

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Công ty TNHH điện hoá SCL

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1902000640

Do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 22-7-2005

Địa chỉ: Lô 15-2 Khu CN Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

II- Thửa đất được quyền sử dụng

- | | | | |
|---------------------------|---|------------------|-------------------|
| 1. Thửa đất số: | Lô 15-2 | 2. Tờ bản đồ số: | Khu CN Quang Minh |
| 3. Địa chỉ thửa đất: | Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc. | | |
| 4. Diện tích: | 6000,0 | m ² | |
| Bàng chữ: | Sáu ngàn mét vuông, | | |
| 5. Hình thức sử dụng: | | | |
| + Sử dụng riêng: | 6000,0 | m ² | |
| + Sử dụng chung: | Không | m ² | |
| 6. Mục đích sử dụng đất: | Đất khu công nghiệp. | | |
| 7. Thời hạn sử dụng: | Đến ngày 28 tháng 9 năm 2033. | | |
| 8. Nguồn gốc sử dụng đất: | Thuế đất của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp. | | |

III- Tài sản gắn liền với đất

Bao gồm: Văn phòng làm việc, nhà xưởng, hệ thống sân, vườn, hệ thống đường giao thông nội bộ và các công trình phụ trợ khác.

IV- Ghi chú

("Thửa đất" được hiểu do địa chính)
(Có trụ lạc bản đồ địa chính kèm theo)

V- Sơ đồ thửa đất

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 3621... Quyết số 22-SC/TS

Ngày 28 tháng 4 năm 2005



PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Quốc Hùng

Tỷ lệ:

Ngày 01 tháng 6 năm 2007

TMỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)



TMỦY CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Sơn

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: TĐ 443 BSA/MT/TC-UB

Ngày 28 tháng 4 năm 2005

**CÔNG AN TP HÀ NỘI
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ**

Mẫu số PC12
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 367 /NT-PCCC
V/v chấp thuận kết quả
nghiệm thu về phòng cháy và
chữa cháy

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2022

Kính gửi: Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Legroup.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 34/TD-PCCC ngày 18/10/2005, số 744/CNTD-PCCC ngày 08/11/2010, số 1326/TD-PCCC-CTPC ngày 28/12/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 38/NT-PCCC ngày 01/4/2022 của Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Legroup.

Người đại diện theo pháp luật là ông: Lê Tuấn, Chức vụ: Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 09 tháng 4 năm 2022 của đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH và Công an huyện Mê Linh.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình: Nhà máy LEGROUP, với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Lô 15, Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Legroup.

Đơn vị thi công: Công ty TNHH xây dựng và nội thất City House; Công ty Cổ phần kỹ thuật PCCC Hà Nội.

Quy mô công trình: Diện tích khu đất xây dựng công trình khoảng 14.000m² gồm Nhà xưởng cơ khí số 01 có diện tích xây dựng khoảng 3.800m², cao 01 tầng; Nhà xưởng cơ khí số 02 có diện tích khoảng 6.200m², cao 01 tầng; Nhà văn phòng điều hành có diện tích khoảng 453,7m², cao 03 tầng; Nhà để xe máy có diện tích khoảng 356m² cao 01 tầng và các hạng mục phụ trợ nhà bảo vệ, nhà vệ sinh và trạm bơm PCCC.

Nội dung được nghiệm thu về PCCC:

- Lối tiếp cận cho xe chữa cháy, khoảng cách PCCC, bậc chịu lửa, bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn, giải pháp ngăn cháy lan;

- Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà, hệ thống chữa cháy Sprinkler tự động bằng nước và bằng bọt, họng nhận

nước từ xe chữa cháy, trang bị bình chữa cháy, phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;

- Nguồn điện cấp cho máy bơm chữa cháy.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị về duy trì các điều kiện đảm bảo an toàn PCCC nêu tại biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH và Công an huyện Mê Linh lập ngày 09/4/2022 và các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo theo quy định tại Điều 11 và Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ và gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC để được thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo quy định;

- Chịu trách nhiệm về quy mô, tính chất hoạt động của công trình phù hợp với quy hoạch được phê duyệt, xuất trình hồ sơ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC của công trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ;

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng, tính chính xác của hồ sơ nghiệm thu. Việc kiểm tra của cơ quan cảnh sát PCCC&CNCH không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định tại Điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy (không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch xây dựng), là một trong những căn cứ để chủ đầu tư nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng theo quy định. /

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- C07 - Bộ Công an;
- Đ/c Giám đốc CATP;
- Đ/c Đại tá Trần Ngọc Dương - PGĐ CATP; (để báo cáo)
- Công an huyện Mê Linh; (để theo dõi)
- Lưu: PC07, Đ2(Duy).

TRƯỞNG PHÒNG



Đại tá Phạm Trung Hiếu

**CÔNG AN TP HÀ NỘI
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ**

Số: 457 /NT-PCCC

V/v chấp thuận kết quả
nghiệm thu về phòng cháy
và chữa cháy

Mẫu số PC12
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2023

Kính gửi: Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Legroup.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 547/TD-PCCC&CNCH ngày 26/5/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 2605/CV-NTPCCC ngày 26/5/2023 của Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Legroup.

Người đại diện theo pháp luật là ông: Lê Tuấn, Chức vụ: Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 06 tháng 6 năm 2023 của đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH và Công an huyện Mê Linh.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của hạng mục công trình: Cải tạo khu vực giới hạn bởi trục 14-18/A-F tại Nhà xưởng cơ khí số 01 thuộc Nhà máy Legroup, với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Lô 15, Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Chủ đầu tư công trình: Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Legroup.

Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hải Hà Việt Nam.

Đơn vị thi công: Công ty Cổ phần XDA Holdings.

Quy mô hạng mục công trình: Cải tạo bố trí mặt bằng giới hạn bởi trục giới hạn bởi trục 14-18/A-F và bổ sung sàn lửng đa năng phục vụ sản xuất có diện tích xây dựng khoảng 240m².

Nội dung được nghiệm thu về PCCC:

- Cải tạo bố trí mặt bằng giới hạn bởi trục giới hạn bởi trục 14-18/A-F và bổ sung sàn lửng đa năng phục vụ sản xuất có diện tích xây dựng khoảng 240m².
- Cải tạo, bổ sung đầu báo cháy tự động, đầu phun chữa cháy sprinkler tự động, bình chữa cháy khí, họng cấp nước chữa cháy trong nhà, phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn và bình chữa cháy.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị về duy trì các điều kiện đảm bảo an toàn phòng cháy và chữa cháy nêu tại biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH và Công an huyện Mê Linh lập ngày 06/6/2023 và các điều kiện an toàn về PCCC đối với cơ sở theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo theo quy định tại Điều 11 và Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ và gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC để được thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo quy định;

- Chịu trách nhiệm về quy mô, tính chất hoạt động của hạng mục công trình phù hợp với quy hoạch được phê duyệt, xuất trình hồ sơ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ;

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng, tính chính xác của hồ sơ nghiệm thu. Việc kiểm tra của Cơ quan cảnh sát PCCC và CNCH không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định tại Điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy (không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch xây dựng), là một trong những căn cứ để chủ đầu tư nghiệm thu và đưa hạng mục công trình vào sử dụng theo quy định. /

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- C07 - Bộ Công an;
- Đ/c Giám đốc CATP;
- Đ/c Đại tá Dương Đức Hải - PGĐ CATP;
- Đ/c Trưởng Phòng;
(để báo cáo)
- Công an huyện Mê Linh;
(để theo dõi)
- Lưu: PC07, Đ2(Duy).

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trung tá Vũ Đức Hưng

**CÔNG AN TP HÀ NỘI
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ**

Số: 1360/NT-PCCC
V/v chấp thuận kết quả
nghiệm thu về phòng cháy
và chữa cháy

Mẫu số PC12
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Legroup.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 1343/TD-PCCC&CNCH ngày 10/9/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 14/12/2024 của Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Legroup.

Người đại diện theo pháp luật là ông: Lê Tuấn, Chức vụ: Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 20 tháng 12 năm 2024 của đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH và Công an huyện Mê Linh.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình: Cải tạo Nhà để xe thuộc Nhà máy Legroup, với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Lô số 15, khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Chủ đầu tư công trình: Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Legroup.

Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hải Hà Việt Nam.

Đơn vị thi công: Công ty Cổ phần XDA Holdings.

Quy mô công trình: Nhà để xe có diện tích xây dựng khoảng 369,6m², cao 03 tầng, chiều cao PCCC là 6,4m.

Nội dung được nghiệm thu về PCCC:

- Lối tiếp cận cho xe chữa cháy, khoảng cách PCCC, bậc chịu lửa, bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn, giải pháp ngăn cháy lan.
- Cải tạo, bổ sung đầu báo cháy tự động, họng cấp nước chữa cháy trong nhà, đầu phun chữa cháy sprinkler tự động bằng nước và bằng bọt, phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn và bình chữa cháy.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị về duy trì các điều kiện đảm bảo an toàn phòng cháy và chữa cháy nêu tại biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH và Công an huyện Mê Linh lập ngày 20/12/2024 và các điều kiện an toàn về PCCC đối với cơ sở theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ.

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo theo quy định tại Điều 11 và Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ và khoản 5 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ và gửi hồ sơ đến cơ quan Công an để được thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo quy định;

- Chịu trách nhiệm về quy mô, tính chất hoạt động của công trình phù hợp với quy hoạch được phê duyệt, xuất trình hồ sơ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC của công trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về chất lượng, tính chính xác của hồ sơ nghiệm thu. Việc kiểm tra của cơ quan Công an không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định tại Điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ.

Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy (không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch xây dựng), là một trong những căn cứ để chủ đầu tư nghiệm thu và đưa hạng mục công trình vào sử dụng theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- C07 - Bộ Công an;
- Đ/c Giám đốc CATP;
- Đ/c Đại tá Dương Đức Hải - PGĐ CATP;
- Đ/c Trưởng phòng;
- (để báo cáo)
- Công an huyện Mê Linh;
- (để theo dõi)
- Lưu: PC07, Đ2_(Duy).

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Thượng tá Nguyễn Tiến Nam

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 02.01.26/HĐ/XLCT/CNX-LEGROUP

- Căn cứ Bộ luật Dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Luật bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ban hành ngày 17/11/2020 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;

- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Môi trường;

- Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 05/2025/NĐ-CP);

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Thông tư Số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3.009.VX của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH môi trường Công nghiệp Xanh lần thứ 2 ngày 10/9/2021

- Căn cứ khả năng và nhu cầu của các bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2026, hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải được lập bởi các Bên như sau:

I. CHỦ NGUỒN THẢI (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LEGROUP

Địa chỉ công ty : Liên kè 2618, khu đô thị TMS, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Điện thoại :

Mã số kinh doanh : 2500234708

Người đại diện : Ông Lê Tuấn

Chức vụ: Giám đốc

II. CHỦ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ (BÊN B): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP XANH

Địa chỉ công ty : Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại : 0211.2219010

Tài khoản : 258389988 Tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Vĩnh Phúc - PGD Phúc Yên

Mã số thuế : 0102169887

Người đại diện : Ông Đỗ Huy Thắng

Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng thống nhất thoả thuận nội dung hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải như sau:

Điều 1. Bên A thuê bên B thực hiện các công việc sau:

Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải của bên A theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam về môi trường.

Điều 2. Danh mục chất thải, phương án thu gom vận chuyển xử lý, địa điểm, thời gian giao nhận và đơn giá:

1. Danh mục chất thải:

TT	Danh mục	Mã CTNH	Ghi chú
1	Dầu thải	17 02 03	
2	Nhựa trao đổi ion đã bão hòa hay đã qua sử dụng	12 06 01	

*** Phí vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại được tính như sau (Chưa bao gồm thuế GTGT):**

- Giá thu gom, vận chuyển và xử lý trọn gói tại 1 điểm phát sinh chất thải là 13.000.000 đồng/01 chuyến (Mười ba triệu đồng trên một chuyến vận chuyển). Định mức của một chuyến vận chuyển tối đa tại 1 điểm phát sinh chất thải 2.000 kg (Hai nghìn kilogram).

- Trong trường hợp khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý vượt định mức thì tính giá bổ sung cho phần khối lượng vượt định mức là: 10.000 đồng/kg (Mười nghìn đồng / kilogram)

- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển

2. Địa điểm giao nhận chất thải:

Tại kho lưu giữ chất thải nguy hại của Bên A:

Địa chỉ: Lô 15, KCN Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội.

3. Thời gian giao nhận: Bên A thông báo lịch giao chất thải cho bên B trước 02 ngày để thu xếp phương tiện.

4. Địa điểm xử lý chất thải: Tại Trung tâm tái chế phế thải và xử lý chất thải – Tổ dân phố Thanh Cao, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Phương thức giao nhận và thanh toán:

1. Thời gian giao nhận từ 8 giờ sáng đến 17 giờ chiều cùng ngày. Sau mỗi đợt giao nhận hàng, hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến, lập bảng tổng hợp khối lượng cho từng đợt làm cơ sở quyết toán cho từng đợt.

2. Phương thức thanh toán: **Bên A thanh toán tiền cho bên B** trong thời gian 30 ngày kể từ khi hai bên ký biên bản tổng hợp khối lượng chất thải trên từng chuyến và bên A nhận được hoá đơn tài chính hợp lệ.

3. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên

1. Trách nhiệm và quyền hạn của bên A.

- Chịu trách nhiệm sắp xếp kho lưu giữ; đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau, ghi rõ tên, loại chất thải trên bao bì thu chứa. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

- Chất thải công nghiệp và nguy hại phải được kiểm soát theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình xử lý chất thải của mình, việc giám sát, kiểm tra này không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B

- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B sau khi đã có biên bản tổng hợp xác nhận khối lượng giao nhận được đại diện hai bên ký xác nhận và nhận đủ hoá đơn giá trị gia tăng hợp lệ.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của bên B.

- Cung cấp cho bên A các giấy phép cần thiết để thực hiện công việc trong hợp đồng

- Đảm bảo đủ yêu cầu về nhân lực, phương tiện thiết bị chuyên dụng để thu gom, vận chuyển xử lý chất thải theo nội dung hợp đồng này
- Chịu trách nhiệm xử lý chất thải theo đúng các quy định của Việt Nam về bảo vệ môi trường hiện hành.
- Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải giao nhận để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hàng tháng.
- Thông tin đầy đủ cho Bên A về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.
- Hoàn thiện Chứng từ chất thải nguy hại sau khi xử lý xong và trả lại cho bên A kèm theo biên bản hoàn thành xử lý trong thời hạn không quá 1 tháng kể từ ngày nhận chất thải.
- Bên B có thể nghiên cứu áp dụng các phương án xử lý khác hoặc tái chế trên cơ sở tuân thủ các quy định về môi trường.
- Không thải bỏ chất thải bất hợp pháp, chỉ xử lý tại cơ sở xử lý quy định trong hợp đồng này

Điều 5. Các điều khoản chung:

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng này, trong khi thực hiện có vấn đề gì vướng mắc hai bên phải chủ động gặp nhau để giải quyết trên tinh thần thương lượng và hợp tác, không làm tổn hại đến lợi ích của mỗi bên.
2. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực không được tự ý chấm dứt hợp đồng. Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng phải thông báo bằng văn bản trước cho bên kia 30 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng.
3. Mọi sửa đổi bổ sung của hợp đồng phải được lập thành văn bản kèm theo hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền ở cả hai bên.
4. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này nếu không được các bên thương lượng và hoà giải được với nhau sẽ được giải quyết tại toà án tỉnh Phú Thọ.

Điều 6. Hiệu lực của hợp đồng:

1. Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm, kể từ ngày ký. Sau khi hết hạn hợp đồng, nếu hai bên không có bất kỳ thay đổi gì, hợp đồng sẽ được tự động gia hạn thêm 01 năm tiếp theo
2. Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt Nam, mỗi bên giữ 02 bản, cùng có giá trị như nhau về mặt pháp lý và là cơ sở để hai bên làm nghiệm thu thanh toán hợp đồng.
3. Hợp đồng này chỉ có giá trị đối với hai Bên (A và B), không có hiệu lực với bất cứ Bên thứ ba nào khác.



GIÁM ĐỐC:
Lê Tuấn



GIÁM ĐỐC:
Đỗ Huy Hoàng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 110426/HĐNT/LEGROUP-LPP

- Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015
- Căn cứ Luật thương mại năm 2025 Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ vào nhu cầu, năng lực và thoả thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày 11 tháng 04 năm 2026, chúng tôi gồm có:

BÊN A (BÊN BÁN): CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LEGROUP.

Địa chỉ : Liên kê 2618, Khu đô thị TMS, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.
Mã số thuế : 2500234708
Tài khoản : 112000058031 - Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN Quang Minh.
Đại diện : Ông Lê Tuấn Chức vụ : Giám đốc

BÊN B (BÊN MUA) : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LỘC PHÁT PHÁT

Đại diện : Bà Phạm Thị Hằng Chức vụ : Giám Đốc
Địa chỉ : Cụm Công Nghiệp 2 Châu Khê, Phường Phù Khê, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Mã số thuế : 2301323590
Tài khoản : 8600 053 422 BIDV – CN Từ Sơn

Sau khi cùng bàn bạc, thống nhất hai bên đồng ý ký kết Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hàng hóa với các điều khoản cụ thể sau :

Điều 1 : Hàng hoá, số lượng, giá cả.

- Bên A đồng ý bán, bên B đồng ý mua các loại hàng hóa là các loại đồ xê thép (phế liệu) theo nhu cầu của các bên
- Mỗi lần có nhu cầu mua hàng, bên B gửi đơn hàng hoặc gọi điện hoặc gửi email liên hệ với Bên A và thoả thuận các nội dung sau:
 - + Tên hàng, quy cách, số lượng, chất lượng của hàng hóa cần mua.
 - + Thời gian và địa điểm giao nhận hàng.
 - + Các điều khoản khác cần lưu ý.
- Giá hàng hóa được hai bên thoả thuận theo giá tại thời điểm mua, bán. Trên cơ sở không cao hơn giá của thị trường ở thời điểm đó.

Điều 2: Thời gian giao nhận, vận chuyển, bốc xếp.

- Thời gian giao hàng: theo thoả thuận của hai bên.
- Địa điểm giao hàng: Tại kho bên A (nếu không có thoả thuận khác tại từng đơn hàng). Chi phí vận chuyển do bên bán chịu.
- Số lượng hàng hóa giao nhận được bên A ghi cụ thể trên biên bản giao nhận hàng hoặc phiếu xuất kho và là căn cứ để bên B đối chiếu nhận hàng.
- Phương thức xác định trọng lượng: Theo cân thực tế tại kho bên A.
- Phí bốc xếp phát sinh bên nào, bên đó chịu.

Điều 3: Thanh toán.

- Hình thức thanh toán: Tiền mặt, chuyển khoản hoặc trừ công nợ.
- Giá trị thanh toán: Được xác lập căn cứ vào Phiếu xuất kho/Biên bản giao nhận hàng có ký nhận của hai bên.
- Chứng từ thanh toán gồm có:
 - + Hóa đơn GTGT;
 - + Biên bản giao nhận hàng/Phiếu xuất kho có ký nhận của 2 bên;
- Thời hạn thanh toán: Bên B có trách nhiệm thanh toán hết tiền hàng cho bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận hàng hoặc theo quy định trong từng đơn hàng cụ thể.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên.

4.1. Trách nhiệm của Bên A

- Thông báo trước khi giao hàng tối thiểu 01 ngày để bên B chuẩn bị các điều kiện nhận hàng.
- Giao hàng cho Bên B đúng chủng loại, số lượng, quy cách và thời gian như qui định trong Đơn đặt hàng đã được xác nhận bởi hai bên
- Đối với những hàng hóa không đúng quy cách, chất lượng đã xác nhận thì giảm giá hoặc nhận lại hàng theo thỏa thuận của hai bên.
- Bên A đảm bảo cho bên B có điều kiện kiểm tra hàng hóa trước khi giao nhận hàng. Trường hợp Bên B hoặc đại diện Bên B không thực hiện việc kiểm tra hàng hóa trước khi giao hàng theo thỏa thuận thì Bên A có quyền giao hàng theo Đơn đặt hàng/Hợp đồng kinh tế đã ký kết. Khi đó, Bên A không chịu trách nhiệm về việc đổi hàng hoặc trả lại hàng theo yêu cầu của Bên B.
- Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận hàng và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ và hợp pháp của các chứng từ đó.
- Bên A không chịu trách nhiệm rủi ro về mất mát hoặc hư hỏng hàng hóa nếu hàng hóa được chuyển đến kho bên B hoặc địa điểm do bên B thông báo, có xác nhận chứng từ giao nhận hàng hóa, kể cả trong trường hợp bên A được bên B ủy quyền giữ lại các chứng từ xác lập quyền sở hữu đối với hàng hóa. Trường hợp hàng hóa đang trên đường vận chuyển thì phương tiện vận chuyển do bên nào điều động thì bên đó chịu trách nhiệm.
- Chịu lãi suất 0,1%/ ngày trên giá trị chậm giao hàng so với thời hạn quy định mà không được sự chấp thuận của bên B nhưng không được vượt quá 05 ngày kể từ ngày tính lãi.
- Chịu phạt 10% giá trị Đơn đặt hàng/Hợp đồng và hoàn trả tiền thanh toán, nếu từ chối giao hàng cho Bên B hoặc giao hàng chậm hơn 05 ngày so với thời hạn quy định mà không được sự chấp thuận của bên B.

4.2. Trách nhiệm của Bên B

- Kiểm tra hàng hóa trước khi nhận hàng. Nếu có vấn đề phát sinh thì phải lập biên bản ghi nhận đồng thời thông báo ngay cho bên A để cùng có hướng giải quyết.
- Đảm bảo thanh toán theo đúng **Điều 3** của Hợp đồng. Nếu thanh toán chậm dẫn đến hàng hóa lưu kho bãi, chi phí phát sinh do bên B chịu. Trường hợp Bên B thanh toán chậm thì sẽ chịu lãi suất chậm trả là theo lãi xuất ngân hàng tại thời điểm thanh toán và không quá 03 ngày tiếp theo. Nếu sau thời hạn trên thì có thể bị xử phạt theo Luật thương mại Việt Nam.
- Chuẩn bị nhân lực và vật lực để tiếp nhận hàng hóa ngay sau khi nhận được thông báo giao hàng của Bên A.
- Bên B cử người đến nhận hàng phải mang theo: Giấy giới thiệu do bên B phát hành (Bản gốc, fax hoặc email được Bên A chấp nhận) và Giấy CMND bản gốc của người nhận hàng.
- Bên B phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ tiền mua hàng trong trường hợp hàng hóa mất mát, hư hỏng sau thời điểm rủi ro được chuyển từ Bên A sang Bên B, trừ trường hợp mất mát, hư hỏng do lỗi bên A gây ra.
- Nếu Bên A giao đúng hàng hóa theo đơn đặt hàng mà bên B không nhận hàng sẽ chịu phạt 10% trị giá Hợp đồng.

Điều 5: Giải quyết tranh chấp.

- Tất cả các thiệt hại do nguyên nhân chủ quan của bên nào thì bên đó hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Hàng đã kiểm tra không đổi hoặc trả lại.
- Không bên nào chịu trách nhiệm về rủi ro hàng hóa nếu do điều kiện bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh . . .
- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết. Mọi tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng, hai bên thống nhất đưa ra Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (Bên cạnh phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam) theo quy tắc tổ tụng của trung tâm này. Quyết định của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam sẽ là quyết định cuối cùng và có hiệu lực với cả hai bên. Mọi chi phí do bên thua kiện chịu.

Điều 6: Điều khoản chung.

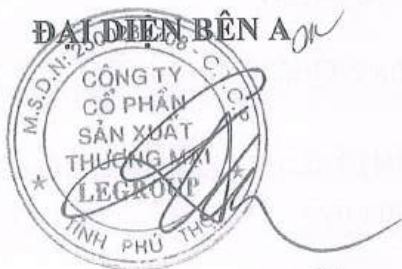
- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc những điều khoản ghi trong hợp đồng. Không bên nào tự ý sửa đổi hay tự hủy ngang. Nếu bên nào đơn phương hủy bỏ hợp đồng mà không do lỗi của bên kia thì bên đó sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại gây ra cho bên kia đồng thời bị phạt 10% trị giá của Hợp đồng.

- Mọi bổ sung hoặc sửa đổi phải được lập thành văn bản và phải được hai bên xác nhận mới có giá trị pháp lý.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày **02 tháng 01 năm 2026 đến hết 31 tháng 12 năm 2026**. Trừ trường hợp hai bên thỏa thuận kết thúc hợp đồng này bằng văn bản trước khi hợp đồng này hết hiệu lực.

- Hợp đồng tự động được gia hạn thêm 01 (một) năm nếu hai bên không có thỏa thuận chấm dứt hợp đồng.

- Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 01 (một) bản.



GIÁM ĐỐC
Lê Tuấn



GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Hằng



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 1402.2022/HĐVCCT-LEG

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội khóa XIII nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số: 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022;

- Căn cứ vào nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Căn cứ vào thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ tài nguyên môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Căn cứ vào nghị định 47/2020/NĐ-CP ngày 09/04/2020 của chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của các bên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 02 năm 2022. Tại Văn phòng, Chúng tôi gồm có:

ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LEGROUP

Đại diện : Ông **Lê Tuấn** Chức vụ: **Giám đốc**
Địa chỉ : Số 266 Đường Nguyễn Tất Thành, Phường Khai Quang, TP
Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.
Điện thoại : (844)-38182522 Fax: (844)-38182511
Mã số thuế : 2500234708

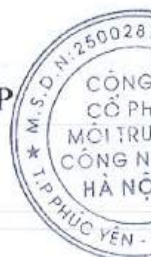
ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI 10.

Đại diện : Ông **Hoàng Văn Mạnh** Chức vụ : **Giám đốc**
Địa chỉ : Số 199 - Đường Ngô Miên - Xuân Mai 2 - Phường Phúc Thắng
- Thành phố Phúc Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc.
Điện thoại : 02112.218.851 Fax: 02113.871.239
Mã số thuế : 2500287587
Tài khoản : 0361001697746 Tại Ngân hàng ngoại thương Phúc Yên

Hai bên thỏa thuận thống nhất các nội dung điều khoản được ghi trong hợp đồng cụ thể như sau:

Điều 1: Nội dung của hợp đồng

Bên A đồng ý thuê Bên B thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp, sinh hoạt thông thường từ kho chứa chất thải của Bên A đến khu vực lưu giữ và xử lý chất thải của Bên B. Bên B đồng ý thực hiện việc thu gom, vận chuyển và



xử lý chất thải của Bên A theo đúng quy định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam.

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận và phương tiện vận chuyển

- Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho chứa chất thải của bên A (Địa chỉ: Lô 15, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội.)

- Thời gian giao nhận chất thải : Sau khi bên A báo cho bên B ít nhất hai (02) ngày

- Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí nhân công và phương tiện vận chuyển chuyên dụng, đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải của bên A. (Bên A hỗ trợ xe nâng cho bên B trong trường hợp hàng nặng.)

Điều 3: Đơn giá và phương thức thanh toán.

3.1 Đơn giá sẽ được thể hiện trên Phụ lục hợp đồng (Đính kèm theo hợp đồng) và sẽ được thay đổi theo sự biến động giá cả trên thị trường thông qua sự đàm phán nhất trí của hai bên bằng văn bản.

- Hai bên căn cứ khối lượng thực tế để lập biên bản giao nhận chất thải công nghiệp cho từng chuyến.

3.2 Phương thức thanh toán: Ngày 27 đến ngày 30 hàng tháng Bên A sẽ thanh toán cho Bên B toàn bộ số tiền của tháng liền kề trước đó khi Bên A nhận được hóa đơn tài chính của bên B và các chứng từ liên quan.

- Việc thanh toán sẽ được thực hiện bằng đồng Việt Nam, trên cơ sở khối lượng thực tế theo biên bản nghiệm thu giữa hai bên.

- Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt

Điều 4: Quyền lợi và trách nhiệm của các bên

4.1 Trách nhiệm và quyền lợi của Bên A:

+ Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã nêu ở Điều 1. Trường hợp có sự phát sinh chất thải mới chủ nguồn thải phải thông báo trước cho bên B để bên B điều chỉnh bổ sung vào trong hợp đồng này, đồng thời có phương án vận chuyển, kế hoạch xử lý kịp thời.

+ Cử cán bộ cân, đo, đếm, giải quyết những vấn đề phát sinh nếu có, và xác định khối lượng để làm cơ sở nghiệm thu, thanh toán.

+ Bên A nhận chứng từ chất thải và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho bên B theo đúng thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng.

+ Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các loại chất thải công nghiệp, rác sinh hoạt không bàn giao cho bên B.

+ Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B

+ Trong thời gian ký hợp đồng với bên B, bên A không được ký hợp đồng xử lý chất thải theo hạng mục như phụ lục đính kèm với bất cứ bên thứ ba nào khác, trừ trường hợp bên B không thực hiện hoặc không thực hiện đúng bất kỳ nội dung nào theo hợp đồng này.

4.2 Quyền lợi và trách nhiệm của Bên B:

+ Cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại giấy phép hành nghề vận chuyển và xử lý chất thải.

587-C
TƯ
ÁN
ÔNG
SHP
110
VINH

+ Nhận vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp, rác thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A.

+ Đảm bảo vận chuyển lưu giữ và đưa đi xử lý chất thải theo đúng quy định của Bộ tài nguyên và môi trường và chịu trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra khi đưa rác thải ra khỏi khu vực của Bên A.

+ Bên B bố trí công nhân bốc chất thải lên phương tiện vận chuyển.

+ Cùng bên A xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển và xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

+ Xuất trả hóa đơn tài chính cho bên A vào ngày cuối cùng của tháng theo hợp đồng.

Điều 5: Bảo mật thông tin:

5.1 Bên A và Bên B không được phép tiết lộ bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào liên quan đến hợp đồng này cho bên thứ ba bất kỳ khi chưa được sự đồng thuận bằng văn bản của bên còn lại

5.2 Hai bên cam kết không lợi dụng công việc của mình để khai thác hoặc tiết lộ các thông tin của nhau.

5.3 Công nhận của Bên B không được phép tự ý vào các khu vực riêng hoặc bị cấm trong khu vực của Bên A khi chưa được sự cho phép của Bên A.

Điều 6: Cam kết chung

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Trong quá trình thực hiện hai bên có vướng mắc thì cùng nhau bàn bạc, thống nhất giải quyết trên tinh thần bình đẳng, cùng có lợi và tuân thủ pháp luật.

- Trường hợp bên nào muốn chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước ít nhất là 30 ngày và phải nêu rõ lý do chấm dứt hợp đồng. Mọi vấn đề tranh chấp phát sinh giữa hai bên sẽ được giải quyết bằng thương lượng, hòa giải, trường hợp không thể thống nhất được thì giải quyết tại Tòa án kinh tế Thành phố Hà Nội.

Điều 7: Hiệu lực của hợp đồng:

- Thời hạn hợp đồng một năm kể từ ngày ký. Việc điều chỉnh bổ sung nội dung hợp đồng sẽ được bổ sung bằng phụ lục của hợp đồng và có giá trị pháp lý như một điều khoản trong hợp đồng.

- Sau khi kết thúc giá trị hợp đồng mà hai bên không có thông báo thay đổi hoặc chấm dứt hợp đồng thì hợp đồng sẽ được gia hạn cho đến khi hai bên ký biên bản chấm dứt hoặc thanh lý hợp đồng.

- Hợp đồng này có hiệu lực và được lập thành 04 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản làm căn cứ thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Lê Tuấn



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC

Hoàng Văn Mạnh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01

(Kèm theo hợp đồng số: 1402.2022/HĐVCCT-LEG)

- Căn cứ Hợp đồng (Số: 1402.2022/HĐVCCT-LEG) ký giữa Công ty cổ phần môi trường Công Nghiệp Hà Nội 10 với Công ty cổ phần sản xuất thương mại Legroup.

- Hai bên thống nhất ký phụ lục hợp đồng số 01 như sau:

1. Nội dung phụ lục hợp đồng.

- Bảng kê đơn giá vận chuyển và xử lý chất thải (chưa bao gồm VAT) như sau:

STT	Loại chất thải	ĐVT	Đơn giá (Vnd/Đvt)	Ghi chú
1	Chất thải công nghiệp, sinh hoạt thông thường	M ³	298.000	Xử lý theo quy định
2	Bột sắt từ quá trình đánh bóng kim loại	Kg	1.000	

2. Bản phụ lục Hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải số: 1402.2022/HĐVCCT-LEG và được hai bên công nhận ./.

3. Phụ lục Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị Pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Lê Tuấn

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Mạnh



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

CHUYỂN GIAO TRÁCH NHIỆM VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 0016.2024/HĐXL-MTX

- Căn cứ Bộ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội khóa XIII nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số: 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022;

- Căn cứ vào nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Căn cứ vào thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ tài nguyên môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Căn cứ giấy phép hành nghề Xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3.009VX của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho công ty TNHH môi trường Công nghiệp Xanh lần thứ 2 ngày 10/9/2021;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của các bên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 02 năm 2024 tại Văn phòng, Chúng tôi gồm có.

1. CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LEGROUP (BÊN A)

Đại diện : Ông **Lê Tuấn** Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ : Liên-kê 2618, Khu đô thị TMS, Phường Hùng Vương, Thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
Điện thoại : (844)-38182522 Fax: (844)-38182511
Mã số thuế : 2500234708

2. CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP XANH (BÊN B)

Đại diện : Ông **Đỗ Viết Bình** Chức vụ: Giám đốc.
Địa chỉ : Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.
Điện thoại : 0211 3869 994
Mã số thuế : 0102169887
Số tài khoản : 114000026975 Tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
– Chi nhánh Nam Thăng Long

Hai bên cùng thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng lưu giữ và xử lý chất thải như sau:

Điều 1: Bên A và bên B thực hiện các công việc sau:

Bên B Tiếp nhận, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại của Bên A, theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam về môi trường.

Điều 2: Danh mục chất thải, địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển:

2.1 Danh mục chất thải:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Nguồn gốc xuất xứ	Phương pháp xử lý	Ghi chú
1	Bùn thải từ quá trình sử lý nước thải	12 06 05	Phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của Công ty	Xử lý theo quy định của giấy phép hành nghề xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3.009VX Cấp ngày 10/9/2021	
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06			
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	18 02 01			
4	Bao bì thải bằng kim loại	18 01 02			
5	Bao bì thải bằng nhựa	18 01 03			
6	Hộp mực in thải	08 02 04			

- Đơn giá được thể hiện trên phụ lục hợp đồng đính kèm. Đơn giá sẽ được thay đổi theo sự biến động giá cả trên thị trường thông qua sự đàm phán nhất trí của hai bên bằng văn bản.

2.2. Địa điểm giao nhận chất thải:

- Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho lưu giữ chất thải của Bên A.
- Bên A thông báo lịch giao chất thải cho Bên B trước 2 ngày để thu xếp phương tiện.

2.3. Địa điểm xử lý chất thải: Tại trung tâm tái chế phế thải và xử lý chất thải của Công ty TNHH môi trường Công Nghiệp Xanh. (địa chỉ: Thôn Thanh Cao, xã Ngọc Thanh, TP Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.)

Điều 3: Phương thức thanh toán:

3.1 Sau mỗi đợt giao nhận hàng, hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập biên bản bàn giao nhận chất thải cho từng chuyến, lập bảng tổng hợp khối lượng cho từng đợt làm cơ sở quyết toán.

3.2 Phương thức thanh toán: Ngày 27 đến 30 hàng tháng bên A sẽ thanh toán cho bên B toàn bộ số tiền của tháng liền kề trước đó khi bên A nhận được hóa đơn tài chính của bên B và chứng từ liên quan.

- Việc thanh toán sẽ được thực hiện bằng đồng Việt Nam, trên cơ sở khối lượng thực tế theo biên bản nghiệm thu giữa hai bên.

Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên

4.1 Trách nhiệm và quyền hạn của bên A.

- Chịu trách nhiệm sắp xếp kho lưu giữ, đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau, ghi rõ tên, loại chất thải trên bao bì thu chứa. Trong trường hợp có sự thay đổi thành phần về chất thải Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

- Chất thải công nghiệp và nguy hại phải được kiểm soát theo Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường

- Cung cấp chủ nguồn thải cho Bên B.

- Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình xử lý chất thải của mình, việc giám sát, kiểm tra này không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

- Bàn giao Chứng từ chất thải nguy hại cho Bên B khi Bên B nhận chuyển giao chất thải từ Bên A.

4.2- Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B.

- Chịu trách nhiệm xử lý chất thải theo đúng các quy định của Việt Nam về bảo vệ môi trường hiện hành.

- Cung cấp cho bên A đầy đủ các loại giấy tờ hành nghề vận chuyển, xử lý và tiêu hủy chất thải nguy hại.

- Đảm bảo vận chuyển lưu giữ và xử lý chất thải đúng địa điểm và theo đúng quy định của Bộ tài nguyên và môi trường và chịu trách nhiệm các vấn đề về pháp lý liên quan đến chất thải nguy hại sau khi ra khỏi nhà máy của Bên A

- Bên B bố trí công nhân bốc chất thải lên phương tiện vận chuyển.

- Đảm bảo 100% số lượng, khối lượng chất thải vận chuyển từ Bên A về Bên B không phát tán và xử lý an toàn.

- Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải giao nhận để làm cơ sở nghiệm thu thanh toán.

- Xuất hóa đơn tài chính cho Bên A vào ngày cuối cùng của tháng theo hợp đồng.

- Thông tin đầy đủ cho Bên A về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

- Bên A hoàn thiện Chứng từ chất thải nguy hại sau khi xử lý xong và trả lại cho Bên A kèm theo biên bản hoàn thành xử lý trong thời hạn không quá 1 tháng kể từ ngày nhận chất thải.

- Bên B có thể nghiên cứu áp dụng các phương án xử lý khác hoặc tái chế trên cơ sở tuân thủ các quy định về môi trường.

Điều 5: Bảo mật thông tin:

5.1 Bên A và Bên B không được phép tiết lộ bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào liên quan đến hợp đồng này cho bên thứ ba bất kỳ, khi chưa được sự đồng thuận bằng văn bản của bên còn lại.

5.2 Hai bên cam kết không lợi dụng công việc của mình để khai thác hoặc tiết lộ các thông tin của nhau.

5.3 Công nhân của bên B không được phép tự ý vào các khu vực riêng hoặc bị cấm trong khu vực của bên A khi chưa được sự cho phép của bên A.

Điều 6: Các điều khoản chung:

6.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng này, trong khi thực hiện có vấn đề gì vướng mắc hai bên phải chủ động gặp nhau để giải quyết trên tinh thần thương lượng và hợp tác, không làm tổn hại đến lợi ích của mỗi bên.

6.2 Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực không được tự ý chấm dứt hợp đồng. Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng phải thông báo bằng văn bản trước cho bên kia 30 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng.

6.3 Mọi sửa đổi bổ sung của hợp đồng phải được lập thành văn bản kèm theo hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền của cả hai bên.

6.4 Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này nếu không được các bên thương lượng và hoà giải được với nhau sẽ được giải quyết tại toà án tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 7: Hiệu lực của hợp đồng:

7.1 Hợp đồng này có hiệu lực hai năm kể từ ngày ký.

7.2 Sau khi kết thúc giá trị hợp đồng mà hai bên không có thông báo thay đổi nội dung hoặc chấm dứt hợp đồng thì Hợp đồng sẽ mặc nhiên được gia hạn thêm cho đến khi hai bên ký văn bản chấm dứt hoặc thanh lý hợp đồng.

7.3 Hợp đồng được lập thành 4(bốn) bản bằng tiếng Việt Nam, mỗi bên giữ 2 (hai) bản cùng có giá trị như nhau về mặt pháp lý và là cơ sở để hai bên nghiệm thu thanh toán Hợp đồng.

7.4 Hợp đồng này chỉ có giá trị đối với hai Bên (A và B), không có hiệu lực với bất cứ bên thứ ba nào khác.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Lê Xuân

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Đỗ Việt Bình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01

Kèm theo hợp đồng (Số: 0016.2024/HĐXL-MTX)

- Căn cứ Hợp đồng (Số:0016.2024/HĐXL-MTX) ký giữa Công ty TNHH môi trường Công Nghiệp Xanh với Công ty cổ phần sản xuất thương mại LeGroup.

Hôm nay ngày 16 tháng 02 năm 2024. Hai bên thống nhất ký phụ lục hợp đồng số 01 như sau:

1. Nội dung phụ lục hợp đồng.

- Bảng kê xử lý chất thải nguy hại với khối lượng được đăng ký trên sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại của công ty cụ thể như sau:

STT	Loại chất thải	ĐVT	Mã CTNH	Đơn giá (Vnd/đvt)	Ghi chú
1	Bùn thải từ quá trình sử lý nước thải	Kg	12 06 05	8.000	
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Kg	16 01 06	12.000	
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	Kg	18 02 01	10.000	
4	Bao bì thải bằng kim loại	Kg	18 01 02	6.000	
5	Bao bì thải bằng nhựa	Kg	18 01 03	6.000	
6	Hộp mực in thải	Kg	08 02 04	6.000	

(Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT)

2. Bản phụ lục Hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số: 0016.2024/HĐXL-MTX) và được hai bên công nhận ./.

3. Phụ lục Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị Pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Lê Tuấn

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Bình

TỈNH PHÚ THỌ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 4780./2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ.

Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
ĐT: 0211.2219010
ĐT: 0211.221.9010/2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:
Địa chỉ văn phòng:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):

Mã số QLCTNH:
ĐT:
ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần sản xuất thương mại Legroup
Địa chỉ văn phòng: Liên kè 2618, khu đô thị TMS, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.
Địa chỉ cơ sở: Lô 15, KCN Quang Minh, Xã Quang Minh, TP. Hà Nội.

Mã số QLCTNH: 01.001296.T
ĐT: 024 38182522
ĐT: 024 38182522

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			✓	12 06 05	143.0	TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	0.0	Nghiền nhỏ, PT, HR
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	✓			18 02 01	824.0	TĐ
4	Bao bì thải bằng kim loại	✓			18 01 02	45.0	Súc rửa, TĐ
5	Bao bì thải bằng nhựa	✓			18 01 03	0.0	Súc rửa, TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-31699

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 1 / Đơn vị vận chuyển: Sân Văn Hiền. Ký: Huân. Ngày 27/11/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã tổng nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Phú Thọ, ngày 27 tháng 11 năm 2025

Chức danh người ký

(chữ ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Lê Xuân

8. Chủ CS DV XL (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Phú Thọ, ngày tháng năm 2025

Chức danh người ký

(chữ ký, đóng dấu)

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ.

Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX

ĐT: 0211.2219010

ĐT: 0211.221.9010/2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần sản xuất thương mại Legroup

Mã số QLCTNH: 01.001296.T

Địa chỉ văn phòng: Liền kề 2618, khu đô thị TMS, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

ĐT: 024 38182522

Địa chỉ cơ sở: Lô 15, KCN Quang Minh, Xã Quang Minh, TP. Hà Nội.

ĐT: 024 38182522

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			✓	12 06 05	947.0	TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	5.0	Nghiền nhỏ, PT, HR
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	✓			18 02 01	1,262.0	TĐ
4	Bao bì thải bằng kim loại	✓			18 01 02	82.0	Súc rửa, TĐ
5	Bao bì thải bằng nhựa	✓			18 01 03	10.0	Súc rửa, TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-00742

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 1 / Đơn vị vận chuyển: Bu Văn Hòa..... Ký: ... Ngày 17/11/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 2:..... Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Phú Thọ, ngày 17 tháng 11 năm 2025

Chức danh người ký

(chữ ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Lô Tuấn

8. Chủ CS DV XL (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục

4

Phú Thọ, ngày tháng năm 2025

Chức danh người ký

(chữ ký, đóng dấu)

TỈNH PHÚ THỌ				CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: <u>4363</u> ./2025/1-2-3.009.VX			
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ.				Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX ĐT: 0211.2219010 ĐT: 0211.221.9010/2479880			
2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):				Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:			
3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần sản xuất thương mại Legroup Địa chỉ văn phòng: Liên kê 2618, khu đô thị TMS, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở: Lô 15, KCN Quang Minh, Xã Quang Minh, TP. Hà Nội.				Mã số QLCTNH: 01.001296.T ĐT: 024 38182522 ĐT: 024 38182522			
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			✓	12 06 05	714.0	TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	5.0	Nghiên nhỏ, PT, HR
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	✓			18 02 01	1,362.0	TĐ
4	Bao bì thải bằng kim loại	✓			18 01 02	143.0	Súc rửa, TĐ
5	Bao bì thải bằng nhựa	✓			18 01 03	0.0	Súc rửa, TĐ
6	Hộp mực in thải	✓			08 02 04	0.0	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: <u>292-3257</u> .							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 1 / Đơn vị vận chuyển: <u>Đường Văn Đường</u> Ký: <u>Đường</u> Ngày 03/11/2025							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 2:..... Ký:.....Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Phú Thọ, ngày 03 tháng 11 năm 2025 Chức danh người ký (chữ ký, đóng dấu)  GIÁM ĐỐC <u>Lê Phước</u>				8. Chủ CS DV XL (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Phú Thọ, ngày tháng năm 2025 Chức danh người ký (chữ ký, đóng dấu)			
"Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							

TỈNH PHÚ THỌ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 3393../2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh

Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

ĐT: 0211.2219010

Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ.

ĐT: 0211.221.9010/2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần sản xuất thương mại Legroup

Mã số QLCTNH: 01.001296.T

Địa chỉ văn phòng: Liên kề 2618, khu đô thị TMS, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

ĐT: 024 38182522

Địa chỉ cơ sở: Lô 15, KCN Quang Minh, Xã Quang Minh, TP. Hà Nội.

ĐT: 024 38182522

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			✓	12 06 05	162.0	TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	2.0	Nghiền nhỏ, PT, HR
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	✓			18 02 01	344.0	TĐ
4	Bao bì thải bằng kim loại	✓			18 01 02	2.0	Súc rửa, TĐ
5	Bao bì thải bằng nhựa	✓			18 01 03	0.0	Súc rửa, TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88C-15627

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 1 / Đơn vị vận chuyển: Ký: Ngày 29/08/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 2:..... Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Phú Thọ, ngày 29 tháng 08 năm 2025

Chức danh người ký

(chữ ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Lê Xuân

8. Chủ CS DV XL (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Phú Thọ, ngày tháng năm 2025

Chức danh người ký

(chữ ký, đóng dấu)

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH PHÚ THỌ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 3266./2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh
 Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.
 Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ.
 Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
 ĐT: 0211.2219010
 ĐT: 0211.221.9010/2479880
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:
 Địa chỉ văn phòng:
 Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):
 Mã số QLCTNH:
 ĐT:
 ĐT:
3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần sản xuất thương mại Legroup
 Địa chỉ văn phòng: Liên kê 2618, khu đô thị TMS, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.
 Địa chỉ cơ sở: Lô 15, KCN Quang Minh, Xã Quang Minh, TP. Hà Nội.
 Mã số QLCTNH: 01.001296.T
 ĐT: 024 38182522
 ĐT: 024 38182522
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			✓	12 06 05	529.0	TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	0.0	Nghiền nhỏ, PT, HR
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	✓			18 02 01	795.0	TĐ
4	Bao bì thải bằng kim loại	✓			18 01 02	7.0	Súc rửa, TĐ
5	Bao bì thải bằng nhựa	✓			18 01 03	10.0	Súc rửa, TĐ
6	Hộp mực in thải	✓			08 02 04	2.0	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
 Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88C-15627

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 1 / Đơn vị vận chuyển: Ký: Ngày 20/08/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Phú Thọ, ngày 20 tháng 08 năm 2025

Chức danh người ký

(chữ ký, đóng dấu)


GIÁM ĐỐC
 Lê Xuân

8. Chủ CS DV XL (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Phú Thọ, ngày tháng năm 2025

Chức danh người ký

(chữ ký, đóng dấu)

TỈNH PHÚ THỌ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 2933.../2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ.

Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
ĐT: 0211.2219010
ĐT: 0211.221.9010/2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:
Địa chỉ văn phòng:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):

Mã số QLCTNH:
ĐT:
ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần sản xuất thương mại Legroup
Địa chỉ văn phòng: Liền kề 2618, khu đô thị TMS, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.
Địa chỉ cơ sở: Lô 15, KCN Quang Minh, Xã Quang Minh, TP. Hà Nội.

Mã số QLCTNH: 01.001296.T
ĐT: 024 38182522
ĐT: 024 38182522

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			✓	12 06 05	234.0	TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	3.0	Nghiên nhỏ, PT, HR
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	✓			18 02 01	532.0	TĐ
4	Bao bì thải bằng kim loại	✓			18 01 02	5.0	Súc rửa, TĐ
5	Bao bì thải bằng nhựa	✓			18 01 03	5.0	Súc rửa, TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88C-15627

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 1 / Đơn vị vận chuyển: Trần Thị Thu Trang Ký: MT Ngày 29/07/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Phú Thọ, ngày 29 tháng 07 năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)


GIAM ĐỐC;
Lê Tuấn

8. Chủ CS DV XL (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Phú Thọ, ngày tháng năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

@ Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☒ - 4 ☐

TỈNH PHÚ THỌ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 2725.../2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh

Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

ĐT: 0211.2219010

Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ.

ĐT: 0211.221.9010/2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần sản xuất thương mại Legroup

Mã số QLCTNH: 01.001296.T

Địa chỉ văn phòng: Liền kề 2618, khu đô thị TMS, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

ĐT: 024 38182522

Địa chỉ cơ sở: Lô 15, KCN Quang Minh, Xã Quang Minh, TP. Hà Nội.

ĐT: 024 38182522

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			✓	12 06 05	310.0	TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	0.0	Nghiền nhỏ, PT, HR
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	✓			18 02 01	576.0	TĐ
4	Bao bì thải bằng kim loại	✓			18 01 02	3.0	Súc rửa, TĐ
5	Bao bì thải bằng nhựa	✓			18 01 03	0.0	Súc rửa, TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88C-15627

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 1 / Đơn vị vận chuyển: ĐƠN VỊ NHẬN Ký: Ngày 14/07/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Phú Thọ, ngày 14 tháng 7 năm 2025



GIÁM ĐỐC:
Lê Tuấn

8. Chủ CS DV XL (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Phú Thọ, ngày tháng năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
ĐT: 0211.2219010
ĐT: 0211.221.9010/2479880
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:
Địa chỉ văn phòng:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):
Mã số QLCTNH:
ĐT:
ĐT:
3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần sản xuất thương mại Legroup
Địa chỉ văn phòng: Liền kề 2618, khu đô thị TMS, P. Hùng Vương, TP. Phúc Yên, T. Vĩnh Phúc.
Địa chỉ cơ sở: Lô 15, KCN Quang Minh, TT Chi Đông, H. Mê Linh, TP. Hà Nội.
Mã số QLCTNH: 01.001296.T
ĐT: 024 38182522
ĐT: 024 38182522
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			✓	12 06 05	425.0	TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	1.0	Nghiền nhỏ, PT, HR
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	✓			18 02 01	685.0	TĐ
4	Bao bì thải bằng kim loại	✓			18 01 02	5.0	Súc rửa, TĐ
4	Bao bì thải bằng nhựa	✓			18 01 03	0.0	Súc rửa, TC

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88H-04916

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 / Đơn vị vận chuyển: Đoàn Thị Thu Hương Ký: ĐT Ngày 27/06/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Vĩnh Phúc, ngày 27 tháng 06 năm 2025

Chức danh người ký

(chữ ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Lê Tuấn

8. Chủ CS DV XL (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2025

Chức danh người ký

(chữ ký, đóng dấu)

TỈNH VINH PHÚC				CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI			
				Số:/2025/1-2-3.009.VX			
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh				Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX			
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc				ĐT: 0211.2219010			
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc				ĐT: 0211.221.9010/2479880			
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:				Mã số QLCTNH:			
Địa chỉ văn phòng:				ĐT:			
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):				ĐT:			
3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần sản xuất thương mại Legroup				Mã số QLCTNH: 01.001296.T			
Địa chỉ văn phòng: Liền kề 2618, khu đô thị TMS, P. Hùng Vương, TP. Phúc Yên, T. Vĩnh Phúc.				ĐT: 024 38182522			
Địa chỉ cơ sở: Lô 15, KCN Quang Minh, TT Chi Đông, H. Mê Linh, TP. Hà Nội.				ĐT: 024 38182522			
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			✓	12 06 05	492.0	TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	0.0	Nghiên nhỏ, PT, HR
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	✓			18 02 01	698.0	TĐ
4	Bao bì thải bằng kim loại	✓			18 01 02	15.0	Súc rửa, TĐ
5	Bao bì thải bằng nhựa	✓			18 01 03	3.0	Súc rửa, TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập: Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 8811-04916							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 1 / Đơn vị vận chuyển: <u>Nhan Thị Thu Hằng</u> Ký: <u>ba</u> Ngày 13/06/2025							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 2: Ký: Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ CS DV XL (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Vinh Phúc, ngày 13 tháng 06 năm 2025 Chức danh người ký (chữ ký, đóng dấu)  GIÁM ĐỐC <u>Lê Tuấn</u>				Vinh Phúc, ngày tháng năm 2025 Chức danh người ký (chữ ký, đóng dấu)			
"Liên số: 1□ - 2□ - 3 ✓ - 4□							

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
ĐT: 0211.2219010
ĐT: 0211.221.9010/2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:
Địa chỉ văn phòng:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):

Mã số QLCTNH:
ĐT:
ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần sản xuất thương mại Legroup
Địa chỉ văn phòng: Liền kề 2618, khu đô thị TMS, P. Hùng Vương, TP. Phúc Yên, T. Vĩnh Phúc.
Địa chỉ cơ sở: Lô 15, KCN Quang Minh, TT Chi Đông, H. Mê Linh, TP. Hà Nội.

Mã số QLCTNH: 01.001296.T
ĐT: 024 38182522
ĐT: 024 38182522

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			✓	12 06 05	476.0	TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	0.0	Nghiền nhỏ, PT, HR
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	✓			18 02 01	741.0	TĐ
4	Bao bì thải bằng kim loại	✓			18 01 02	12.0	Súc rửa, TĐ
4	Bao bì thải bằng nhựa	✓			18 01 03	0.0	Súc rửa, TC

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88C-15627

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 1 / Đơn vị vận chuyển: Quản lý kho Ngày 28/05/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Vĩnh Phúc, ngày 28 tháng 05 năm 2025
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC 1
Lê Tuấn

8. Chủ CS DV XL (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2025
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai I, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
ĐT: 0211.2219010
ĐT: 0211.221.9010/2479880
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:
Địa chỉ văn phòng:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):
Mã số QLCTNH:
ĐT:
ĐT:
3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần sản xuất thương mại Legroup
Địa chỉ văn phòng: Liên kê 2618, khu đô thị TMS, P. Hùng Vương, TP. Phúc Yên, T. Vĩnh Phúc.
Địa chỉ cơ sở: Lô 15, KCN Quang Minh, TT Chi Đông, H. Mê Linh, TP. Hà Nội.
Mã số QLCTNH: 01.001296.T
ĐT: 024 38182522
ĐT: 024 38182522

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			✓	12 06 05	342.0	TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	0.0	Nghiên nhỏ, PT, HR
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	✓			18 02 01	625.0	TĐ
4	Bao bì thải bằng kim loại	✓			18 01 02	10.0	Súc rửa, TĐ
5	Bao bì thải bằng nhựa	✓			18 01 03	0.0	Súc rửa, TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 8811-02923

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 1 / Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Thị Thu Trang Ngày 14/05/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Vinh Phúc, ngày 14 tháng 05 năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)


GIÁM ĐỐC
Lê Xuân

8. Chủ CS DV XL (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Vinh Phúc, ngày tháng năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

TỈNH VINH PHÚC				CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI			
				Số:/2024/1-2-3.009.VX			
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh				Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX			
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc				ĐT: 0211.2219010			
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc				ĐT: 0211.221.9010/2479880			
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:				Mã số QLCTNH:			
Địa chỉ văn phòng:				ĐT:			
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):				ĐT:			
3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần sản xuất thương mại Legroup				Mã số QLCTNH: 01.001296.T			
Địa chỉ văn phòng: Liên kề 2618, khu đô thị TMS, P. Hùng Vương, TP. Phúc Yên, T. Vĩnh Phúc.				ĐT: 024 38182522			
Địa chỉ cơ sở: Lô 15, KCN Quang Minh, TT Chi Đông, H. Mê Linh, TP. Hà Nội.				ĐT: 024 38182522			
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			✓	12 06 05	397.0	TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	0.0	Nghiền nhỏ, PT, HR
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	✓			18 02 01	677.0	TĐ
4	Bao bì thải bằng kim loại	✓			18 01 02	8.0	Súc rửa, TĐ
4	Bao bì thải bằng nhựa	✓			18 01 03	6.0	Súc rửa, TC
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập: Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88C-11992							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 1 / Đơn vị vận chuyển: <u>Quản lý Môi trường Ký: ...</u> Ngày 28/04/2025							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 2: Ký: Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ CS DV XL (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Vĩnh Phúc, ngày 28 tháng 04 năm 2025 Chức danh người ký (chữ ký, đóng dấu)  GIÁM ĐỐC <u>Lê Xuân</u>				Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2025 Chức danh người ký (chữ ký, đóng dấu)			
Liên số: 1□ - 2□ - 3✓ - 4□							

TỈNH VINH PHÚC				CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI			
				Số:/2025/1-2-3.009.VX			
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh				Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX			
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc				ĐT: 0211.2219010			
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc				ĐT: 0211.221.9010/2479880			
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:				Mã số QLCTNH:			
Địa chỉ văn phòng:				ĐT:			
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):				ĐT:			
3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần sản xuất thương mại Legroup				Mã số QLCTNH: 01.001296.T			
Địa chỉ văn phòng: Liền kề 2618, khu đô thị TMS, P. Hùng Vương, TP. Phúc Yên, T. Vĩnh Phúc.				ĐT: 024 38182522			
Địa chỉ cơ sở: Lô 15, KCN Quang Minh, TT Chi Đông, H. Mê Linh, TP. Hà Nội.				ĐT: 024 38182522			
4. Khai khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			✓	12 06 05	469.0	TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	0.0	Nghiền nhỏ, PT, HR
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	✓			18 02 01	790.0	TĐ
4	Bao bì thải bằng kim loại	✓			18 01 02	5.0	Súc rửa, TĐ
5	Bao bì thải bằng nhựa	✓			18 01 03	4.0	Súc rửa, TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88C-15627							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 1 / Đơn vị vận chuyển: <u>Trần Phú Thu Trang</u> Ký: <u>.....</u> Ngày 16/04/2025							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 2:..... Ký:.....Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ CS DV XL (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Vinh Phúc, ngày 16 tháng 04 năm 2025 Chức danh người ký (chữ ký, đóng dấu)  GIAM ĐỐC <u>Lê Xuân</u>				Vinh Phúc, ngày tháng năm 2025 Chức danh người ký (chữ ký, đóng dấu)			
④ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh
 Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
 Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
 Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
 ĐT: 0211.2219010
 ĐT: 0211.221.9010/2479880
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:
 Địa chỉ văn phòng:
 Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):
 Mã số QLCTNH:
 ĐT:
 ĐT:
3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần sản xuất thương mại Legroup
 Địa chỉ văn phòng: Liền kề 2618, khu đô thị TMS, P. Hùng Vương, TP. Phúc Yên, T. Vĩnh Phúc.
 Địa chỉ cơ sở: Lô 15, KCN Quang Minh, TT Chi Đông, H. Mê Linh, TP. Hà Nội.
 Mã số QLCTNH: 01.001296.T
 ĐT: 024 38182522
 ĐT: 024 38182522
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			✓	12 06 05	355.0	TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	1.0	Nghiên nhỏ, PT, HR
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	✓			18 02 01	705.0	TĐ
4	Bao bì thải bằng kim loại	✓			18 01 02	3.0	Súc rửa, TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập
 Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88H-02923

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 1 / Đơn vị vận chuyển: Đoàn Thị Thu Hương Ký: Ngày 13/03/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Vĩnh Phúc, ngày 13 tháng 03 năm 2025

Chức danh người ký
 (chữ ký, đóng dấu)
 CÔNG PHÂN
 SẢN XUẤT
 THƯƠNG MẠI
 LEGROUP
 TỈNH VINH PHÚC
 GIÁM ĐỐC
Lê Xuân

8. Chủ CS DV XL (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2025

Chức danh người ký
 (chữ ký, đóng dấu)

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
ĐT: 0211.2219010
ĐT: 0211.221.9010/2479880
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:
Địa chỉ văn phòng:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):

Mã số QLCTNH:
ĐT:
ĐT:
3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần sản xuất thương mại Legroup
Địa chỉ văn phòng: Liền kề 2618, khu đô thị TMS, P. Hùng Vương, TP. Phúc Yên, T. Vĩnh Phúc.
Địa chỉ cơ sở: Lô 15, KCN Quang Minh, TT Chi Đông, H. Mê Linh, TP. Hà Nội.

Mã số QLCTNH: 01.001296.T
ĐT: 024 38182522
ĐT: 024 38182522
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			✓	12 06 05	302.0	TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	0.0	Nghiền nhỏ, PT, HR
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	✓			18 02 01	655.0	TĐ
4	Bao bì thải bằng kim loại	✓			18 01 02	2.0	Súc rửa, TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88C-11992
- 7.1. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 1 / Đơn vị vận chuyển: Đơn vị Thu mua Ký: Ngày 26/03/2025
- 7.2. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Vĩnh Phúc, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Lê Tuấn
8. Chủ CS DV XL (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh
 Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
 Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
 Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
 ĐT: 0211.2219010
 ĐT: 0211.221.9010/2479880
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:
 Địa chỉ văn phòng:
 Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):
 Mã số QLCTNH:
 ĐT:
 ĐT:
3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần sản xuất thương mại Legroup
 Địa chỉ văn phòng: Liền kề 2618, khu đô thị TMS, P. Hùng Vương, TP. Phúc Yên, T. Vĩnh Phúc.
 Địa chỉ cơ sở: Lô 15, KCN Quang Minh, TT Chi Đông, H. Mê Linh, TP. Hà Nội.
 Mã số QLCTNH: 01.001296.T
 ĐT: 024 38182522
 ĐT: 024 38182522
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			✓	12 06 05	324.0	TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	0.0	Nghiên nhỏ, PT, HR
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	✓			18 02 01	643.0	TĐ
4	Bao bì thải bằng kim loại	✓			18 01 02	3.0	Súc rửa, TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
 Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88C-04991

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 1 / Đơn vị vận chuyển: Trần Thị Thu Hương Ký: Ngày 14/02/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Vĩnh Phúc, ngày 14 tháng 02 năm 2025

Chức danh người ký



GIÁM ĐỐC

Lê Tuấn

8. Chủ CS DV XL (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2025

Chức danh người ký

(chữ ký, đóng dấu)

TỈNH VINH PHÚC				CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số:/2024/1-2-3.009.VX			
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc				Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX ĐT: 0211.2219010 ĐT: 0211.221.9010/2479880			
2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):				Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:			
3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần sản xuất thương mại Legroup Địa chỉ văn phòng: Liền kề 2618, khu đô thị TMS, P. Hùng Vương, TP. Phúc Yên, T. Vĩnh Phúc. Địa chỉ cơ sở: Lô 15, KCN Quang Minh, TT Chi Đông, H. Mê Linh, TP. Hà Nội.				Mã số QLCTNH: 01.001296.T ĐT: 024 38182522 ĐT: 024 38182522			
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			✓	12 06 05	389.0	TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	1.0	Nghiên nhỏ, PT, HR
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	✓			18 02 01	695.0	TĐ
4	Bao bì thải bằng kim loại	✓			18 01 02	5.0	Súc rửa, TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập: Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88C-11992							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 1 / Đơn vị vận chuyển: <u>Trần Thị Thu Trang</u> Ký: Ngày 26/02/2025							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 2: Ký: Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Vĩnh Phúc, ngày 26 tháng 02 năm 2025 Chức danh người ký (chữ ký, đóng dấu)  GIÁM ĐỐC <u>Lê Xuân</u>				8. Chủ CS DV XL (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2025 Chức danh người ký (chữ ký, đóng dấu)			
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							

TỈNH VINH PHÚC		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số:/2024/1-2-3.009.VX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh		Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX					
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc		ĐT: 0211.2219010					
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc		ĐT: 0211.221.9010/2479880					
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần sản xuất thương mại Legroup		Mã số QLCTNH: 01.001296.T					
Địa chỉ văn phòng: Liền kề 2618, khu đô thị TMS, P. Hùng Vương, TP. Phúc Yên, T. Vĩnh Phúc.		ĐT: 024 38182522					
Địa chỉ cơ sở: Lô 15, KCN Quang Minh, TT Chi Đông, H. Mê Linh, TP. Hà Nội.		ĐT: 024 38182522					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			✓	12 06 05	459.0	TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	0.0	Nghiền nhỏ, PT, HR
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	✓			18 02 01	458.0	TĐ
4	Bao bì thải bằng kim loại	✓			18 01 02	3.0	Súc rửa, TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập: Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88C-04991							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 1 / Đơn vị vận chuyển: <u>Trần Thị Thu Trang</u> Ký: Ngày 23/01/2025							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 2: Ký: Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ CS DV XL (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Vĩnh Phúc, ngày 23 tháng 01 năm 2025 Chức danh người ký (chữ ký, đóng dấu)  GIÁM ĐỐC <u>Lê Xuân</u>				Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2025 Chức danh người ký (chữ ký, đóng dấu)			
@ Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☒ - 4 ☐							

TỈNH VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số:/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
ĐT: 0211.2219010
ĐT: 0211.221.9010/2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:
Địa chỉ văn phòng:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):

Mã số QLCTNH:
ĐT:
ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần sản xuất thương mại Legroup
Địa chỉ văn phòng: Liền kề 2618, khu đô thị TMS, P. Hùng Vương, TP. Phúc Yên, T. Vĩnh Phúc.
Địa chỉ cơ sở: Lô 15, KCN Quang Minh, TT Chi Đông, H. Mê Linh, TP. Hà Nội.

Mã số QLCTNH: 01.001296.T
ĐT: 024 38182522
ĐT: 024 38182522

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			✓	12 06 05	567.0	TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	2.0	Nghiền nhỏ, PT, HR
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	✓			18 02 01	892.0	TĐ
4	Bao bì thải bằng kim loại	✓			18 01 02	15.0	Súc rửa, TĐ
5	Bao bì thải bằng nhựa	✓			18 01 03	12.0	Súc rửa, TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88C-04991

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 1 / Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Thị Thu Trang Ký: Ngày 13/01/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CSDVXL CTNH 2:..... Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Vĩnh Phúc, ngày 13 tháng 01 năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)



GIAM ĐỐC
Lê Xuân

8. Chủ CS DV XL (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TID

Số (No.): 4661

Ngày (Date) 18 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): Công ty cổ phần sản xuất thương mại LEGROUP

Mã số thuế (Tax code): 2500234708

Địa chỉ (Address): Liên kè 2618, Khu đô thị TMS, phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, services)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa VAT (Amount not included VAT)	Thuế suất GTGT (VAT Rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8 = 6 x 7)	(9 = 6 + 8)
1	Nước sử dụng kỳ tháng 02/2025	M3	3.661	16.000	58.576.000	5%	2.928.800	61.504.800
2	Thuê bao đồng hồ đo lưu lượng nước kỳ tháng 02/2025	CÁI	2	100.000	200.000	8%	16.000	216.000
Tổng cộng (Total):					58.776.000		2.944.800	61.720.800

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa chịu thuế suất	5%	58.576.000	2.928.800	61.504.800
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	200.000	16.000	216.000
Tổng cộng tiền thanh toán		58.776.000	2.944.800	61.720.800

Số tiền viết bằng chữ : Sáu mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi nghìn tám trăm đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer, sign and full name)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller, sign and full name)

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG
NGHIỆP IDICO
Ký ngày 18 tháng 02 năm 2025

Trang (page) 1 / 1

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã của cơ quan thuế: 00B31A75799B054FFEA70111EC53A79227

(Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuu.evat.vn>, mã tra cứu: R7H3TO73U9, mã công ty: 3600257771)

(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

ĐẦU TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN

Mã số thuế (Tax code): **3 6 0 0 2 5 7 7 7 1**

Tel: (0251) 3560 475 Fax: (0251) 3560 477 Email: Website:

(VAT INVOICE)

Số (No.): 13736

Ngày (Date) 19 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Tên đơn vị (Company): Công ty cổ phần sản xuất thương mại LEGROUP

Địa chỉ (Address): **Liên kê 2618, Khu đô thị TMS, phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc**

Hình thức thanh toán (*Payment method*): **Chuyển khoản** Số tài khoản (*Account No.*):

Tổng cộng (Total):

TỔNG HỢP

(Summary)

Thuế suất

(VAT Rate)

Tổng chưa thuế GTGT

(Sub total)

Tiền thuế GTGT

(VAT amount)

Giá trị thanh toán	
--------------------	--

(Total)

Hàng hóa chịu thuế suất

5%

97.600.000

4 880 000

102 480 000

Hàng hóa chịu thuế suất

8%

200 000

16 000

216 000

Tổng cộng tiền thanh toán

97.800.000

4 896 000

102 696 000

Số tiền viết bằng chữ : Một trăm lẻ hai triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Buyer, sign and full name)

(Ký, ghi rõ họ tên,

(Seller, sign and full name)

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG
NGHIỆP IDICO
Ký ngày 19 tháng 05 năm 2025

Trang (page) 1 / 1

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã của cơ quan thuế: 00773DC0B2A7D8476787177C5BC47C0410

(Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuu.evaf.vn>, mã tra cứu: **ERJWTZUEIS**, mã công ty: **3600257771**.)

(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

Mã số thuế (Tax code): 3600257771

Địa chỉ (Address): Đường Tôn Đức Thắng, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiển, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02513560475

Fax: 02513560477

Email: ketoan@idico.vn

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TUB

Số (No.): 00000186

Ngày (Date) 18 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Mã QCT (Code): 003C12CD35D3B24178AC79703F1EB5D6E3

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): Công ty cổ phần sản xuất thương mại LEGROUP

Mã số thuế (Tax code): 2500234708

MSĐVCQHVNS (Budgetary unit code):

Địa chỉ (Address): Liên kè 2618, Khu đô thị TMS, phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Căn cước công dân (Citizen identification):

Số hộ chiếu (Passport number):

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (Bank account):

SIT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)	Thuế suất GIGT (VAT rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)
1	Nước sử dụng kỳ tháng 06/2025	m3	5.866,00	16.000,00	93.856.000	5%	4.692.800
2	Thuê bao đồng hồ đo lưu lượng nước kỳ tháng 06/2025	Cái	2,00	100.000,00	200.000	8%	16.000
Tổng hợp (In summary)			Thành tiền trước thuế GIGT (Total before VAT)		Tiền thuế GTGT (VAT amount)		Cộng tiền thanh toán (Total amount)
Không chịu thuế GTGT (VAT exemption):							
Thuế suất 0% (VAT rate 0%):							
Thuế suất 5% (VAT rate 5%):			93.856.000		4.692.800		98.548.800
Thuế suất 8% (VAT rate 8%):			200.000		16.000		216.000
Thuế suất 10% (VAT rate 10%):							
Tổng cộng (Total):			94.056.000		4.708.800		98.764.800
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Chín mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm đồng.							

Người mua hàng (Buyer)
(Chữ ký số (nếu có))
(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)
(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

**Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG
NGHIỆP IDICO**

Ký ngày (Signing Date): 18/06/2025



Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu (Invoice code): **E4H8S9M69KL2**
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)
Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

Mã số thuế (Tax code): 3600257771

Địa chỉ (Address): Đường Tôn Đức Thắng, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại (Tel): 02513560475

Fax: 02513560477

Email: ketoan@idico.vn

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TUB

Số (No.): 00004533

Ngày (Date) 17 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 002DF2BE049D764E7FA3807A5B440F39B6

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Mã số thuế (Tax code): 2500234708

MSĐVCQHVNS (Budgetary unit code):

Tên đơn vị (Company's name): Công ty cổ phần sản xuất thương mại LEGROUP

Địa chỉ (Address): Liên kè 2618, khu đô thị TMS, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Căn cước công dân (Citizen identification):

Số hộ chiếu (Passport number):

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)	Thuế suất GTGT (VAT rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)
1	Nước sử dụng kỳ tháng 07/2025	m3	6.319,00	16.000,00	101.104.000	5%	5.055.200
2	Thuê bao đồng hồ đo lưu lượng nước kỳ tháng 07/2025	Tháng	2,00	100.000,00	200.000	8%	16.000
Tổng hợp (In summary)			Thành tiền trước thuế GTGT (Total before VAT)		Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Cộng tiền thanh toán (Total amount)	
Không chịu thuế GTGT (VAT exemption):							
Thuế suất 0% (VAT rate 0%):							
Thuế suất 5% (VAT rate 5%):			101.104.000		5.055.200	106.159.200	
Thuế suất 8% (VAT rate 8%):			200.000		16.000	216.000	
Thuế suất 10% (VAT rate 10%):							
Tổng cộng (Total):			101.304.000		5.071.200	106.375.200	
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Một trăm linh sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm đồng.							

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

Ký ngày (Signing Date): 17/07/2025

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu (Invoice code): 85H2UEVZ6Q01

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TUB

Số (No.): 00007410

Ngày (Date) 18 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00CAEF5E15CB0244A1A54A608FA7D2FADC

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Mã số thuế (Tax code): 2500234708

MSĐVCQHVNS (Budgetary unit code):

Tên đơn vị (Company's name): Công ty cổ phần sản xuất thương mại LEGROUP

Địa chỉ (Address): Liên kè 2618, khu đô thị TMS, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Căn cước công dân (Citizen identification):

Số hộ chiếu (Passport number):

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)	Thuế suất GTGT (VAT rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)
1	Nước sử dụng kỳ tháng 08/2025	m3	6.976,00	16.000,00	111.616.000	5%	5.580.800
2	Thuê bao đồng hồ đo lưu lượng nước kỳ tháng 08/2025	Cái/tháng	2,00	100.000,00	200.000	8%	16.000
Tổng hợp (In summary)			Thành tiền trước thuế GTGT (Total before VAT)		Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Cộng tiền thanh toán (Total amount)	
Không chịu thuế GTGT (VAT exemption):							
Thuế suất 0% (VAT rate 0%):							
Thuế suất 5% (VAT rate 5%):			111.616.000		5.580.800	117.196.800	
Thuế suất 8% (VAT rate 8%):			200.000		16.000	216.000	
Thuế suất 10% (VAT rate 10%):							
Tổng cộng (Total):			111.816.000		5.596.800	117.412.800	
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Một trăm mười bảy triệu bốn trăm mười hai nghìn tám trăm đồng.							

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

Ký ngày (Signing Date): 18/08/2025



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

Mã số thuế (Tax code): 3600257771

Địa chỉ (Address): Đường Tôn Đức Thắng, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại (Tel): 02513560475

Fax: 02513560477

Email: ketoan@idico.vn

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TUB

Số (No.): 00009945

Ngày (Date) 17 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00AD88E1E5AB1E469DB48B740D98304C1B

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Mã số thuế (Tax code): 2500234708

MSĐVCQHVN (Budgetary unit code):

Tên đơn vị (Company's name): Công ty cổ phần sản xuất thương mại LEGROUP

Địa chỉ (Address): Liên kè 2618, khu đô thị TMS, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Căn cước công dân (Citizen identification):

Số hộ chiếu (Passport number):

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)	Thuế suất GTGT (VAT rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)
1	Nước sử dụng kỳ tháng 09/2025	m3	5.892,00	16.000,00	94.272.000	5%	4.713.600
2	Thuê bao đồng hồ đo lưu lượng nước kỳ tháng 09/2025	Cái	2,00	100.000,00	200.000	8%	16.000
Tổng hợp (In summary)			Thành tiền trước thuế GTGT (Total before VAT)		Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Cộng tiền thanh toán (Total amount)	
Không chịu thuế GTGT (VAT exemption):							
Thuế suất 0% (VAT rate 0%):							
Thuế suất 5% (VAT rate 5%):			94.272.000		4.713.600	98.985.600	
Thuế suất 8% (VAT rate 8%):			200.000		16.000	216.000	
Thuế suất 10% (VAT rate 10%):							
Tổng cộng (Total):			94.472.000		4.729.600	99.201.600	
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Chín mươi chín triệu hai trăm linh một nghìn sáu trăm đồng.							

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

Ký ngày (Signing Date): 17/09/2025

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu (Invoice code): 1PHRTM_DNLAX

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TUB

Số (No.): 00012180

Ngày (Date) 17 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 002D5FEC1C5C90465A8E2C0C6BD913DCB0

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Mã số thuế (Tax code): 2500234708

MSĐVCQHVNS (Budgetary unit code):

Tên đơn vị (Company's name): Công ty cổ phần sản xuất thương mại LEGROUP

Địa chỉ (Address): Liên kè 2618, khu đô thị TMS, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Căn cước công dân (Citizen identification):

Số hộ chiếu (Passport number):

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)	Thuế suất GTGT (VAT rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)
1	Nước sử dụng kỳ tháng 10/2025	m3	7.114,00	16.000,00	113.824.000	5%	5.691.200
2	Thuê bao đồng hồ đo lưu lượng nước kỳ tháng 10/2025	Cái	2,00	100.000,00	200.000	8%	16.000
Tổng hợp (In summary)		Thành tiền trước thuế GTGT (Total before VAT)			Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Cộng tiền thanh toán (Total amount)	
Không chịu thuế GTGT (VAT exemption):							
Thuế suất 0% (VAT rate 0%):							
Thuế suất 5% (VAT rate 5%):		113.824.000			5.691.200	119.515.200	
Thuế suất 8% (VAT rate 8%):		200.000			16.000	216.000	
Thuế suất 10% (VAT rate 10%):							
Tổng cộng (Total):		114.024.000			5.707.200	119.731.200	
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Một trăm mười chín triệu bảy trăm ba mươi một nghìn hai trăm đồng.							

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

Ký ngày (Signing Date): 17/10/2025

(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

